

PHÂN TÍCH KHOẢNG TRỐNG VỀ CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ VÀ THÁCH THỨC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI; CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ KHUYẾN NGHỊ VỀ TÀI CHÍNH XANH

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
--------------------------	---

DANH MỤC HÌNH	6
---------------	---

DANH MỤC BẢNG	6
---------------	---

TÓM TẮT	7
---------	---

1	8
---	---

1.1	9
-----	---

1.2	11
-----	----

1.3	13
-----	----

1.4	15
-----	----

2	15
---	----

3	18
---	----

3.1	18
-----	----

3.1.1	18
-------	----

3.1.2	18
-------	----

3.1.3	19
-------	----

3.1.4	20
-------	----

3.1.5	20
-------	----

3.1.6	25
-------	----

3.2	26
-----	----

3.2.1	26
-------	----

3.2.2	27
-------	----

3.2.3	27
-------	----

4	34
---	----

4.1	34
-----	----

4.1.1	37
-------	----

4.1.2	38
-------	----

4.1.3	42
-------	----

4.2	45
-----	----

4.2.1	45
4.2.2	47
4.2.3	48
4.2.4	49
4.3	51
4.3.1	51
4.3.2	55
5	59
5.1	59
5.1.1	59
5.1.2	61
5.2	65
5.3	66
5.4	67
6	68
7	76
8	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO	79
PHỤ LỤC	81
Phụ lục 1: Các văn bản pháp luật chính của Việt Nam liên quan đến tài chính xanh.....	81
Phụ lục 2: Các sản phẩm tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam	85
Phụ lục 3: Các sản phẩm bảo hiểm xanh tại Việt Nam	91

a. DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
Agribank	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BAU	Kịch bản Phát triển thông thường
BIDV	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ TC	Bộ Tài chính
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CBI	Sáng kiến trái phiếu khí hậu
CO ₂ tđ	CO ₂ tương đương
EIB	Ngân hàng đầu tư châu Âu
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị
ETP	Chương trình Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Đông Nam Á
EU	Liên minh Châu Âu
GGGI	Viện Tăng trưởng Xanh Toàn cầu
GIZ	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
ICMA	Hiệp hội Thị trường vốn quốc tế
IFC	Tập đoàn Tài chính Quốc tế
ISIC	Phân loại Quốc tế về Tiêu chuẩn công nghiệp
ISPONRE	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường
JBIC	Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản
JETP	Chương trình quan hệ đối tác về chuyển dịch năng lượng công bằng
KNK	Khí nhà kính
LBVMT	Luật Bảo vệ Môi trường
MRV	Đo đạc, báo cáo và thẩm định
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NIE	Cơ quan thực hiện quốc gia
ODA	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
SSC	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VDB	Ngân hàng Phát triển Việt Nam
VEPF	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam
Vietcombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
VNEEC	Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường

VNSI
WB

Bộ chỉ số Phát triển bền vững Việt Nam
Ngân hàng Thế giới

b. DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Mức đầu tư trung bình hàng năm trong lĩnh vực năng lượng đối với kịch bản phát thải ròng bằng 0	9
Hình 2: Phạm vi của tài chính khí hậu, tài chính xanh,	10
Hình 3: Dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2015 – 2022	13
Hình 4: Tổng quan về danh mục phân loại xanh trên thế giới	26
Hình 5: Khung pháp lý về tài chính xanh tại Việt Nam	36
Hình 6: Khung tổ chức thể chế hiện hành về tín dụng xanh tại Việt Nam	54
Hình 7: Khung tổ chức thể chế hiện hành về trái phiếu xanh tại Việt Nam	57
Hình 8: Khung tổ chức thể chế về tài chính xanh tại Việt Nam	58
Hình 9: Phân bổ tín dụng xanh cho các lĩnh vực khác nhau tại Việt Nam trong giai đoạn từ 2017 đến 2021	62

c. DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhu cầu tài chính nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam	16
Bảng 2: Nhu cầu tài chính theo lĩnh vực theo NDC 2022	17
Bảng 3: Tổng quan về tài chính xanh tại một số quốc gia	22
Bảng 4: Danh mục phân loại xanh của các quốc gia và khu vực được lựa chọn	29
Bảng 5: So sánh về danh mục phân loại xanh và các hệ thống phân loại xanh khác tại Việt Nam	49
Bảng 6: Vai trò và trách nhiệm của các Bộ, Ngành và các bên liên quan trong triển khai tín dụng xanh tại Việt Nam	52
Bảng 7: Vai trò và trách nhiệm của Bộ, Ngành và các bên liên quan trong triển khai trái phiếu xanh tại Việt Nam	55
Bảng 8: Khoảng trống và khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam	69
Bảng 9: Các bước tiếp theo để thúc đẩy tài chính xanh	76
Bảng 10: Các văn bản pháp luật chính của Việt Nam liên quan đến tài chính xanh	81
Bảng 11: Các sản phẩm tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam	85
Bảng 12: Các sản phẩm bảo hiểm xanh tại Việt Nam	91

d. TÓM TẮT

Hỗ trợ Kỹ thuật bổ sung cho “Chương trình làm mát xanh quốc gia: Nghiên cứu và khảo sát chuyên sâu để xây dựng Chương trình làm mát xanh quốc gia” là một phần trong các hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP), nhằm hỗ trợ Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) của Việt Nam. Mục tiêu của Hỗ trợ Kỹ thuật này là rà soát khung pháp lý, tổ chức thể chế hiện hành và thực trạng triển khai tài chính xanh tại Việt Nam; tiến hành tham vấn với các bên liên quan chính để xác định những khoảng trống, thách thức trong quá trình triển khai tài chính xanh; từ đó đưa ra các khuyến nghị thúc đẩy tài chính xanh nhằm đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 tại Việt Nam.

Báo cáo **“Phân tích khoảng trống về chính sách, thể chế và thách thức trong quá trình triển khai; các phát hiện chính và khuyến nghị về tài chính xanh”** được xây dựng dựa trên Báo cáo tổng quan “Vai trò của ngành tài chính và môi trường cho ngành tài chính trong việc thúc đẩy các dự án đầu tư xanh; đánh giá các bên liên quan chính” và những phát hiện chính trong “Chương trình tham vấn các tổ chức tài chính, ngân hàng phát triển đa phương, đơn vị phát triển dự án, cơ quan nhà nước và các bên liên quan khác”. Báo cáo thực hiện rà soát kinh nghiệm quốc tế về tài chính xanh, đồng thời đi sâu vào nghiên cứu khung pháp lý, tổ chức thể chế cũng như bối cảnh tài chính xanh tại Việt Nam hiện nay, từ đó xác định những khoảng trống và đưa ra các khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính xanh.

Quá trình đánh giá kinh nghiệm quốc tế trong phát triển tài chính xanh tại Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Indonesia và Malaysia nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một chiến lược tổng thể và thành lập cơ quan điều phối quốc gia chịu trách nhiệm điều phối và giám sát thực hiện tài chính xanh. Đồng thời, cơ chế minh bạch đóng vai trò quan trọng thông qua việc phát triển danh mục phân loại xanh và cơ chế công bố, báo cáo thông tin. Bên cạnh đó, cơ chế khuyến khích và các sản phẩm tài chính xanh, hoạt động xây dựng năng lực và các kỹ năng cũng là những yếu tố quan trọng trong thúc đẩy tài chính xanh.

Tại Việt Nam, khung pháp lý về tài chính xanh đã bước đầu được xây dựng, với hai sản phẩm chính được luật hóa: Tín dụng xanh và trái phiếu xanh. Hai sản phẩm này được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 do Quốc hội ban hành vào tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được Chính phủ ban hành vào tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Bên cạnh đó, tài chính xanh cũng đã được đề cập trong khuôn khổ Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Liên quan đến tổ chức thể chế, do khái niệm về thị trường tài chính xanh mới xuất hiện tại Việt Nam, sự tham gia của các bên liên quan hiện đang phát triển, đặc biệt đối với sản phẩm tín dụng xanh và trái phiếu xanh. Các cơ quan quản lý nhà nước, bao gồm Bộ TN&MT, Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) và Bộ Tài chính (Bộ TC) đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tài chính xanh. Theo quy định hiện hành, Bộ TN&MT chịu trách nhiệm xây dựng danh mục phân loại xanh; Bộ KH&ĐT là cơ quan đầu mối điều phối chiến lược tăng

trưởng xanh và chịu trách nhiệm hoàn thiện khung pháp lý nhằm thúc đẩy đầu tư xanh và phát triển hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia; Bộ TC chịu trách nhiệm về trái phiếu xanh; và NHNN chịu trách nhiệm về tín dụng xanh. Ngoài ra, các bên liên quan khác đến tài chính xanh bao gồm các tổ chức tín dụng, chủ dự án, chủ thể phát hành trái phiếu xanh, nhà đầu tư, tổ chức kiểm toán và các bên liên quan khác.

Tín dụng xanh là sản phẩm phổ biến nhất trên thị trường tài chính xanh tại Việt Nam. Tính đến cuối năm 2023, dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam lên tới gần 564 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 4,4% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế. Các ngân hàng thương mại ở Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc thúc đẩy phát triển tín dụng xanh. Hơn 70% tổng dư nợ tín dụng xanh ở Việt Nam được cấp cho các dự án về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và nông nghiệp xanh. Thách thức chính trong việc mở rộng quy mô và khai thác tiềm năng tín dụng xanh nhằm đáp ứng nhu cầu trong khuôn khổ Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và mục tiêu phát thải ròng bằng 0 tại Việt Nam là thiếu các cơ chế khuyến khích và các chính sách giảm thiểu rủi ro cho các tổ chức tín dụng thúc đẩy tín dụng xanh.

Đối với trái phiếu xanh, trong giai đoạn 2019 – 2023, Việt Nam đã phát hành thành công trái phiếu xanh với tổng trị giá lên đến 1.157 USD. Năm 2016, Việt Nam thực hiện dự án thí điểm về trái phiếu xanh nhằm huy động vốn cho các dự án xanh liên quan đến thủy lợi, bảo vệ môi trường và năng lượng gió. Quá trình tham vấn các bên liên quan cho thấy mặc dù nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà đầu tư, tuy nhiên, quy mô thị trường trái phiếu xanh vẫn còn hạn chế. Hiện chưa có thị trường thứ cấp cho trái phiếu xanh ở Việt Nam mà chủ yếu là các giao dịch tư nhân và không được công bố rộng rãi.

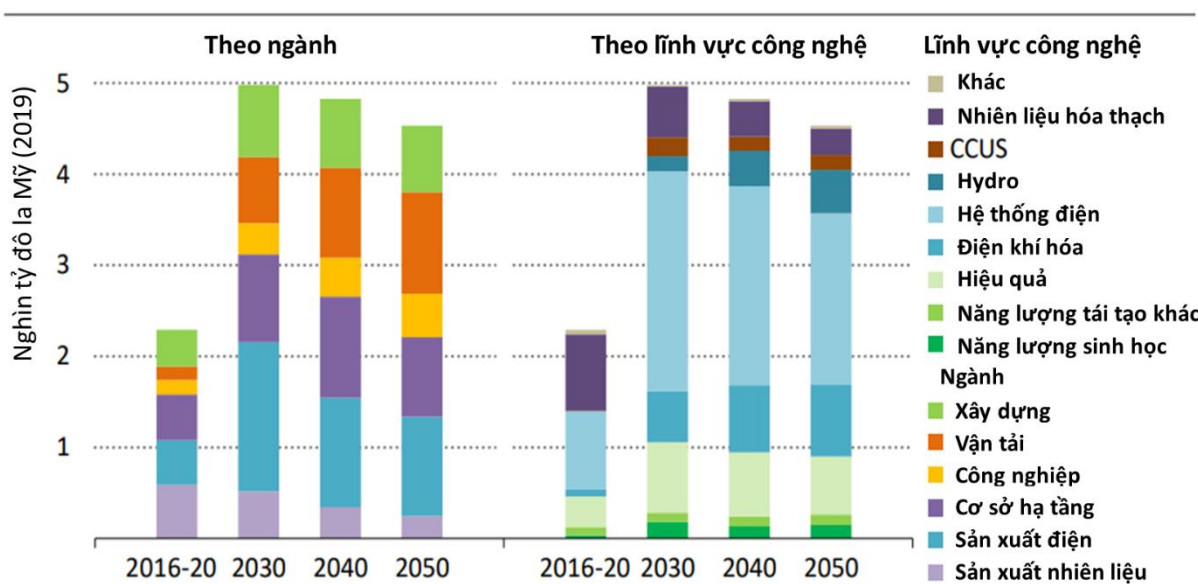
Ngoài ra, thị trường tài chính xanh tại Việt Nam đã xuất hiện một số sản phẩm khác như cổ phiếu xanh và bảo hiểm xanh. Tuy nhiên, những sản phẩm này vẫn đang trong quá trình phát triển và chưa được quy định cụ thể trong khung pháp lý. Do đó, cần xây dựng những chính sách cụ thể để quản lý và phát triển những sản phẩm này.

Dựa trên rà soát kinh nghiệm quốc tế, phân tích bối cảnh quốc gia và tham vấn với các bên liên quan chính, các khoảng trống và khuyến nghị thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng đã được xác định và phân loại thành bốn nhóm chính: (i) Chiến lược và điều phối; (ii) Cơ chế minh bạch; (iii) Nâng cao kỹ năng và năng lực; (iv) Công cụ và cơ chế khuyến khích. Các cơ quan quản lý chịu trách nhiệm cho các hoạt động liên quan đến tài chính xanh cũng được đề xuất dựa trên chức năng và chuyên môn của các bộ ngành, bao gồm Bộ TN&MT, Bộ KH&ĐT, Bộ TC và NHNN. Đồng thời, báo cáo cũng đề xuất các bước tiếp theo cần thực hiện để thúc đẩy các dự án làm mát xanh và các sáng kiến xanh đối với Bộ TN&MT, NHNN, Bộ KH&ĐT và Bộ TC nhằm tăng cường những nỗ lực hiện tại của các bộ ngành trong việc thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam.

1 Bối cảnh

1.1 Vai trò của tài chính xanh trong việc thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 toàn cầu

Trong bối cảnh các quốc gia đang nỗ lực hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0, mặc dù việc sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ đổi mới, mua sắm bền vững và hỗ trợ các ngành và khu vực bị ảnh hưởng là cần thiết, cần phải tích cực thu hút sự tham gia của ngành tài chính trong việc thu hút nguồn vốn tư nhân vào các hoạt động đầu tư bền vững. Trên phạm vi toàn cầu, quá trình chuyển đổi hướng đến phát thải ròng bằng 0 đòi hỏi một khoản đầu tư đáng kể, lên đến gần 200 nghìn tỷ USD vào năm 2050, với cam kết đầu tư hàng năm là 6,7 nghìn tỷ USD (BloombergNEF, 2022). Cụ thể, theo kịch bản phát thải ròng bằng 0, mức đầu tư hàng năm trong lĩnh vực năng lượng cần tăng từ trung bình hơn 2 nghìn tỷ USD trong giai đoạn 2016-2020 lên đến gần 5 nghìn tỷ USD vào năm 2030 và khoảng 4,5 nghìn tỷ USD vào năm 2050 (IEA, 2021). Thông tin về mức đầu tư toàn cầu cần thiết trong lĩnh vực năng lượng đối với kịch bản phát thải ròng bằng 0 được thể hiện trong hình 1.

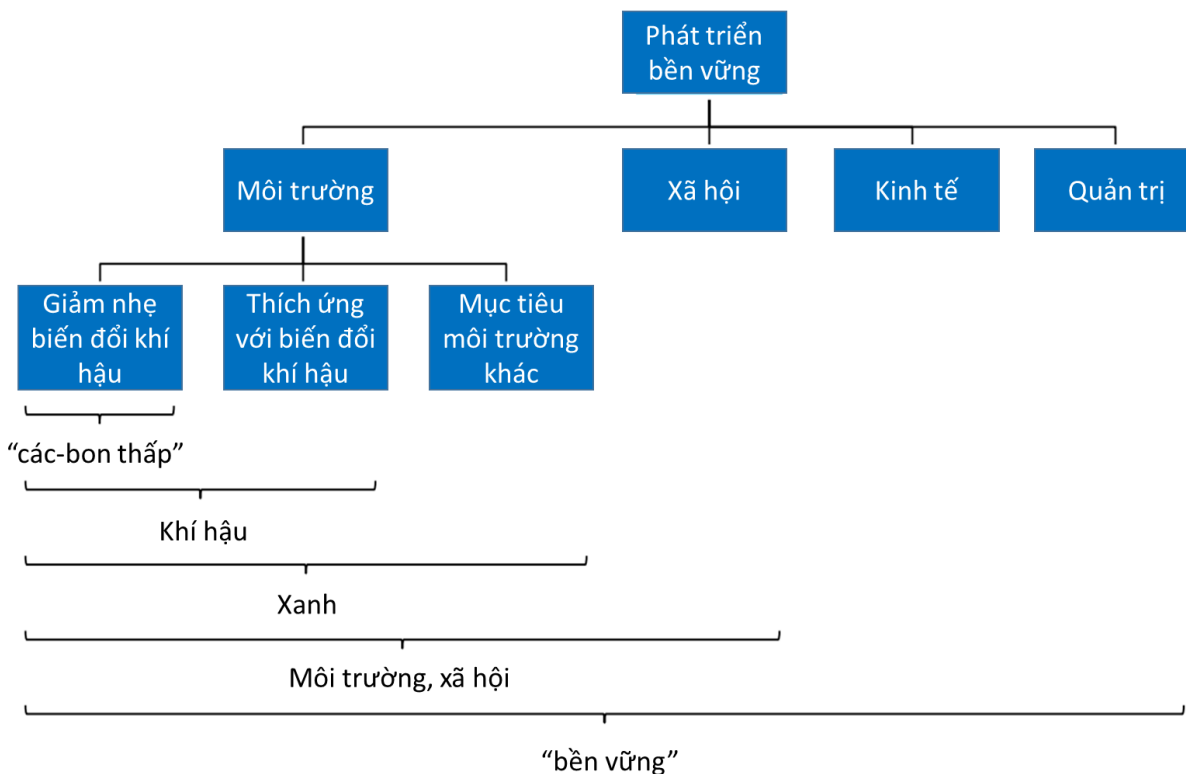


Hình 1: Mức đầu tư trung bình hàng năm trong lĩnh vực năng lượng đối với kịch bản phát thải ròng bằng 0

Nguồn: IEA, 2021

Nhằm đẩy mạnh các giải pháp các-bon thấp và chuyển đổi các lĩnh vực phát thải lớn hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0, hệ thống tài chính đóng vai trò quan trọng ở các phạm vi khác nhau. Trong đó, tài chính khí hậu cung cấp quỹ và vốn để giải quyết vấn đề thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, trong khi tài chính xanh có phạm vi rộng hơn, bao gồm các mục tiêu môi trường khác (ví dụ: bảo vệ/phục hồi đa dạng sinh học). Tài chính xanh là một công

cụ quan trọng trong nỗ lực thích ứng biến đổi khí hậu và được coi là một phần của tài chính bền vững – với phạm vi mở rộng sang các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Hình 2 minh họa phạm vi của tài chính khí hậu, tài chính xanh và tài chính bền vững.



Hình 2: Phạm vi của tài chính khí hậu, tài chính xanh, và tài chính bền vững

Nguồn: UNEP, 2016

Nhìn chung, tài chính xanh là thuật ngữ dùng để mô tả các công cụ và dịch vụ tài chính được thiết kế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững về môi trường. Tài chính xanh bao gồm một loạt các sản phẩm và dịch vụ tài chính và có thể được chia thành các sản phẩm đầu tư, sản phẩm ngân hàng và bảo hiểm. Tài chính xanh bao gồm các hành động và sáng kiến, ví dụ như phát triển, thực hiện và thúc đẩy các dự án và sáng kiến tạo ra tác động tích cực đến khí hậu và môi trường. Bên cạnh việc cung cấp vốn cho đầu tư xanh, một mục tiêu khác của tài chính xanh là giảm thiểu rủi ro đối với các dự án xanh nhằm tạo ra môi trường tài chính an toàn cho các nhà đầu tư.

Trên phạm vi toàn cầu, sự phát triển của các sản phẩm tài chính xanh có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây, nhấn mạnh động lực và cam kết ngày càng tăng đối với các hoạt động tài chính bền vững trên quy mô toàn cầu. Kể từ lần phát hành đầu tiên vào năm 2007 nhằm tài trợ cho các giải pháp về biến đổi khí hậu và môi trường, thị trường trái phiếu xanh đã tiếp tục phát triển và đạt mức giá trị toàn cầu là 1 nghìn tỷ USD (GGGI, 2021). Trong

lĩnh vực tín dụng xanh, thị trường tín dụng xanh và liên kết bền vững toàn cầu lập kỷ lục mới với hơn 681 tỷ USD vào năm 2021, tăng 275% so với 181,7 tỷ USD được huy động vào năm 2020 (LSTA, 2022).

1.2 Tổng quan về tài chính xanh ở Việt Nam

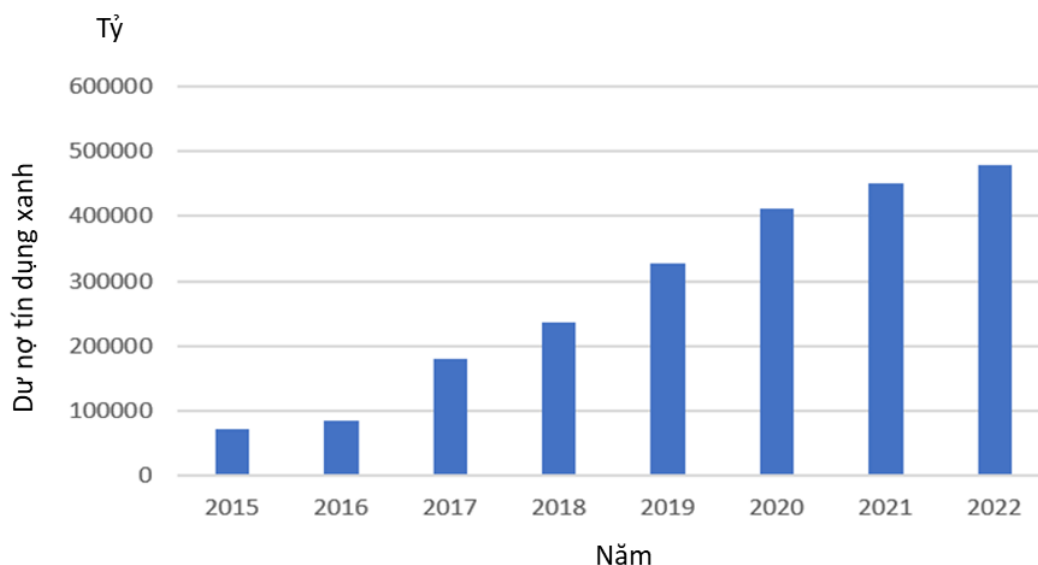
Cùng với quá trình chuyển đổi tài chính toàn cầu, khái niệm về tài chính xanh đã được đưa vào kế hoạch tăng trưởng xanh quốc gia và các quy định liên quan tại Việt Nam. Theo đó, tài chính xanh là các dòng tài chính (ngân hàng, tín dụng vi mô, bảo hiểm, đầu tư) từ các khu vực kinh tế khác nhau (tư nhân, nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận) phục vụ các ưu tiên và mục tiêu tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế. Hai loại sản phẩm tài chính xanh, bao gồm tín dụng xanh và trái phiếu xanh đã chính thức được luật hóa trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020 (LBVMT 2020). Theo LBVMT 2020, tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho các dự án đầu tư sau: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; (ii) Thích ứng với biến đổi khí hậu; (iii) Quản lý chất thải; (iv) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; (v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; (vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (vii) Tạo ra các lợi ích khác về môi trường. Trái phiếu xanh được định nghĩa là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp phát hành theo luật về trái phiếu nhằm huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường và các dự án đầu tư mang lại lợi ích cho môi trường.

Hiện nay, Việt Nam đang huy động nhiều nguồn tài chính khác nhau nhằm thu hẹp các khoảng cách tài chính trong tài chính xanh. Các nguồn tài chính đó bao gồm đầu tư công, Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) và đầu tư của khu vực tư nhân:

- Đầu tư công: Bao gồm các khoản đầu tư vào phát triển và tài trợ cho các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm cả các nỗ lực thích ứng và giảm nhẹ. Đầu tư công cũng bao gồm chi thường xuyên cho các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh. Đáng chú ý, từ năm 2015 đến năm 2020, Việt Nam đã phân bổ khoảng 166,2 nghìn tỷ đồng (khoảng 7 tỷ USD) mỗi năm cho ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả giảm nhẹ, thích ứng và đầu tư cơ sở hạ tầng), chiếm 10,9% tổng ngân sách nhà nước (Bộ TN&MT, 2022). Năm 2018, con số này chiếm khoảng 3% GDP cả nước, cao hơn một số nước trong khu vực như Thái Lan và Campuchia (Bộ TN&MT, 2022). Tuy nhiên, phần ngân sách dành riêng cho việc giảm phát thải khí nhà kính (KNK) vẫn còn hạn chế, thường chỉ chiếm khoảng 6-10% tổng ngân sách sử dụng cho các mục đích liên quan đến khí hậu (MPI, 2022) .
- ODA: Trong giai đoạn 2012 - 2019, bình quân mỗi năm Việt Nam nhận được 2,26 tỷ USD vốn ODA dành cho các hoạt động giảm nhẹ biến đổi khí hậu (JETP RMP, 2023). Tuy nhiên, từ sau năm 2014, Việt Nam đã trở thành một nước có mức thu nhập trung bình dẫn đến mức vốn vay ưu đãi giảm, khiến cho dòng vốn ODA vào Việt Nam bắt đầu giảm.

- Đầu tư tư nhân từ doanh nghiệp: Bao gồm các công cụ tài chính như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư theo hình thức đối tác công-tư (PPP):
 - Tín dụng xanh: Tín dụng xanh ở Việt Nam chủ yếu hướng tới các lĩnh vực như nông nghiệp và năng lượng tái tạo với giá trị trung bình hàng năm vào khoảng 12,91 tỷ USD trong giai đoạn 2018-2020. Tính đến cuối năm 2023, dư nợ tín dụng xanh ở Việt Nam lên tới gần 564 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 4,4% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế. Phần lớn tín dụng xanh tập trung trong lĩnh vực năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, chiếm 47% tổng tín dụng (NHNN, 2023).
 - Trái phiếu xanh: Việt Nam đã thực hiện dự án thí điểm trái phiếu xanh vào năm 2016 để huy động tài chính cho các dự án xanh, bao gồm các dự án liên quan đến thủy lợi, bảo vệ môi trường và điện gió. Năm 2021, ước tính 1,5 tỷ USD trái phiếu xanh, xã hội và bền vững (GSS) đã được phát hành, trong đó Chính phủ là đơn vị phát hành lớn nhất với hơn 80% trái phiếu, theo sau là các ngân hàng phát triển (Bộ TC, 2022). Bộ TC ước tính khoảng 57% số trái phiếu này hướng tới đầu tư vào năng lượng tái tạo - ngành công nghiệp chính được Việt Nam quan tâm, cùng với đó là lĩnh vực chất thải và nông nghiệp (Bộ TC, 2021).

Thị trường tài chính xanh ở Việt Nam đạt mức tăng trưởng đáng chú ý trong những năm gần đây. Năm 2021, với tổng số 1,5 tỷ USD trái phiếu GSS, cao gần gấp 5 lần năm 2020 (0,3 tỷ USD), giá trị trái phiếu xanh phát hành tại Việt Nam đứng thứ hai trong ASEAN (Bộ TC, 2022). Trong khi đó, dư nợ tín dụng xanh cho các lĩnh vực xanh có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 23% trong giai đoạn 2017-2022 (Nguyễn Chí Tín, 2023). Đến cuối năm 2022, dư nợ tín dụng cho các dự án xanh đạt gần 500 nghìn tỷ đồng, được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 3: Dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2015 – 2022

Nguồn: Nguyễn Chí Tín, 2023

Mặc dù tài chính xanh có tiềm năng đóng góp trong ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0, tuy nhiên, tài chính xanh tại Việt Nam vẫn chưa phát triển hết tiềm năng. Tài chính xanh phải đối mặt với những thách thức như tính thanh khoản thấp từ phía cung và sự thiếu nhận thức cũng như không đủ động lực từ phía cầu.

1.3 Tài chính xanh trong thúc đẩy quá trình chuyển đổi lĩnh vực làm mát xanh tại Việt Nam

Với xu thế nhiệt độ toàn cầu và quá trình đô thị hóa tăng cao, nhu cầu về hệ thống làm mát trong các lĩnh vực khác nhau như tòa nhà dân cư, trung tâm thương mại, trung tâm dữ liệu và giao thông vận tải ngày càng tăng. Theo đó, việc tăng công suất điện để đáp ứng nhu cầu làm mát ngày càng tăng trên phạm vi toàn cầu sẽ tiêu tốn khoảng 4,6 nghìn tỷ USD trong thập kỷ tới (The Economist Intelligence Unit, 2020).

Tại Việt Nam, lĩnh vực làm mát đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế và được dự đoán sẽ tăng trưởng đáng kể trong những năm tới để đáp ứng nhu cầu cũng như sự phát triển kinh tế xã hội. Theo ước tính của Nhóm Tư vấn thực hiện Hỗ trợ Kỹ thuật “Chương trình làm mát xanh quốc gia: Nghiên cứu và khảo sát chuyên sâu để xây dựng Chương trình làm mát xanh quốc gia”, vào năm 2022, lượng điện tiêu thụ trong lĩnh vực làm mát là 65,95 TWh, chiếm 25,2% tổng sản lượng điện sản xuất và cung cấp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đồng thời mức sử dụng năng lượng được dự báo sẽ tăng gấp ba lần vào năm 2050. Lĩnh vực làm mát cũng đóng góp đáng kể vào phát thải KNK. Năm 2022, tổng phát thải của lĩnh vực làm mát là 64,68 triệu tấn CO₂tđ, dự kiến sẽ tăng lên 91,7 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2030 (chiếm

9,88% tổng lượng phát thải quốc gia) theo kịch bản phát triển thông thường (BAU) trong Đóng góp do quốc gia xác định 2022 (NDC 2022). Do đó, trong bối cảnh Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, việc chuyển đổi và thúc đẩy các sáng kiến làm mát xanh là cần thiết.

Trong bối cảnh đó, các tổ chức tài chính có thể đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy làm mát xanh bằng cách cung cấp các sản phẩm tài chính để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang làm mát xanh, nhằm tăng khả năng tiếp cận và cung cấp các sản phẩm có giá cả phải chăng hơn. Tài chính xanh có thể đóng vai trò là chất xúc tác để nhân rộng các giải pháp làm mát xanh và bền vững thông qua việc điều chỉnh các nguồn tài chính phù hợp với nhu cầu cụ thể. Một số vai trò chính của tài chính xanh trong việc thúc đẩy làm mát xanh có thể được kể đến như sau:

- Áp dụng công nghệ: Tài chính xanh tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các công nghệ làm mát xanh bằng cách cung cấp kinh phí cho quá trình nghiên cứu, xây dựng và thực hiện. Các hoạt động này bao gồm đầu tư vào các sáng kiến như môi chất lạnh thân thiện với khí hậu và tầng ô-dôn, hệ thống tiết kiệm năng lượng và các giải pháp làm mát sử dụng năng lượng tái tạo.
- Phát triển cơ sở hạ tầng: Nguồn vốn được phân bổ thông qua cơ chế tài chính xanh có thể hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng cần thiết cho làm mát xanh. Sự phát triển cơ sở hạ tầng này bao gồm các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, hệ thống làm mát thông minh và mạng lưới phân phối các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời hoặc địa nhiệt.
- Chuyển đổi thị trường: Tài chính xanh thúc đẩy chuyển đổi thị trường bằng cách khuyến khích đầu tư vào các giải pháp làm mát xanh. Khuyến khích các tổ chức tài chính, doanh nghiệp và chính phủ phân bổ nguồn lực cho các công nghệ thân thiện với môi trường, từ đó tạo ra một thị trường mạnh mẽ cho các sản phẩm và dịch vụ này.

Quá trình chuyển đổi sang làm mát hiệu quả và thân thiện với khí hậu đòi hỏi một khoản đầu tư xanh đáng kể, đặc biệt là ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Nhu cầu tài chính xanh không chỉ phục vụ mục đích áp dụng công nghệ mới mà còn để phát triển các chính sách hỗ trợ, xây dựng năng lực và thiết lập các điều kiện thị trường phù hợp. Nhu cầu tài chính rất đa dạng, bao gồm các lĩnh vực như: (i) Nghiên cứu và phát triển các công nghệ làm mát mới vừa tiết kiệm năng lượng vừa sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP) thấp; (ii) Nhân rộng các công nghệ làm mát hiệu quả hiện có; (iii) Thiết lập và thực thi các chính sách và quy định thúc đẩy áp dụng các giải pháp làm mát xanh; (iv) Tiến hành các hoạt động nâng cao năng lực và chương trình đào tạo cho kỹ thuật viên và các bên liên quan khác trong lĩnh vực làm mát; và (v) Tài trợ cho các chiến dịch nâng cao nhận thức để giáo dục người tiêu dùng và doanh nghiệp về lợi ích của việc làm mát tiết kiệm năng lượng.

Thúc đẩy tài chính xanh cho các sáng kiến làm mát xanh đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về bối cảnh của Việt Nam, từ khung pháp lý, tổ chức thể chế quản lý tài chính xanh đến bối cảnh về tài chính xanh trong nước. Đây chính là chìa khóa để thúc đẩy các dự án xanh, đặc biệt là những dự án tập trung vào sáng kiến làm mát xanh.

1.4 Phạm vi Hỗ trợ Kỹ thuật

Hỗ trợ Kỹ thuật bổ sung thuộc “Chương trình làm mát xanh quốc gia: Nghiên cứu và khảo sát chuyên sâu để xây dựng Chương trình làm mát xanh quốc gia” là một phần trong các hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Đối tác Chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) cho Cục Biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT của Việt Nam. Mục tiêu của Hỗ trợ Kỹ thuật này là rà soát cơ chế pháp lý, tổ chức thể chế hiện hành và hiện trạng tài chính xanh ở Việt Nam; tiến hành tham vấn với các bên liên quan chính để xác định những khoảng trống pháp lý và thể chế cũng như những thách thức trong quá trình triển khai tài chính xanh, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính xanh cho các sáng kiến làm mát xanh cũng như các dự án xanh trong các lĩnh vực khác (năng lượng tái tạo, giao thông bền vững, nông nghiệp, v.v.), góp phần đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 ở Việt Nam.

Trong khuôn khổ Hỗ trợ Kỹ thuật, báo cáo “Phân tích khoảng trống về chính sách, thể chế và thách thức trong quá trình triển khai; các phát hiện chính và khuyến nghị về tài chính xanh” sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan về kinh nghiệm quốc tế trong quá trình thúc đẩy tài chính xanh, phân tích khung pháp lý, tổ chức thể chế, hiện trạng triển khai tài chính xanh tại Việt Nam, từ đó xác định khoảng trống và đưa ra các khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính xanh, góp phần đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 tại Việt Nam. Báo cáo bao gồm hai nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 4: Phân tích những khoảng trống về chính sách, thể chế, thách thức trong quá trình triển khai
- Nhiệm vụ 5: Các phát hiện chính và khuyến nghị

Phân tích tài chính chuyên sâu cho lĩnh vực làm mát xanh sẽ được thực hiện trong phạm vi “Nhiệm vụ 7: Tiến hành rà soát và phân tích tài chính, phương pháp triển khai và mô hình tài chính” của Hỗ trợ Kỹ thuật “Chương trình làm mát xanh quốc gia: Nghiên cứu và khảo sát chuyên sâu để xây dựng Chương trình làm mát xanh quốc gia” sẽ được đưa vào Báo cáo Giai đoạn 3 trong phạm vi của Hợp đồng chính.

2 Nhu cầu tài chính xanh hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng 0 tại Việt Nam

Để đạt được mức phát thải ròng toàn cầu bằng 0 vào giữa thế kỷ này, từ nay đến năm 2050, mỗi năm cần có một khoản đầu tư khoảng 4,4 nghìn tỷ USD (IRENA, 2021) cho đa dạng các lĩnh vực lĩnh vực, bao gồm năng lượng tái tạo, cơ sở hạ tầng, giao thông và đổi mới công nghệ.

Để giải quyết thách thức cấp bách trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam phải đối mặt với nhu cầu tài chính rất lớn, ước tính sẽ vượt 3 - 5% GDP cả nước vào năm 2030 (Chính phủ, 2022). Vốn đầu tư cần thiết để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh dự kiến rơi vào khoảng 30 tỷ USD, trong đó 30% đến từ ngân sách nhà nước và 70% đến từ khu vực tư nhân và ODA (Chính phủ, 2022). Trong giai đoạn 2021 - 2030, Việt Nam dự kiến cần khoảng 54,99 - 91,65 tỷ USD để tài trợ cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu (Chính phủ, 2022). Nhu cầu tài chính để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 1: Nhu cầu tài chính nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam (giai đoạn 2021-2030)

Nội dung	Nhu cầu tài chính trung bình hàng năm	Giá trị tích lũy
	(% GDP)	(tỷ USD)
Tổng nhu cầu tài chính nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu	3,0 - 5,0	54,99 - 91,65
Nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có	1,2	22,0
Xây dựng cơ sở hạ tầng mới	1,6 - 3,1	29,33 - 56,82
Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng	0,2 - 0,7	3,67 - 12,83
Nguồn tài chính sẵn có cho ứng phó với biến đổi khí hậu	1,5	27,5
Nhu cầu tài chính bổ sung cho ứng phó với biến đổi khí hậu	1,5 - 3,5	27,5 - 64,16

Nguồn: Chính phủ, 2022

Để thực hiện giảm 15,8% lượng phát thải KNK (tương đương 146,3 triệu tấn CO₂tđ) vào năm 2030 bằng nguồn lực trong nước so với BAU thì cần thêm nguồn tài chính 21,7 tỷ USD (Chính phủ, 2022). Với khoảng 86,8 tỷ USD từ hỗ trợ quốc tế dưới các hình thức viện trợ không hoàn lại, vốn vay ưu đãi, hỗ trợ công nghệ và xây dựng năng lực, Việt Nam có thể tăng mức giảm phát thải lên 43,5% (tương đương 403,7 triệu tấn CO₂tđ), vào năm 2030 so với BAU (Chính phủ, 2022). Nhu cầu tài chính theo các lĩnh vực để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 trong NDC 2022 được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 2: Nhu cầu tài chính theo lĩnh vực theo NDC 2022

Lĩnh vực	Đóng góp không điều kiện về giảm phát thải			Giảm phát thải từ hỗ trợ thêm của quốc tế			Đóng góp có điều kiện về giảm phát thải		
	So với BAU quốc gia (%)	Lượng giảm (triệu tấn CO ₂ đđ)	Nhu cầu tài chính (triệu USD)	So với BAU quốc gia (%)	Lượng giảm (triệu tấn CO ₂ đđ)	Nhu cầu tài chính (triệu USD)	So với BAU quốc gia (%)	Lượng giảm (triệu tấn CO ₂ đđ)	Nhu cầu tài chính (triệu USD)
Năng lượng	7,0	64,8	14.464,4	17,5	12,2	46.097,0	24,4	227,0	60.561.4
Nông nghiệp	1,3	12,4	2.122,8	4,1	38,5	13.979,4	5,5	50,9	16.102.2
Sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF)	3,5	32,5	3.927,4	1,5	14,1	1.567,4	5,0	46,6	5.494.9
Chất thải	1,0	8,7	916,6	2,2	20,7	1.809,5	3,2	29,4	2.726.1
Quy trình công nghiệp (IP)	3,0	27,9	310,0	2,4	21,9	1.640,2	5,4	49,8	1.950.1
Tổng	15,8	146,3	21.741,2	27,7	257,4	65.093,4	43,5	403,7	86.834.7

Nguồn: Chính phủ, 2022

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, Việt Nam và Nhóm Đối tác Quốc tế (IPG) đã đưa ra Tuyên bố Chính trị về việc thiết lập Quan hệ Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). JETP hướng tới “hỗ trợ phát thải các-bon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam, đồng thời hỗ trợ Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển đổi công bằng và khử các-bon trong hệ thống điện và phát triển các cơ hội kinh tế mới nhằm chuyển đổi sang phát thải ròng bằng 0 trong tương lai” (Ủy ban Châu Âu, 2023) .

Trong khuôn khổ JETP, Kế hoạch Huy động Nguồn lực (RMP) được xây dựng nhằm huy động các nguồn lực để thực hiện JETP. RMP được công bố tại Hội nghị các bên tham gia UNFCCC 28 (COP28) vào tháng 12 năm 2023. RMP là bước đầu tiên trong việc triển khai JETP nhằm huy động 15,5 tỷ USD, trong đó phần lớn là các khoản vay thương mại theo lãi suất thị trường trong vòng 3 đến 5 năm với mục đích tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phụ thuộc vào than đá.

Theo RMP, "Tài chính công và tư nhân xanh đóng vai trò cần thiết, giúp chuyển đổi nền kinh tế theo hướng bền vững hơn, đồng thời tận dụng nguồn lực quốc tế để hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh".

3 Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển tài chính xanh

Dựa trên đề xuất trong quá trình tham vấn với các bên liên quan, các quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương được lựa chọn để nghiên cứu kinh nghiệm trong thúc đẩy tài chính xanh bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Indonesia và Malaysia. Các quốc gia này đều có những bước tiến đáng kể trong việc triển khai tài chính xanh.

3.1 Tổng quan kinh nghiệm quốc tế trong phát triển tài chính xanh

3.1.1 Trung Quốc

Trung Quốc đã xây dựng khung pháp lý định hình hệ thống tài chính xanh cùng các hướng dẫn thực hiện và khuyến khích từ khá sớm. Các chính sách đáng chú ý bao gồm Hướng dẫn Tín dụng Xanh ban hành năm 2007, Hướng dẫn Thiết lập Hệ thống Tài chính Xanh ban hành năm 2016 và Danh mục Hướng dẫn về Công nghiệp Xanh ban hành năm 2019.

Kể từ đó, tài chính xanh tại Trung Quốc đã tăng trưởng nhanh chóng, thúc đẩy việc mở rộng thị trường trái phiếu xanh. Thị trường trái phiếu xanh của Trung Quốc chuyển đổi rõ rệt từ mức phát hành không đáng kể vào năm 2015 thành quốc gia phát hành trái phiếu xanh lớn thứ hai trên thế giới vào năm 2019 với 31,3 tỷ USD, chỉ sau Hoa Kỳ với 51,3 tỷ USD (CBI, 2020).

Một điểm sáng trong định hướng tiếp cận tài chính xanh của Trung Quốc là sáng kiến thực hiện các chương trình thí điểm tại các thành phố như Thâm Quyển, Trùng Khánh, Hồ Châu và Bắc Kinh từ năm 2021 đến năm 2022. Các chương trình thí điểm này được thực hiện để đánh giá tính hiệu quả của các chính sách nhằm nhân rộng các mô hình thành công. Chính quyền địa phương ban hành hệ sinh thái tài chính xanh riêng, phù hợp với các chính sách của trung ương, đồng thời điều chỉnh cho phù hợp với địa phương và áp dụng các phương pháp đổi mới nhằm thúc đẩy tài chính xanh trên toàn quốc (WANG & Ziyang, 2023).

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc là cơ quan đứng đầu quản lý tài chính xanh. Bên cạnh đó cũng có sự tham gia của nhiều bộ và cơ quan quản lý, bao gồm Bộ Tài chính, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia, Bộ Sinh thái và Môi trường, Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc, Ủy ban Chứng khoán và Điều tiết Trung Quốc, Ủy ban Quản lý và Tài sản Nhà nước.

3.1.2 Nhật Bản

Tài chính xanh ở Nhật Bản bắt đầu triển khai từ năm 2014 khi Ngân hàng Phát triển Nhật Bản phát hành trái phiếu xanh lần đầu tiên. Kể từ đó, Nhật Bản đã ban hành các chính sách và hướng dẫn quan trọng liên quan đến việc triển khai các sản phẩm tài chính xanh, ví dụ

như Hướng dẫn Trái phiếu Xanh (2017), Nền tảng Thúc đẩy Phát hành Trái phiếu Xanh (2018) và Hướng dẫn Cơ bản về Tài chính Chuyển đổi Khí hậu (2021). Năm 2018, khoản đầu tư bền vững do Nhật Bản quản lý đạt 263 nghìn tỷ yên Nhật (2,4 tỷ USD) (OECD, 2020). Thị trường trái phiếu xanh của Nhật Bản giữ vị trí thứ 9 trên toàn cầu và lớn thứ hai ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, sau Trung Quốc, với lượng phát hành lũy kế đạt 1.875 tỷ yên Nhật (17 tỷ USD) vào cuối năm 2019 – lượng trái phiếu xanh được phát hành tăng 70% so với năm 2018 (OECD, 2020). Đáng chú ý, các doanh nghiệp tài chính đóng vai trò quan trọng trong thị trường này khi đóng góp tới 50% tổng lượng phát hành, tương đương 938,8 tỷ yên Nhật (OECD, 2020).

Các cơ quan chịu trách nhiệm thúc đẩy tài chính xanh tại Nhật Bản bao gồm Cơ quan Dịch vụ Tài chính chịu trách nhiệm giám sát các quy định và thị trường tài chính; Bộ Môi trường, chuyên về chính sách môi trường và bền vững; và Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, tập trung vào các khía cạnh kinh tế và công nghiệp. Các cơ quan này phối hợp trong quá trình thúc đẩy tài chính xanh, đảm bảo sự phù hợp của các chiến lược tài chính với các mục tiêu bền vững về môi trường và kinh tế trong bối cảnh của Nhật Bản.

3.1.3 Singapore

Singapore đặt mục tiêu trở thành trung tâm tài chính xanh hàng đầu trong khu vực. Singapore bắt đầu triển khai tài chính xanh vào năm 2017, khi Đề án trái phiếu bền vững được công bố, sau đó là đợt phát hành trái phiếu xanh đầu tiên vào tháng 4 cùng năm. Khung pháp lý chính liên quan đến tài chính xanh tại Singapore bao gồm: (i) Kế hoạch hành động Tài chính Xanh được ban hành vào năm 2019 và (ii) Kế hoạch xanh Singapore 2030 được ban hành vào năm 2021. Các khung pháp lý này đóng vai trò là nền tảng, cung cấp một cách tiếp cận có cấu trúc để khuyến khích các sáng kiến khu vực công và tư nhân, thúc đẩy một Singapore bền vững và thích ứng với khí hậu. Thị trường tài chính xanh của Singapore đang có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, đặc biệt thể hiện rõ ở khối lượng trái phiếu xanh được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Singapore ngày càng tăng. Khối lượng trái phiếu xanh được niêm yết tích lũy trên Sàn giao dịch Singapore đã tăng từ một niêm yết duy nhất trị giá 500 triệu USD vào năm 2013 lên tới 103 niêm yết trị giá 44 tỷ USD vào năm 2020 (IMF, n.d.).

Cơ quan đóng vai trò quan trọng nhất trong quản lý tài chính xanh là Ủy ban Tiền tệ Singapore - ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý tài chính. Vào tháng 1 năm 2021, Ủy ban Tiền tệ Singapore đã thành lập Ban Công nghiệp Tài chính Xanh, hoạt động từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 4 năm 2023, với các mục tiêu chính: (i) xây dựng Singapore trở thành trung tâm tài chính hàng đầu về tài chính xanh và bền vững ở Châu Á; (ii) tận dụng tài chính xanh và bền vững như một trong những cách tiếp cận chính để đạt được kế hoạch xanh của Singapore; (iii) xác định các phương pháp tối ưu nhất, cũng như các biện pháp chính và nguồn lực cần thiết để phát triển hệ sinh thái tài chính xanh và bền vững tại Singapore (GFIT, n.d.).

3.1.4 Indonesia

Tài chính xanh ở Indonesia là một lĩnh vực đang phát triển, được thúc đẩy bởi cam kết của quốc gia về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Lộ trình Tài chính Bền vững giai đoạn I kéo dài từ 2015 đến 2019 do Cơ quan Dịch vụ Tài chính Indonesia ban hành năm 2014 là chính sách chính thức đầu tiên của Indonesia về tài chính xanh. Lộ trình này nhằm hướng dẫn một cách có hệ thống ngành tài chính quốc gia nhằm đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững. Theo đó, Lộ trình Tài chính Bền vững giai đoạn II kéo dài từ năm 2021 đến năm 2025 đã được ban hành vào năm 2021. Lộ trình này nhằm mục đích thúc đẩy hơn nữa cung và cầu đối với các công cụ tài chính bền vững. Hơn nữa, để khuyến khích sự phát triển của các sản phẩm tài chính xanh và bền vững, Cơ quan Dịch vụ Tài chính Indonesia đã ban hành một loạt chính sách tài chính bền vững. Nhờ đó, thị trường tài chính xanh ở Indonesia đang phát triển mạnh mẽ. Việc phát hành trái phiếu GSS trị giá 7,7 tỷ USD vào năm 2022 (CBI, 2022), cho thấy nỗ lực đáng chú ý trong cam kết của quốc gia đối với các thực hành tài chính có trách nhiệm với môi trường.

Cơ quan Dịch vụ Tài chính Indonesia đóng vai trò là cơ quan đầu mối trong phát triển tài chính xanh tại Indonesia, có nhiệm vụ quản lý các dịch vụ tài chính, giữ vị trí trung tâm trong việc định hình các hoạt động tài chính bền vững và có trách nhiệm với môi trường.

3.1.5 Malaysia

Hoạt động đầu tiên của thị trường tài chính xanh tại Malaysia được đánh dấu vào năm 2017 khi trái phiếu xanh Hồi giáo đầu tiên trên thế giới của Malaysia được phát hành để tài trợ cho một nhà máy điện mặt trời. Kể từ đó, thị trường trái phiếu xanh nói riêng và tài chính xanh nói chung đã không ngừng phát triển ở Malaysia. Vào tháng 11 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán đã ban hành Lộ trình đầu tư bền vững và có trách nhiệm – một sáng kiến quan trọng nhằm xây dựng hệ sinh thái tài chính bền vững của Malaysia, nêu rõ vai trò của thị trường vốn trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của quốc gia. Đồng thời, các chính sách tài chính xanh và các cơ chế khuyến khích liên quan nhằm giảm thuế cho các sáng kiến xanh cũng đã được triển khai để hỗ trợ sự phát triển của tài chính xanh ở Malaysia. Tính đến tháng 6 năm 2020, Malaysia đã phát hành tổng cộng 12 trái phiếu Sukuk xanh, cùng với 2 trái phiếu xã hội và 3 trái phiếu bền vững, với tổng giá trị tương đương 2,090 triệu USD (MSFI, n.d.).

Tại Malaysia, tài chính xanh được điều phối thông qua nỗ lực hợp tác giữa Ủy ban Chứng khoán Malaysia và Ngân hàng Negara Malaysia. Hai cơ quan này đóng vai trò then chốt trong việc định hướng phát triển tài chính xanh, đảm bảo cách tiếp cận toàn diện và tích hợp hướng tới sự bền vững môi trường trong ngành tài chính của Malaysia. Trong khuôn khổ hợp tác này, hai tổ chức phối hợp thực hiện, điều chỉnh các công cụ và cơ chế tài chính khác nhau nhằm hỗ trợ và thúc đẩy đầu tư xanh tại Malaysia.

Bảng dưới đây tóm tắt đánh giá về tài chính xanh ở các quốc gia nói trên. Đây là các quốc gia được đánh giá tích cực trong việc phát triển tài chính xanh và đã thiết lập hệ thống tài chính xanh quốc gia tương đối hoàn thiện.

Bảng 3: Tổng quan về tài chính xanh tại một số quốc gia

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Singapore	Indonesia	Malaysia
Chiến lược và điều phối					
Kế hoạch tổng thể về tài chính xanh	Hướng dẫn về việc Thiết lập Hệ thống Tài chính xanh (2016); Bảng Danh mục Hướng dẫn cho Ngành Công nghiệp xanh (2019)	Chiến lược về Tài chính xanh Bền vững (2021/2022)	Kế hoạch Hành động Tài chính xanh (2019); Kế hoạch Xanh Singapore 2030 (2021)	Lộ trình Tài chính Bền vững (Giai đoạn I: 2015 – 2019 (2014) và Giai đoạn II: 2021 – 2025) (2021)	Lộ trình Đầu tư Trách nhiệm và Bền vững (2019)
Cơ quan đầu mối	Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc	Cơ quan Dịch vụ Tài chính; Bộ Môi trường; Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	Ủy ban Tiền tệ Singapore	Cơ quan Dịch vụ Tài chính của Singapore	Ủy ban chứng khoán, Ngân hàng Negara Malaysia
Cơ chế minh bạch					
Danh mục phân loại xanh	Danh mục Dự án xác nhận Trái phiếu xanh (2021)	Hướng dẫn về Tài chính Chuyển đổi Khí hậu (2021)	Danh mục phân loại xanh cho Tài chính bền vững Singapore-Asia (2023)	Danh mục phân loại xanh Indonesia phiên bản 1.0 (2022)	Biến đổi khí hậu và Danh mục phân loại xanh dựa trên nguyên tắc (2021)
Cơ chế công bố thông tin & báo cáo	Hướng dẫn Đầu tư xanh (Thí điểm) (2018); Hướng dẫn về Công bố Thông tin Môi trường của Tổ chức Tài chính (JR/T 0227—2021)	Nhóm Nhiệm vụ về Thông tin Tài chính liên quan đến khí hậu (2015)	Thông tin Tài chính của Các tổ chức tài chính liên quan đến khí hậu (2021)	Nhóm Nhiệm vụ về Thông tin Tài chính liên quan đến khí hậu (2015)	Nhóm Nhiệm vụ về Thông tin Tài chính liên quan đến khí hậu (2015)
Kỹ năng & năng lực					

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Singapore	Indonesia	Malaysia
Nhóm chuyên trách về tài chính xanh	Nhóm Chuyên trách về Tài chính xanh được thành lập bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc và Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc vào năm 2014	Ban Chuyên gia về Tài chính Bền vững được thành lập bởi Cơ quan Dịch vụ Tài chính vào năm 2020	Ban Công nghiệp Tài chính xanh được thành lập bởi Cơ quan Tiền tệ của Singapore, hoạt động từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 4 năm 2023	Nhóm Chuyên trách Tài chính Bền vững được Cơ quan Dịch vụ Tài chính của Indonesia thành lập vào năm 2021	- Nhóm Chuyên trách về Tài chính xanh của Malaysia được Ủy ban Chứng khoán thành lập vào năm 2019 - Ủy ban Hợp tác về Biến đổi khí hậu được BNM thành lập vào năm 2019
Phân tích rủi ro môi trường	- Chính sách Tín dụng cho Bảo vệ Môi trường (2015) - Kế hoạch Đánh giá Hiệu suất Tài chính xanh của Các Tổ chức tài chính (2020)	Phân tích Rủi ro Tài chính liên quan đến khí hậu (2023)	- Đánh giá rủi ro liên quan đến Biến đổi khí hậu (2018/2022) - Hướng dẫn Quản lý Rủi ro Môi trường (2020)	Không có tài liệu tham khảo	Nhóm Chuyên trách về Hướng dẫn đăng ký công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu cho các tổ chức tài chính Malaysia (2022)
Các công cụ và cơ chế khuyến khích					
Các cơ chế khuyến khích	Hỗ trợ Phát triển xanh của doanh nghiệp tư nhân (2018)	Tổng quan về Chuyển đổi Xanh của Nhật Bản (GX) (2023)	- Thúc đẩy Các Giải pháp Tài chính xanh (2021) - Chương trình Đầu tư xanh (2019)	Cơ chế khuyến khích phát triển ngành xe ô tô điện (tiếp tục cho đến năm 2023)	- Khuyến khích về Công nghệ xanh (2014) - Chương trình Tài chính Công nghệ xanh (2020) - Cơ chế Chuyển đổi các-bon thấp (2022)

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Singapore	Indonesia	Malaysia
Các sản phẩm tài chính xanh	- Hướng dẫn Tín dụng xanh (2007) - Hướng dẫn về Phát hành Trái phiếu xanh (2015) - Bảo hiểm xanh: Quy định Bảo hiểm trách nhiệm Gây Ô nhiễm Môi trường Bắt buộc (2018) - Hướng dẫn về Tài chính xanh trong Ngành Ngân hàng và Bảo hiểm (2022) - Nguyên tắc Trái phiếu xanh của Trung Quốc (2022)	- Nguyên tắc Trái phiếu xanh (2017/2020) - Hướng dẫn về khoản vay xanh và khoản vay bền vững (2017/2020) - Dự án phát hành trái phiếu xanh (2017) - Nền tảng thúc đẩy phát hành trái phiếu xanh (2018)	- Khung pháp lý cho tài chính thương mại xanh và vốn xanh - Chương trình Hỗ trợ khoản vay Bền vững (2020) - Chương trình Trái phiếu Bền vững (2017/2020) - Chương trình tài trợ chứng khoán liên kết bảo hiểm (2018-2022)	Quy định về Triển khai Tài chính Bền vững (Quy định số 51/2017 của Cơ quan Dịch vụ Tài chính của Indonesia) và Trái phiếu Xanh (Quy định số 60/2017 của Cơ quan Dịch vụ Tài chính của Indonesia)	Khung Hệ thống Trái phiếu Sukuk của Chính phủ Malaysia (2022)

Nguồn: Nhóm Tư vấn tổng hợp

3.1.6 Bài học từ kinh nghiệm quốc tế

Việc rà soát kinh nghiệm quốc tế cho thấy những đặc điểm chung sau đây để thúc đẩy tài chính xanh:

- Chiến lược và điều phối:
 - Chiến lược tổng thể về tài chính xanh và thiết lập cơ chế điều phối là những yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy tài chính xanh. Những yếu tố này liên quan đến việc thiết kế lộ trình toàn diện để phát triển tài chính xanh, đóng vai trò là kim chỉ nam, vạch ra chiến lược toàn diện, dài hạn để phát triển tài chính xanh một cách có hệ thống.
 - Cần chỉ định một cơ quan đầu mối quốc gia và thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện.
- Kỹ năng & năng lực:
 - Việc thiết lập nhóm chuyên trách về tài chính xanh nhằm tạo nền tảng kết nối các bên liên quan khác nhau, từ khu vực công và tư nhân, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, tạo điều kiện trao đổi kiến thức và thúc đẩy các sáng kiến tài chính xanh.
 - Quản trị rủi ro môi trường là kỹ năng cần thiết, bao gồm phân tích và giảm thiểu các rủi ro môi trường tiềm ẩn trong các hoạt động tài chính.
- Cơ chế minh bạch: Bao gồm việc xây dựng một danh mục phân loại xanh để quy định những tiêu chí của các hoạt động kinh tế phù hợp với các mục tiêu khí hậu và môi trường. Đồng thời, việc thiết lập cơ chế công bố thông tin và báo cáo giúp tăng cường sự minh bạch và độ tin cậy của thị trường tài chính xanh.
- Các công cụ & cơ chế khuyến khích:
 - Ban hành các cơ chế khuyến khích là cần thiết nhằm khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức tài chính ưu tiên và chủ động tham gia vào thị trường tài chính xanh. Các cơ chế này có thể bao gồm các ưu đãi tài chính, giảm thuế, và các ưu đãi khác liên quan đến các hoạt động bền vững về môi trường.
 - Phát triển các sản phẩm tài chính xanh và thiết lập khung pháp lý nhằm đa dạng hóa các sản phẩm tài chính xanh là hoạt động quan trọng để mở rộng tài chính xanh.

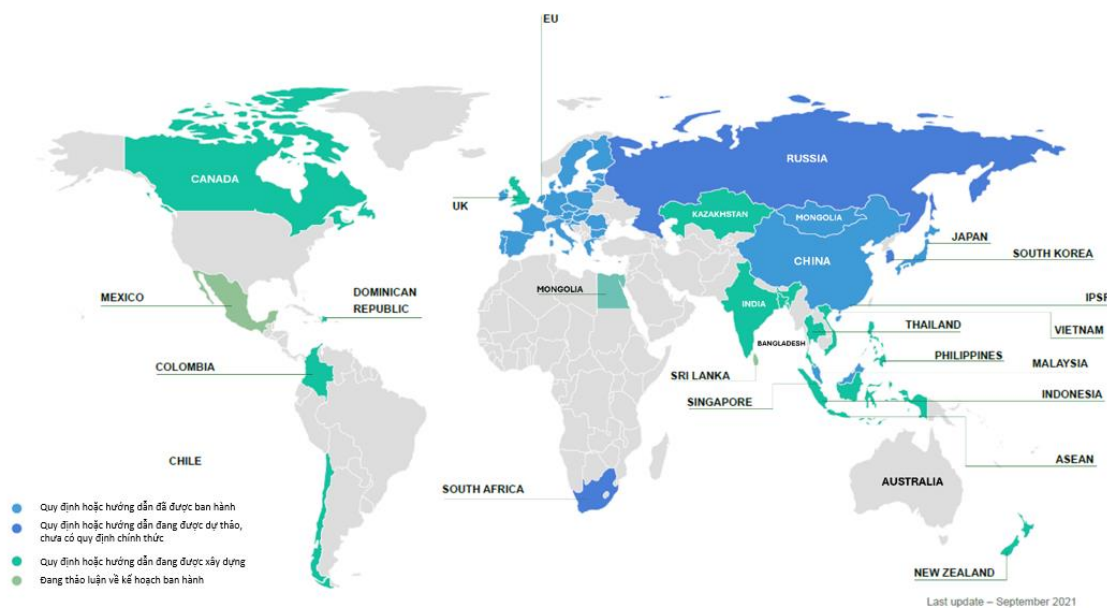
3.2 Kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng danh mục phân loại xanh

Trong quá trình tham vấn các bên liên quan trong khuôn khổ của Hỗ trợ Kỹ thuật này, một khía cạnh được nhấn mạnh bởi các bên là danh mục phân loại xanh. Do đó, phần này sẽ đi sâu hơn về danh mục phân loại xanh, tìm hiểu về vai trò của danh mục này đối với việc thúc đẩy tài chính xanh.

3.2.1 Tổng quan về danh mục phân loại xanh trên thế giới

Về cơ bản, danh mục phân loại xanh là một hệ thống phân loại nhằm xác định các hoạt động hoặc đầu tư giúp một quốc gia đạt được các mục tiêu cụ thể liên quan đến khí hậu và môi trường (ICMA, 2021). Các danh mục phân loại xanh đóng vai trò là công cụ thiết yếu, đặt ra một số mục tiêu bổ sung: (i) Ngăn chặn quá trình tẩy xanh bằng cách thiết lập các tiêu chí và tiêu chuẩn rõ ràng; (ii) Hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định đầu tư; (iii) Định hướng đầu tư vào các hoạt động và sản phẩm kinh tế xanh hoặc bền vững, thúc đẩy hệ thống tài chính có trách nhiệm hơn về môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của danh mục phân loại xanh, một số quốc gia và khu vực đã xây dựng khung pháp lý riêng cho danh mục phân loại xanh. Hình dưới đây trình bày tổng quan về các danh mục phân loại xanh trên thế giới.



Hình 4: Tổng quan về danh mục phân loại xanh trên thế giới

Nguồn: FoSDA, 2021

3.2.2 Cấu trúc danh mục phân loại xanh

Một danh mục phân loại xanh điển hình thường bao gồm các ngành, tiểu ngành chính và mục tiêu môi trường để xác định các dự án hoặc hoạt động kinh tế trong các ngành và tiểu ngành đó có được coi là "xanh" hay không và góp phần đạt được các mục tiêu môi trường của quốc gia. Việc phân loại các ngành công nghiệp có thể khác nhau giữa các quốc gia. Các ngành/tiểu ngành công nghiệp được xây dựng dựa trên các phân loại ngành hiện có, được sử dụng bởi các cơ quan thống kê quốc gia hoặc các phân loại ngành quốc tế như Phân loại ngành tiêu chuẩn quốc tế của Liên hợp quốc (ISIC). Các ngành liên quan cũng có thể được rút ra từ các chính sách và quy định về môi trường, hệ thống phân loại ngân sách công của khu vực, và hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm định (MRV) được sử dụng để giám sát và báo cáo về tài chính khí hậu, hoặc tiêu chí của các sản phẩm tài chính xanh hiện có thường được sử dụng trong ngành ngân hàng. Với xuất phát điểm đa dạng như vậy, số lượng ngành và tiểu ngành có thể khác nhau đáng kể giữa các danh mục phân loại xanh. Việc áp dụng hệ thống phân loại ngành hiện có của một quốc gia là xu hướng phổ biến được nhiều quốc gia sử dụng trong việc xây dựng danh mục phân loại xanh của riêng mình.

Trong các danh mục phân loại do chính phủ thiết lập, tiêu chí “không gây tổn hại đáng kể” có thể được đưa vào như một yếu tố bổ sung ngoài việc phân loại đơn thuần. Nguyên tắc của tiêu chí này có nghĩa là một hoạt động kinh tế đóng góp đáng kể cho một trong các mục tiêu môi trường sẽ không gây tổn hại đáng kể cho một mục tiêu khác. Việc kết hợp tiêu chí “không gây tổn hại đáng kể” đảm bảo cách tiếp cận cân bằng trong việc đánh giá tác động môi trường của các ngành trong danh mục phân loại.

3.2.3 Cách tiếp cận phát triển danh mục phân loại xanh

Trong khi các quốc gia có thể phát triển danh mục phân loại xanh của mình bằng cách sử dụng các hệ thống phân loại khác nhau, các danh mục phân loại xanh được sử dụng phổ biến trên thế giới thường áp dụng ba phương pháp tiếp cận chính: (i) Phương pháp tiếp cận dựa trên danh sách trắng; (ii) Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên tiêu chí kỹ thuật; (iii) Phương pháp tiếp cận dựa trên nguyên tắc.

3.2.3.1 Phương pháp tiếp cận dựa trên danh sách trắng

Phương pháp tiếp cận dựa trên danh sách trắng liên quan đến việc xác định các dự án hoặc hoạt động kinh tế đủ điều kiện trong từng ngành hoặc tiểu ngành. Nó chỉ rõ các công nghệ được coi là xanh hoặc bền vững và cung cấp mô tả toàn diện về các tiêu chí đủ điều kiện. Các danh mục phân loại dựa trên danh sách trắng không nhất thiết phải bắt đầu bằng việc sàng lọc toàn bộ hoạt động kinh tế mà nhằm mục đích xác định chính xác các hoạt động đã được công nhận là xanh, hoặc kết hợp các yếu tố xanh có thể có tác động tích cực đến môi trường. Mặc dù phương pháp tiếp cận dựa trên danh sách trắng được biết đến vì tính đơn giản nhưng nó cần sự đánh giá bên ngoài để đưa ra quyết định đánh giá bổ sung nhằm đảm bảo tính

toàn diện. Phương pháp tiếp cận dựa trên danh sách trắng có thể bao gồm các tiêu chuẩn sàng lọc kỹ thuật cho các hoạt động và dự án cụ thể để xác định tính đủ điều kiện của chúng. Phương pháp tiếp cận này đã được thực hiện trong các danh mục phân loại xanh do Trung Quốc, Mông Cổ và Nga phát triển.

3.2.3.2 Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên tiêu chí kỹ thuật

Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên tiêu chí sàng lọc kỹ thuật thiết lập các ngưỡng và tiêu chí sàng lọc cho các hoạt động kinh tế, đánh giá sự phù hợp của chúng với các mục tiêu cụ thể. Đây là công cụ để xác định liệu các hoạt động kinh tế có đóng góp đáng kể cho các mục tiêu về môi trường và “không gây tổn hại đáng kể” hay không. Trong các ngành, cách tiếp cận này nhằm duy trì tính trung lập về công nghệ khi sàng lọc các dự án và sản phẩm đủ điều kiện để lựa chọn, tránh việc xác định trước các công nghệ hoặc hoạt động tiểu ngành cụ thể. Tuy nhiên, việc thực hiện hiệu quả phương pháp này phụ thuộc vào sự sẵn có của dữ liệu cần thiết. Các danh mục phân loại xanh của EU, Nam Phi và Hàn Quốc áp dụng phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên tiêu chí kỹ thuật và các danh mục phân loại xanh sắp tới ở Chile và Colombia có thể sẽ sử dụng phương pháp này.

3.2.3.3 Phương pháp tiếp cận dựa trên nguyên tắc

Phương pháp tiếp cận dựa trên nguyên tắc thiết lập một bộ nguyên tắc cơ bản cho các bên tham gia thị trường. Phương pháp kết hợp các nguyên tắc hướng dẫn cơ bản để đánh giá sự phù hợp của các hoạt động kinh tế đối với nguồn tài trợ và đưa ra một danh sách các ví dụ minh họa sơ bộ. Có thể thấy cách tiếp cận này được sử dụng trong các danh mục phân loại xanh do Malaysia và Nhật Bản xây dựng, gần giống với Nguyên tắc Trái phiếu Xanh do Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA) ban hành.

Thông tin về các danh mục phân loại xanh được thiết lập bởi Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Singapore, Indonesia, ASEAN, EU và CBI được tổng hợp trong bảng dưới đây.

Bảng 4: Danh mục phân loại xanh của các quốc gia và khu vực được lựa chọn

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Singapore	Indonesia	ASEAN	EU	CBI
Tên danh mục phân loại xanh	Danh mục Dự án xác nhận Trái phiếu xanh (2021)	Hướng dẫn về Tài chính Chuyển đổi khí hậu (2021)	Biến đổi khí hậu và Danh mục phân loại xanh dựa trên nguyên tắc (2021)	Danh mục phân loại Tài chính Bền vững Singapore-châu Á (2023)	Danh mục phân loại xanh Indonesia phiên bản 1.0 (2022)	Danh mục phân loại xanh cho Tài chính bền vững ASEAN phiên bản 2 (2023)	Danh mục phân loại EU cho các hoạt động bền vững (2020)	Danh mục phân loại Trái phiếu khí hậu (2021)
Cơ quan ban hành	Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc	- Bộ Kinh tế, Thương mại, và Công nghiệp - Bộ Môi trường Nhật Bản - Cơ quan Dịch vụ Tài chính	Ngân hàng Negara Malaysia, được hỗ trợ bởi: - Tiểu ban Quản lý rủi ro của Ủy ban Hợp tác về Biến đổi khí hậu - Quỹ Thiên nhiên Thế giới (văn phòng Malaysia và Singapore)	Ban Công nghiệp Tài chính xanh - Ủy ban Tiền tệ Singapore	Cơ quan Dịch vụ Tài chính Indonesia, được hỗ trợ bởi: Nhóm Chính sách ngành Dịch vụ Tài chính Tích hợp và các bộ ngành và cơ quan liên quan	- Diễn đàn Thị trường Vốn ASEAN - Các Nhà Quản lý Bảo hiểm ASEAN - Ủy ban Cấp cao về Tích hợp Tài chính ASEAN - Ủy ban Công tác ASEAN về Phát triển Thị trường vốn	Nhóm Chuyên gia Kỹ thuật - Ủy ban Liên minh Châu Âu	Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI)
Đối tượng sử dụng mục tiêu	Nhà phát hành và đầu tư trái phiếu	- Đơn vị xây dựng chiến lược và kế hoạch nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra đối với khử các-bon và huy động vốn, nhằm đưa các sáng kiến vào thực tế, phù hợp với các chiến lược và kế hoạch đó - Các tổ chức huy động vốn cho các hoạt động (bao gồm đầu tư và cho vay) giúp chuyển đổi	Các tổ chức tài chính, bao gồm ngân hàng được cấp phép, ngân hàng đầu tư, ngân hàng Hồi giáo, bên cung cấp bảo hiểm, tái bảo hiểm, nhà cung cấp takaful và re-takaful ¹ và các tổ chức phát triển tài chính được quy định	- Các tổ chức tài chính có trụ sở tại Singapore cung cấp vốn nợ và/hoặc vốn cổ phần, bao gồm cả vốn công và vốn tư nhân - Các nhà quản lý tài sản cung cấp các sản phẩm tài chính phù hợp với các hoạt động Phân loại Singapore-Châu Á.	Nhiều đối tượng sử dụng khác nhau, bao gồm chính phủ, khu vực dịch vụ tài chính Indonesia, các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, cơ quan tiền tệ, tổ chức quốc tế và tổ chức hợp tác	Các công ty, nhà đầu tư, và các chính phủ trên khắp 10 quốc gia ASEAN	- Cơ quan quản lý và các bên liên quan gồm tất cả các nhà đầu tư, các tập đoàn niêm yết và các ngân hàng - Các quốc gia thành viên EU thiết lập nhãn hiệu hoặc tiêu chuẩn liên quan đến các sản phẩm tài chính hoặc trái phiếu doanh nghiệp	Các nhà phát hành và các nhà đầu tư trái phiếu xanh và trái phiếu khí hậu, các nhà đầu tư

¹Takaful là một hệ thống dựa trên nguyên tắc hỗ trợ lẫn nhau và đóng góp tự nguyện, trong đó rủi ro được chia sẻ chung và tự nguyện bởi một nhóm người tham gia. Nó tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Shari'a (luật Hồi giáo)

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Singapore	Indonesia	ASEAN	EU	CBI
		hướng tới giảm phát thải các-bon do một bên khác thực hiện		Các công ty, ngành công nghiệp, cơ quan quản lý và nhà hoạch định chính sách.			được coi là “bền vững về môi trường”.	
Mục tiêu môi trường	- Ứng phó với biến đổi khí hậu - Cải thiện môi trường (kiểm soát ô nhiễm và bảo tồn sinh thái) - Sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả (kinh tế tuần hoàn, tái chế chất thải, và chống ô nhiễm)	Không có tài liệu tham khảo ²	- Giảm thiểu biến đổi khí hậu - Thích ứng với biến đổi khí hậu - Bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học - Thúc đẩy khả năng phục hồi tài nguyên và chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn	- Giảm thiểu biến đổi khí hậu - Thích ứng với biến đổi khí hậu - Bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học - Thúc đẩy khả năng phục hồi tài nguyên và chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn - Kiểm soát và phòng chống ô nhiễm	Không có tài liệu tham khảo ³	- Giảm thiểu biến đổi khí hậu - Thích ứng với biến đổi khí hậu - Bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học - Thúc đẩy khả năng phục hồi tài nguyên và chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn	- Giảm thiểu biến đổi khí hậu - Thích ứng với biến đổi khí hậu - Sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn tài nguyên nước và hải dương - Chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, giảm rác thải, và tái chế - Kiểm soát và phòng chống ô nhiễm - Bảo vệ hệ sinh thái	Chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp theo Thỏa thuận Paris
Các ngành trọng tâm	Danh mục phân loại của Trung Quốc có cấu trúc như một hệ thống phân loại 4 lớp, bao gồm 6 ngành chính, 204 hoạt động, bao gồm:	Không có tài liệu tham khảo ⁴	Malaysia có 7 ngành, bao gồm: - Năng lượng tái tạo - Hiệu quả năng lượng - Giao thông - Sản xuất	Danh mục phân loại của Singapore có 8 ngành và 49 tiểu ngành chính, bao gồm: - Năng lượng - Bất động sản - Giao thông	Danh mục phân loại của Indonesia có 5 ngành và 25 tiểu ngành, bao gồm: - Năng lượng - Nông nghiệp - Lâm nghiệp	Danh mục phân loại ASEAN taxonomy có 6 ngành, bao gồm: - Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản - Điện, gas, hơi, và thiết bị điều hòa - Sản xuất	Danh mục phân loại EU có 9 ngành và 88 tiểu ngành chính, bao gồm: - Lâm nghiệp - Các hoạt động bảo vệ và phục hồi môi trường	Danh mục phân loại CBI có 8 ngành và 45 tiểu ngành chính, bao gồm: - Năng lượng - Nước - Giao thông - Tòa nhà

² Hướng dẫn về Chuyển đổi Tài chính khí hậu của Nhật Bản không có thông tin về các mục tiêu môi trường

³ Danh mục phân loại xanh Indonesia phiên bản 1.0 – 2022 không có thông tin về các mục tiêu môi trường

⁴ Hướng dẫn về Chuyển đổi Tài chính khí hậu của Nhật Bản không có thông tin về các ngành trọng tâm

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Singapore	Indonesia	ASEAN	EU	CBI
	- Ngành công nghiệp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường - Công nghiệp sản xuất sạch - Công nghiệp năng lượng sạch - Ngành liên quan đến sinh thái và môi trường - Xanh hóa cơ sở hạ tầng - Dịch vụ xanh		- Tòa nhà - Lâm nghiệp - Rác thải	- Nông nghiệp và Lâm nghiệp/Sử dụng đất - Công nghiệp, thông tin và công nghệ truyền thông - Chất thải/ Kinh tế tuần hoàn - Hấp thụ các-bon Các ngành bổ sung: - Thông tin và truyền thông - Chuyên môn, khoa học, và kỹ thuật - Hấp thụ, lưu trữ và sử dụng các-bon	- Rác thải - Các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm	- Giao thông và lưu trữ - Cung cấp nước, nước thải, và quản lý và xử lý chất thải - Tòa nhà và bất động sản	- Sản xuất - Năng lượng - Cung cấp nước, nước thải, quản lý chất thải - Giao thông - Hoạt động xây dựng và bất động sản - Thông tin và truyền thông - Các hoạt động chuyên môn, khoa học và kỹ thuật	- Sử dụng đất và tài nguyên biển - Rác thải - Công nghệ thông tin và truyền thông
Hệ thống phân loại ngành	Phân loại ngành công nghiệp chiến lược đang phát triển	Không	Không	Phân loại Ngành công nghiệp Tiêu chuẩn Quốc tế (ISIC)	Phân loại ngành Tiêu chuẩn Indonesia (KBLI)	Phân loại Ngành công nghiệp Tiêu chuẩn Quốc tế (ISIC)	Phân loại Thống kê Các Hoạt động Kinh tế trong Cộng đồng Châu Âu (NACE)	Không
Hiệu lực áp dụng⁵	Bắt buộc	Không có tài liệu tham khảo	Không có tài liệu tham khảo	Tự nguyện	Tự nguyện	Không có tài liệu tham khảo	Dự kiến là bắt buộc	Bắt buộc đối với trái phiếu khí hậu được chứng nhận
Phương pháp tiếp cận	Phương pháp tiếp cận dựa trên danh sách trắng: Hệ thống phân loại 4 cấp, bao gồm 6 hạng mục ngành và tổng cộng 204 hoạt động	Phương pháp tiếp cận dựa trên nguyên tắc: Phù hợp với ICMA, cùng với việc tuân thủ các tiêu chí khác được thiết lập trong Hướng dẫn về Trái phiếu xanh, Khoản vay xanh và	Phương pháp tiếp cận dựa trên nguyên tắc: Xem xét cả "hoạt động kinh tế" (giao dịch) và "hoạt động kinh doanh tổng thể" của	Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên các tiêu chí kỹ thuật: phân loại các hoạt động dựa trên hệ thống phân loại "đèn giao thông"	Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên các tiêu chí kỹ thuật: phân loại các hoạt động dựa trên hệ thống phân loại "đèn giao thông"	Phương pháp tiếp cận dựa trên nguyên tắc: áp dụng cho Khung Quy định Cơ sở (bao gồm 4 mục tiêu môi trường và 2 tiêu chí thiết yếu)	Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên các tiêu chí kỹ thuật	Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên các tiêu chí kỹ thuật: phân loại các hoạt động dựa trên hệ thống phân loại "đèn giao thông"

⁵ Thông tin về việc áp dụng bắt buộc hoặc tự nguyện phân loại chỉ được đề cập trong các danh mục phân loại của Trung Quốc, Singapore, Indonesia và EU

Nội dung	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Singapore	Indonesia	ASEAN	EU	CBI
		Khoản vay Liên kết Bền vững	tổ chức phát hành" ở phạm vi rộng hơn			Phương pháp tiếp cận sàng lọc dựa trên các tiêu chí kỹ thuật : Áp dụng cho Tiêu chuẩn Bổ sung		

Nguồn: Nhóm Tư vấn tổng hợp

Mặc dù các danh mục phân loại xanh này thể hiện các phương pháp tiếp cận, nguyên tắc, đối tượng sử dụng và mục tiêu khác nhau nhưng đều có chung các khía cạnh chính sau:

- *Mục tiêu môi trường*: các danh mục phân loại này bao gồm các lĩnh vực quan trọng như giảm thiểu, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn.
- *Hệ thống phân loại ngành*: các hệ thống phân loại như ISIC hoặc hệ thống ngành quốc gia được sử dụng để hệ thống hóa và sắp xếp các ngành ưu tiên phát triển tài chính xanh
- *Rủi ro môi trường và xã hội*: danh mục phân loại xanh có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau ngoài việc phân loại đơn thuần, bao gồm đánh giá rủi ro môi trường và xã hội. Một số quốc gia và khu vực, chẳng hạn như EU, ASEAN, Malaysia và Singapore, đưa ra tiêu chí "Không gây tổn hại đáng kể" để đề cập đến nguy cơ chuyển giao rủi ro giữa các mục tiêu môi trường. Malaysia đặc biệt đề cập đến việc đánh giá rủi ro xã hội, thúc đẩy các tổ chức tài chính đánh giá việc tuân thủ luật lao động và nhân quyền quốc gia trong danh mục phân loại.
- *Cách tiếp cận chuyển đổi*: CBI, Singapore, ASEAN và Indonesia đề xuất sử dụng hệ thống đèn giao thông – xanh lá cây, vàng (cam) và đỏ – để tiếp cận vấn đề chuyển đổi. Danh mục phân loại của Malaysia thiết lập một hệ thống tiến bộ với ba loại hình chuyển đổi: hỗ trợ khí hậu, chuyển đổi và danh sách theo dõi. Mục tiêu là tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế có tổ chức, bằng cách tránh loại trừ hoàn toàn các hoạt động kinh tế hiện không góp phần vào các mục tiêu biến đổi khí hậu và tập trung vào các biện pháp khắc phục cho quá trình chuyển đổi.

4 Khung pháp lý và tổ chức thể chế quản lý tài chính xanh tại Việt Nam

4.1 Các quy định chính trong quản lý tài chính xanh

Tài chính xanh là một khái niệm mới tại Việt Nam. Thúc đẩy tài chính xanh được coi là giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia như đã nêu trong Quyết định số 1658/2021/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 10 năm 2021, sau đó hai sản phẩm tài chính xanh (tín dụng xanh và trái phiếu xanh) đã được luật hóa trong LBVMT 2020.

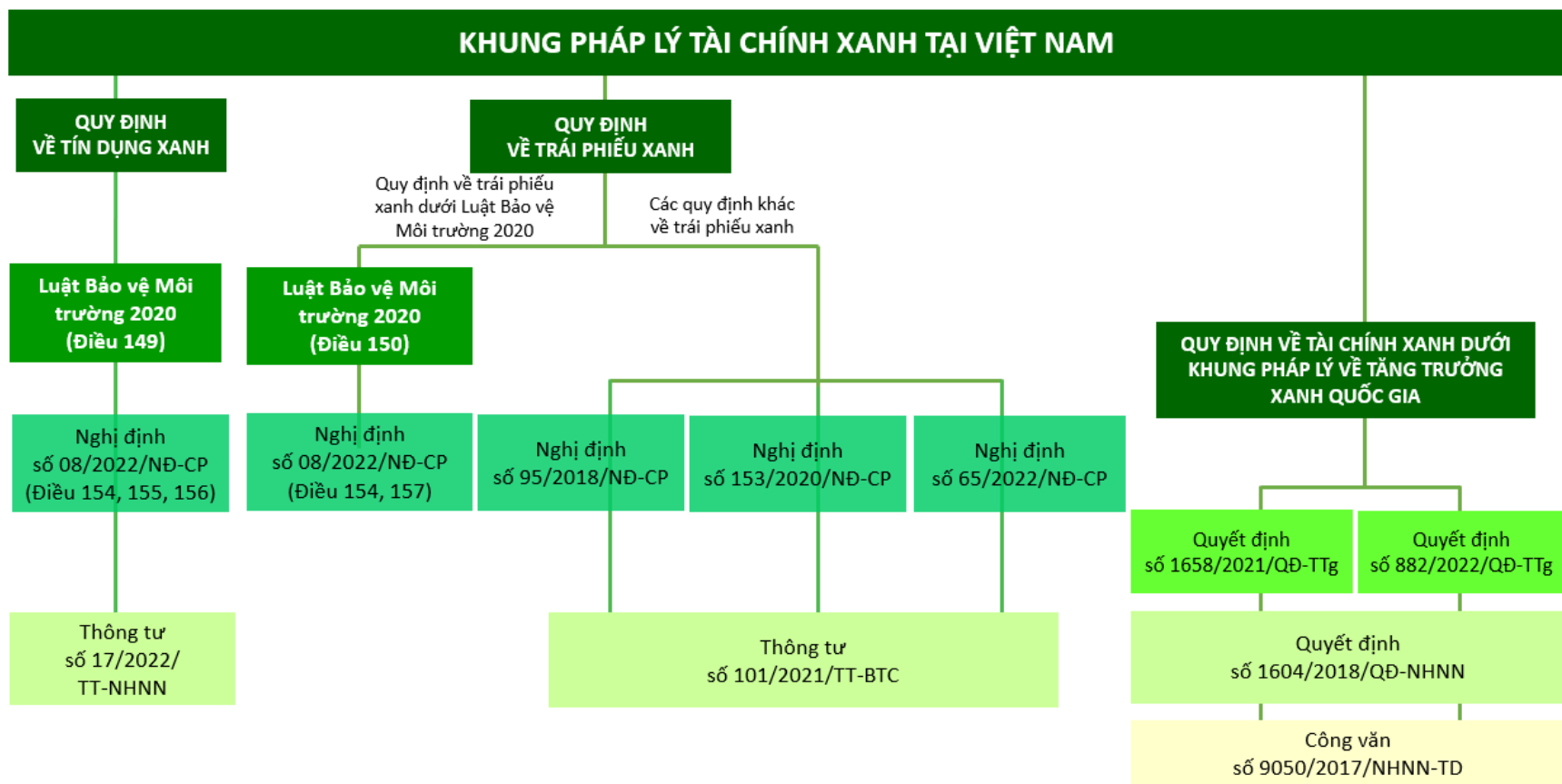
Các văn bản pháp luật chính liên quan đến tài chính xanh ở Việt Nam được tóm tắt như sau:

- Quy định về tín dụng xanh: Các quy định về tín dụng xanh được quy định tại Điều 149, LBVMT 2020 và Điều 154, 155, 156 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của LBVMT do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022 (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);
- Quy định về trái phiếu xanh: Các quy định về trái phiếu xanh được quy định tại Điều 150, LBVMT 2020 và Điều 157 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Ngoài ra, một số quy định liên quan đến trái phiếu xanh được nêu tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Nghị định số 95/2018/NĐ-CP); Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP); Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế do Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 9 năm 2022 (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP);
- Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia: Quy định tài chính xanh là giải pháp để đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia, được nêu trong Quyết định số 1658/2021/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 10 năm 2021 (Quyết định số 1658/2021/QĐ-TTg); và Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 07 năm 2022 (Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg);
- Thông tư hướng dẫn: NHNN đã ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động

cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 17/2022/TT-NHNN), Bộ TC ban hành Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 16 tháng 11 năm 2020 (Thông tư số 96/2020/TT-BTC).

Danh mục các văn bản pháp luật quy định về tài chính xanh được đính kèm tại Phụ lục 1.

Nhìn chung, khung pháp lý liên quan đến tài chính xanh tại Việt Nam được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 5: Khung pháp lý về tài chính xanh tại Việt Nam

Nguồn: Nhóm Tư vấn tổng hợp

Các phần tiếp theo sẽ phân tích chi tiết về khung pháp lý liên quan đến tài chính xanh tại Việt Nam.

4.1.1 Khung pháp lý về tín dụng xanh

4.1.1.1 Quy định nền tảng của tín dụng xanh

Điều 149, LBVMT 2020 định nghĩa tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho các dự án đầu tư sau:

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên;
- Thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Quản lý chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường;
- Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên;
- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Tạo ra lợi ích khác về môi trường.

Điều này quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (gọi tắt là “tổ chức tín dụng”) đối với các dự án đầu tư phải phù hợp với quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay. Thống đốc NHNN được giao nhiệm vụ hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng.

Ngoài ra, Điều này khuyến khích các tổ chức tín dụng tài trợ, cho vay ưu đãi đối với các dự án nêu trên. Chính phủ được giao nhiệm vụ ban hành lộ trình thực hiện và cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh.

4.1.1.2 Các quy định cụ thể về tín dụng xanh

a. Các dự án đủ điều kiện được cấp tín dụng xanh

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định về tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (sau đây gọi là danh mục phân loại xanh). Theo Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục phân loại xanh trước ngày 31 tháng 12 năm 2022.

b. Lộ trình thực hiện tín dụng xanh

Điều 156 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định lộ trình thực hiện tín dụng xanh. Theo đó, vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan chính như sau:

- NHNN chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng tập trung, bố trí nguồn vốn phù hợp để cho vay ưu đãi, khuyến khích chủ đầu tư thực hiện các dự án thuộc danh mục phân loại xanh;

- Bộ TC, Bộ KH&ĐT, và NHNN, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hỗ trợ các tổ chức tín dụng tiếp nhận nguồn vốn viện trợ, cho vay ưu đãi nước ngoài để tài trợ cho dự án thuộc danh mục phân loại xanh;
- Bộ KH&ĐT chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ lãi suất đối với dự án thuộc danh mục phân loại xanh sau khi kết thúc hợp đồng vay vốn trung, dài hạn tại các tổ chức tín dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

c. Cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh

Điều 155 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh. Theo Điều này, các tổ chức tín dụng được khuyến khích ưu tiên bố trí nguồn vốn để tài trợ, cho vay ưu đãi đối với dự án thuộc danh mục phân loại xanh. Ngoài ra, tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng xanh được hưởng các cơ chế khuyến khích sau:

- Được ưu tiên tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các đối tác phát triển;
- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ đào tạo, tập huấn cấp tín dụng xanh.

d. Quản lý rủi ro môi trường trong cấp tín dụng

Căn cứ theo LBVMT 2020, NHNN ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngày 23 tháng 12 năm 2022. Thông tư này áp dụng đối với: (i) tổ chức tín dụng; và (ii) tổ chức, cá nhân là khách hàng của tổ chức tín dụng.

Thông tư này quy định các dự án đầu tư cần thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng; nguyên tắc quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng; thông tin quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và các quy định nội bộ quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động tín dụng.

4.1.2 Khung pháp lý về trái phiếu xanh

4.1.2.1 Quy định nền tảng về trái phiếu xanh

Khái niệm trái phiếu xanh được quy định tại Điều 150 của LBVMT 2020. Theo đó, trái phiếu xanh là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu nhằm huy động vốn cho các hoạt động bảo vệ môi trường và các dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường. Nguồn tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh phải được hạch toán, theo dõi theo quy định của pháp luật về trái phiếu và sử dụng cho dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường và dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường, bao gồm:

- Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường;

- Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất;
- Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và phát thải ít cacbon;
- Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
- Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường;
- Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tiết kiệm năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo;
- Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện với môi trường;
- Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải;
- Thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên;
- Dự án đầu tư khác theo quy định.

Điều này cũng nêu rõ chủ thể phát hành trái phiếu xanh phải cung cấp thông tin về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án đầu tư và sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu xanh cho nhà đầu tư. Chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi theo quy định của LBVMT 2020 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.1.2.2 Các quy định cụ thể về trái phiếu xanh

e. Các dự án đủ điều kiện phát hành trái phiếu xanh

Các dự án đủ điều kiện phát hành trái phiếu xanh được quy định tại Điều 154 tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Danh mục phân loại xanh, như được thảo luận trong phần 3.1.1, quy định các tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được phát hành trái phiếu xanh. Ngoài ra, Bộ KH&ĐT sẽ xây dựng hướng dẫn phân loại các dự án thuộc danh mục phân loại xanh để tổng hợp trong danh mục đầu tư công khi xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm làm căn cứ để Chính phủ, chính quyền địa phương lựa chọn khi phát hành trái phiếu xanh.

f. Phát hành và giao dịch trái phiếu xanh

Việc phát hành và giao dịch trái phiếu xanh đã được quy định trong một số văn bản pháp luật liên quan, bao gồm:

Nghị định số 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành và giao dịch trái phiếu xanh của Chính phủ như sau:

- Bộ TC phối hợp với Bộ KH&ĐT và Bộ TN&MT để xây dựng đề án phát hành trái phiếu Chính phủ xanh báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Nội dung của đề án bao gồm: (i) Mục đích phát hành; (ii) Khối lượng phát hành; (iii) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu; (iv) Đối tượng mua trái phiếu; (v) Phương thức phát hành; (vi) Việc đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch; (vi) Danh mục các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu. Dựa trên tham vấn với Bộ TC

và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), Vụ Tài chính ngân hàng thuộc Bộ TC chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này và đề án dự kiến sẽ được hoàn thành vào năm 2024.

- Điều kiện điều khoản, việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu Chính phủ xanh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn từ trái phiếu xanh doanh nghiệp theo các điểm chính sau:

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo khả năng trả nợ;
- Mục đích phát hành trái phiếu là để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, tăng quy mô vốn hoạt động, cơ cấu lại nguồn vốn của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu rõ mục đích phát hành tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung thông tin công bố cho nhà đầu tư;
- Nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu xanh phải được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo phương án phát hành đã được phê duyệt.

Ngoài ra, Điều 157 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP còn quy định những điểm sau liên quan đến việc phát hành trái phiếu xanh:

- Việc phát hành trái phiếu xanh phải tuân theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, LBVMT 2020 và quy định tại Nghị định này;
- Nguồn tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh phải được sử dụng để thực hiện các dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại khoản 2 Điều 150 LBVMT;
- Bộ KH&ĐT có trách nhiệm hướng dẫn phân loại dự án thuộc danh mục phân loại xanh để tổng hợp trong danh mục đầu tư công khi xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm làm căn cứ để Chính phủ và chính quyền địa phương lựa chọn khi phát hành trái phiếu xanh.

g. Công bố thông tin về phát hành trái phiếu xanh

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP quy định cơ chế công bố thông tin trước khi chào bán và công bố thông tin định kỳ đối với trái phiếu doanh nghiệp xanh như sau:

- Đối với việc công bố thông tin trước đợt chào bán, ngoài tuân theo quy định của Bộ TC, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh. Thông tin công bố dành được gửi cho Sở Giao dịch chứng khoán để công bố trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp

và báo cáo tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Bộ TC

- Đối với việc công bố thông tin định kỳ, ngoài việc tuân thủ các quy định áp dụng đối với trái phiếu nói chung, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Ngoài ra, Điều 157 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP còn quy định việc công bố thông tin đối với phát hành trái phiếu xanh như sau:

(i) Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh:

- Công bố và cung cấp thông tin về đánh giá tác động của dự án sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh đến môi trường định kỳ hàng năm đến thời gian trái phiếu đáo hạn, bao gồm thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), giấy phép môi trường (nếu có); thông tin về kết quả đánh giá các lợi ích môi trường của dự án sử dụng vốn trái phiếu xanh;
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin về tình hình quản lý, giải ngân nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

(ii) Đối với chủ đầu tư dự án sử dụng vốn trái phiếu xanh do Chính phủ và chính quyền địa phương phát hành:

- Công bố và cung cấp thông tin về đánh giá tác động của dự án sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh đến môi trường định kỳ hàng năm đến thời gian trái phiếu đáo hạn, bao gồm thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), giấy phép môi trường (nếu có); thông tin về kết quả đánh giá các lợi ích môi trường của dự án sử dụng vốn trái phiếu xanh cho Kho bạc Nhà nước (đối với trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành). Định kỳ hàng năm, Kho bạc Nhà nước và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố thông tin về tình hình giải ngân cho các dự án thuộc danh mục phân loại xanh sử dụng nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu xanh do Chính phủ và chính quyền địa phương phát hành trên trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h. Cơ chế khuyến khích cho phát hành trái phiếu xanh

Điều 157 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định các ưu đãi sau đây mà chủ thể phát hành và nhà đầu tư trái phiếu xanh có thể nhận được:

- Ưu đãi về giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán và chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;
- Dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành được ưu tiên bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Ngoài ra, Thông tư số 101/2021/TT-BTC quy định cơ chế ưu đãi đối với trái phiếu xanh, bao gồm giảm 50% mức giá dịch vụ đăng ký niêm yết, giá dịch vụ quản lý niêm yết, giá dịch vụ giao dịch, giá dịch vụ đăng ký chứng khoán, hủy đăng ký chứng khoán một phần và giá dịch vụ lưu ký chứng khoán.

4.1.3 Quy định về tài chính xanh trong chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia

Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia đã quy định khái niệm tài chính xanh, đồng thời nhấn mạnh các khía cạnh khác nhau liên quan đến ngân hàng xanh, tín dụng xanh, trái phiếu xanh và bảo hiểm xanh.

4.1.3.1 Quyết định số 1658/2021/QĐ-TTg

Quyết định số 1658/2021/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 10 năm 2021 quy định mục tiêu về tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt được sự thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng xã hội. Bên cạnh đó, chiến lược hướng tới một nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon, đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu. Chiến lược xác định tài chính xanh là một trong những giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho tăng trưởng xanh nhằm đạt được các mục tiêu trên, cụ thể:

- Hoàn thiện chính sách, công cụ huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh, tập trung vào các chính sách hỗ trợ, ưu đãi tài chính phát triển thị trường vốn, thị trường tín dụng và bảo hiểm xanh, thị trường các-bon hướng tới phát triển đồng bộ hệ thống thương mại khí thải theo cơ chế thị trường;
- Ưu tiên nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, chú trọng nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công và chi thường xuyên cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh. Phát huy vai trò định hướng thị trường, dẫn dắt sản xuất và tiêu dùng xanh của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp lớn trong nền kinh tế;
- Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân và tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức hợp tác giữa nhà nước và tư nhân, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong các dự án xanh và các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi xanh;

- Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn tài chính xanh cho các nhóm đối tượng phụ nữ, đối tượng yếu thế trong xã hội

4.1.3.2 Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg

Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Trong khuôn khổ này, nhiệm vụ trọng tâm “huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh” bao gồm các nội dung liên quan đến tài chính xanh và quy định vai trò của các cơ quan liên quan. Các nhiệm vụ liên quan đến tài chính xanh bao gồm:

- Bộ KH&ĐT chịu trách nhiệm:
 - Hoàn thiện khung pháp lý hiện hành theo hướng thúc đẩy đầu tư xanh;
 - Phát triển hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia;
 - Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Bộ TC chịu trách nhiệm:
 - Xây dựng kế hoạch chi thường xuyên hàng năm theo hướng ưu tiên nguồn lực cho tăng trưởng xanh;
 - Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về trái phiếu xanh và bảo hiểm xanh;
 - Xây dựng các chính sách ưu đãi về tài chính cho đầu tư xanh, tín dụng xanh.
- NHNN chịu trách nhiệm:
 - Hoàn thiện khung pháp lý về tín dụng xanh và ngân hàng xanh;
 - Xây dựng các giải pháp ưu tiên phân bổ nguồn lực cho tín dụng xanh;
 - Tăng cường đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng.

4.1.3.3 Quyết định số 1604/2018/QĐ-NHNN

Theo Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, NHNN đã ban hành Quyết định số 1604/2018/QĐ-NHNN về phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, trong đó nêu rõ mục tiêu cụ thể là từng bước tăng tỷ trọng vốn tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh ưu tiên hỗ trợ trong danh mục dự án xanh do NHNN ban hành. Quyết định này đưa ra các mục tiêu chi tiết cần đạt được đến năm 2025 liên quan đến tài chính xanh đối với các tổ chức tín dụng, bao gồm:

- 100% ngân hàng xây dựng được quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng;
- 100% ngân hàng thực hiện đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; áp dụng tiêu chuẩn môi trường cho các dự án được ngân hàng cấp vốn vay;

kết hợp đánh giá rủi ro môi trường như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng của ngân hàng;

- Ít nhất 10-12 ngân hàng có đơn vị/bộ phận chuyên trách về quản lý rủi ro môi trường và xã hội;
- 60% ngân hàng tiếp cận được nguồn vốn xanh và triển khai cho vay các dự án tín dụng xanh.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Quyết định đưa ra các nhóm giải pháp cho NHNN và các tổ chức tín dụng, với các giải pháp chính cho từng nhóm như sau:

(i) Giải pháp cho NHNN:

- Xây dựng và ban hành các hướng dẫn về định hướng phát triển ngân hàng xanh cho các tổ chức tín dụng, bao gồm:
 - Ban hành các hướng dẫn về hoạt động ngân hàng xanh và tín dụng xanh, trong đó nêu rõ định nghĩa của hoạt động tín dụng xanh, ngân hàng xanh và các tiêu chí ngân hàng xanh bao gồm (i) Hệ thống quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường và xã hội; (ii) Mô hình tổ chức để triển khai các hoạt động quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong quy trình cấp tín dụng; (iii) Tỷ trọng vốn vay cho các ngành, lĩnh vực xanh được ưu tiên nằm trong danh mục dự án xanh do NHNN ban hành; (iv) Chất lượng hoạt động đào tạo, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, năng lực của cán bộ ngân hàng nói chung và cán bộ tín dụng nói riêng hướng tới phát triển bền vững, tín dụng xanh và ngân hàng xanh;
 - Cập nhật định kỳ danh mục dự án xanh.
- Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi, cơ chế hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng nhằm khuyến khích phát triển ngân hàng xanh, bao gồm:
 - Xem xét, ưu tiên các nguồn vốn cho phát triển tín dụng xanh thông qua chính sách tái cấp vốn/tái chiết khấu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến việc điều hành chính sách tiền tệ và mục tiêu lạm phát trong từng thời kỳ.
 - Xem xét, ưu tiên tiếp cận vốn vay ưu đãi từ các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển thông qua NHNN cho các ngân hàng thương mại có tỷ trọng cho vay tín dụng xanh cao.

(ii) Giải pháp cho các tổ chức tín dụng:

- Tập trung xây dựng khung chiến lược ngân hàng xanh;
- Xây dựng và thiết lập các hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội một cách toàn diện, tuân thủ các hướng dẫn của NHNN về đánh giá rủi ro môi trường và xã hội;
- Nghiên cứu, thành lập các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện quản lý rủi ro môi trường và xã hội, quản lý, giám sát việc thực hiện ngân hàng xanh và tín dụng xanh tại ngân hàng;

- Xây dựng chính sách cho vay cụ thể đối với các lĩnh vực môi trường nhạy cảm như nông nghiệp, đồ da, năng lượng tái tạo và dệt may.

4.1.3.4 Công văn số 9050/2017/NHNN-TD

Thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, NHNN đã ban hành Công văn số 9050/2017/NHNN-TD về việc báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Công văn quy định hai yêu cầu báo cáo: (i) báo cáo về tình hình cấp tín dụng trong các lĩnh vực xanh và (ii) báo cáo tình hình đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, định kỳ báo cáo hàng quý.

Đối với báo cáo về tình hình cấp tín dụng trong các lĩnh vực xanh, có 12 lĩnh vực xanh được quy định theo công văn này. Các chỉ tiêu cần báo cáo cho từng lĩnh vực xanh này bao gồm: (i) Doanh số giải ngân trong kỳ báo cáo; (ii) Dư nợ tín dụng, được chia thành tổng dư nợ, dư nợ ngắn hạn, dư nợ trung hạn và dài hạn, nợ quá hạn; (iii) Lãi suất, bao gồm lãi suất ngắn hạn, lãi suất trung hạn và dài hạn; (iv) Số khách hàng còn dư nợ đến cuối kỳ báo cáo.

Các chỉ tiêu cụ thể về tình hình đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong cấp tín dụng được quy định cho hoạt động cấp tín dụng ngắn hạn và cấp tín dụng trung, dài hạn. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm: (i) Các đề nghị cấp tín dụng; (ii) Các đề nghị cấp tín dụng bị từ chối sau khi đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội; (iii) Các đề nghị được phê duyệt cấp tín dụng đã thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội; (iv) Dư nợ cấp tín dụng đã thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội; (v) Dư nợ cấp tín dụng bị tạm dừng vì có rủi ro về môi trường và xã hội; (vi) Tỷ trọng cấp tín dụng đã thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội trên tổng dư cấp tín dụng.

4.2 Danh mục phân loại xanh tại Việt Nam

Trong quá trình tham vấn với các bên liên quan chính trong Hỗ trợ Kỹ thuật, danh mục phân loại xanh được các bên liên quan nhấn mạnh là một trong những khung phát lý được kỳ vọng sẽ ban hành nhằm thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam.

Hiện tại, việc xây dựng danh mục phân loại xanh cho tín dụng xanh và trái phiếu xanh được thực hiện bởi Viện Chiến lược và Chính sách về Tài nguyên và Môi trường (ISPONRE) thuộc Bộ TN&MT. Ngoài danh mục phân loại xanh được xây dựng bởi ISPONRE, NHNN cũng đã ban hành danh mục các lĩnh vực xanh theo Công văn số 9050/TD-NHNN và Bộ KH&ĐT đang triển khai xây dựng hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia. Trong phần tiếp theo, Nhóm Tư vấn sẽ tiến hành phân tích chi tiết các phân loại lĩnh vực xanh này.

4.2.1 Danh mục phân loại xanh được xây dựng bởi ISPONRE

Danh mục phân loại xanh hiện đang được xây dựng bởi ISPONRE với sự hỗ trợ của GIZ. Dự thảo của danh mục phân loại xanh đã được lấy ý kiến tham vấn của các bên liên quan kể từ

năm 2022. Hiện tại, dự thảo đang trong quá trình được Bộ TN&MT xem xét và sửa đổi trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Theo dự thảo, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của danh mục phân loại xanh bao gồm:

- Đối tượng: Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.
- Phạm vi: Quy định tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư để được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Danh mục phân loại xanh được xây dựng căn cứ theo LBVMT 2020, Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC), và tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Bản dự thảo danh mục phân loại xanh hiện bao gồm 80 dự án đầu tư thuộc 09 lĩnh vực khác nhau, bao gồm:

- Năng lượng (18 dự án đầu tư)
- Giao thông vận tải (3 dự án đầu tư)
- Tài nguyên nước (7 dự án đầu tư)
- Xây dựng (3 dự án đầu tư)
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học (19 dự án đầu tư)
- Công nghiệp chế biến, chế tạo (5 dự án đầu tư)
- Chất thải (11 dự án đầu tư)
- Thông tin, truyền thông và dịch vụ (8 dự án đầu tư)
- Chuyển đổi xanh (6 dự án đầu tư)

Như vậy, các lĩnh vực thuộc danh mục phân loại xanh được phát triển có sự tương đồng với quốc tế. Đặc biệt, việc bổ sung thêm lĩnh vực chuyển đổi xanh tạo điều kiện cho các hoạt động chuyển đổi thông qua các giải pháp kỹ thuật và công nghệ nhằm giảm phát thải khí KNK.

Hiện ISPONRE đang xem xét kế hoạch rút gọn danh mục phân loại xanh xuống còn 75 dự án do một số nguyên nhân như sau:

- Một số danh mục dự án hiện không phải là dự án đầu tư mà là dự án mua sắm.
- Một số danh mục dự án vẫn còn chứa các yếu tố rủi ro môi trường.
- Điều chỉnh để phù hợp với LBVMT 2020

Một số danh mục dự án liên quan đến lĩnh vực làm mát đã được đưa vào bản dự thảo ban đầu. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, Nhóm Tư vấn nhận thấy dự thảo thiếu một số danh mục dự án chính trong lĩnh vực làm mát xanh. Trong quá trình tham vấn, ISPONRE đã khuyến khích Nhóm Tư vấn đóng góp, bổ sung các danh mục dự án đầu tư liên quan, đặc biệt là liên quan đến lĩnh vực làm mát xanh cho bản dự thảo. Do đó, Nhóm Tư vấn đã cung cấp các khuyến nghị tới Cục Biến đổi Khí hậu, Bộ TN&MT để có các ý kiến chính thức cho bản dự thảo mới nhất.

Một khía cạnh quan trọng khác của danh mục phân loại xanh là quy trình chứng nhận, được quy định trong dự thảo như sau:

- Chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh phải thực hiện thủ tục xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. Đối với trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành để thực hiện dự án đầu tư, các cơ quan, tổ chức không phải thực hiện thủ tục xác nhận theo quy định tại Quy định này. Dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được tổng hợp trong danh mục đầu tư công khi xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm được xây dựng bởi Bộ KH&ĐT làm căn cứ để Chính phủ, chính quyền địa phương lựa chọn khi phát hành trái phiếu xanh.
- Việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, trừ các dự án chuyển đổi xanh được thực hiện thông qua tổ chức đánh giá độc lập.
- Đối với dự án chuyển đổi xanh, việc xác nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

4.2.2 Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia được xây dựng bởi Bộ KH&ĐT

Theo Quyết định số 882/2022/NĐ-CP, Bộ KH&ĐT được giao xây dựng hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia. Theo tham vấn, Bộ KH&ĐT cho biết họ đang đang trong giai đoạn xây dựng dự thảo, sau đó sẽ đề xuất ban hành theo hình thức Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Dự thảo đã được gửi đến các bộ, cơ quan liên quan để lấy ý kiến, dự kiến sẽ được ban hành vào quý 1 năm 2024.

Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của bản dự thảo hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia như sau:

- Đối tượng áp dụng: Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia được áp dụng chủ yếu bởi các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp, nhà đầu tư:
 - Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành và chính quyền địa phương sử dụng hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia để theo dõi quá trình phát triển của tăng trưởng xanh tại Việt Nam, làm cơ sở để đưa ra các khung pháp luật, ưu đãi thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh.
 - Các Bộ, Ban, Ngành dựa trên danh sách hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia làm tiền đề để tiếp tục xây dựng bộ tiêu chí kỹ thuật nhằm phân loại các sản phẩm, dịch vụ, hay các khoản đầu tư phục vụ cho mục đích cụ thể của Bộ, Ban, Ngành.
 - Các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tận dụng hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia để hiểu về hệ thống phân loại, thống kê của Việt Nam cũng như xác định những cơ chế ưu đãi đầu tư được áp dụng cho các hoạt động kinh tế xanh, dự án xanh.

- Phạm vi áp dụng: Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia được sử dụng trong hoạt động thống kê nhà nước, làm cơ sở để xác định và phân loại các hoạt động xanh và dự án đầu tư xanh tại Việt Nam.

Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia bao gồm 15 lĩnh vực xanh với 80 ngành kinh tế xanh như sau:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (7 ngành)
- Khai khoáng (3 ngành)
- Công nghiệp chế biến, chế tạo (30 ngành)
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (9 ngành)
- Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (4 ngành)
- Xây dựng (6 ngành)
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (3 ngành)
- Vận tải kho bãi (5 ngành)
- Thông tin và truyền thông (3 ngành)
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (2 ngành)
- Hoạt động kinh doanh bất động sản (1 ngành)
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (3 ngành)
- Giáo dục và đào tạo (1 ngành)
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (2 ngành)
- Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế (1 ngành)

4.2.3 Danh mục các lĩnh vực xanh được xây dựng bởi NHNN

Trong khuôn khổ Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, Công văn số 9050/2017/NHNN-TD do NHNN ban hành cung cấp danh mục các lĩnh vực xanh, làm cơ sở để các tổ chức tín dụng báo cáo về hoạt động cho vay trong các lĩnh vực xanh. Trong quá trình tham vấn với các tổ chức tín dụng, các tổ chức này cho biết hiện nay, họ dựa vào danh mục lĩnh vực xanh này để cung cấp tín dụng xanh.

Theo đó, đối tượng và phạm vi áp dụng của Công văn số 9050/2017/NHNN-TD như sau:

- Đối tượng: Tổ chức tín dụng;
- Phạm vi: Báo cáo tình hình cấp tín dụng xanh.

Danh mục các lĩnh vực xanh bao gồm 12 lĩnh vực chính:

- Nông nghiệp xanh;
- Lâm nghiệp bền vững;
- Công nghiệp xanh;
- Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch;

- Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên;
- Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm;
- Bảo vệ môi trường thiên nhiên, khôi phục sinh thái và phòng chống thiên tai;
- Quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn;
- Công trình xây dựng xanh;
- Giao thông bền vững
- Cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng;
- Lĩnh vực xanh khác (được đánh giá bởi tổ chức tín dụng)

Đối với mỗi lĩnh vực, các tiêu chí cụ thể và ví dụ tham khảo được cung cấp để hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện công tác báo cáo.

4.2.4 So sánh về danh mục phân loại xanh và các hệ thống phân loại xanh khác tại Việt Nam

Bảng dưới đây so sánh các đặc điểm chính của danh mục phân loại xanh được ban hành bởi Bộ TN&MT, hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia được ban hành bởi Bộ KH&ĐT và danh mục các lĩnh vực xanh được ban hành bởi NHNN.

Bảng 5: So sánh về danh mục phân loại xanh và các hệ thống phân loại xanh khác tại Việt Nam

Đặc điểm	Danh mục phân loại xanh được ban hành bởi Bộ TN&MT	Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia được ban hành bởi Bộ KH&ĐT	Danh mục các lĩnh vực xanh được ban hành bởi NHNN
Đối tượng áp dụng	Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh	Áp dụng chủ yếu bởi các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp, nhà đầu tư: • Cơ quan nhà nước: (i) Sử dụng để theo dõi quá trình phát triển của tăng trưởng xanh tại Việt Nam; (ii) xây dựng bộ tiêu chí kỹ thuật nhằm phân loại các sản phẩm, dịch vụ, hay các khoản đầu tư phục vụ cho mục đích cụ thể của Bộ, Ban, Ngành. • Các doanh nghiệp, các nhà đầu tư: sử dụng để hiểu về hệ thống phân loại, thống kê của Việt Nam cũng như xác định những cơ chế ưu	Áp dụng cho tổ chức tín dụng

		đầu tư được áp dụng cho các hoạt động kinh tế xanh, dự án xanh.	
Phạm vi áp dụng	- Quy định tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư để được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; - Quy định quy trình xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.	Sử dụng trong hoạt động thống kê nhà nước, làm cơ sở để xác định và phân loại các hoạt động xanh và dự án đầu tư xanh tại Việt Nam	Báo cáo tình hình cấp tín dụng xanh
Căn cứ xây dựng	- LBVMT 2020 - VSIC - Kinh nghiệm quốc tế	- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh - VSIC - Kinh nghiệm quốc tế	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh
Lĩnh vực	9 lĩnh vực với 80 dự án đầu tư	15 lĩnh vực xanh với 80 ngành kinh tế xanh	12 lĩnh vực chính với các tiêu chí cụ thể đính kèm

Nguồn: Nhóm Tư vấn

Nhìn chung, có một số điểm khác biệt chính giữa các hệ thống này như sau:

(i) Về đối tượng và phạm vi áp dụng của mỗi hệ thống:

- Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia do Bộ KH&ĐT ban hành có phạm vi rộng hơn cả hai hệ thống còn lại. Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia do Bộ KH&ĐT ban hành được áp dụng bởi các đơn vị nhà nước, doanh nghiệp và nhà đầu tư để theo dõi tiến trình triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh tại Việt Nam. Các Bộ, Ban, Ngành xây dựng bộ tiêu chí kỹ thuật nhằm phân loại các sản phẩm, dịch vụ, hay các khoản đầu tư phục vụ cho mục đích cụ thể của Bộ, Ban, Ngành. Mặt khác, danh mục phân loại xanh do Bộ TN&MT xây dựng quy định tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư để được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh xác định các tiêu chí môi trường cho các dự án đầu tư đủ điều kiện nhận tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh nằm trong phạm vi của hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia do Bộ KH&ĐT phát triển. Tuy nhiên, việc xây dựng danh mục phân loại xanh, theo quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, không quy định cụ thể căn cứ xây dựng phải phù hợp với hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia do Bộ KH&ĐT phát triển. Do đó, các hệ thống này hiện đang được xây dựng đồng thời và độc lập với nhau.
- Ngoài ra, danh mục các lĩnh vực xanh được ban hành bởi NHNN có phạm vi và ứng dụng hạn chế hơn so với danh mục phân loại xanh được xây dựng bởi Bộ TN&MT.

Danh mục phân loại xanh được xây dựng bởi Bộ TN&MT cung cấp các tiêu chí môi trường cụ thể để xác nhận dự án đủ điều kiện cho tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh, trong khi đó, danh mục các lĩnh vực xanh của NHNN quy định dự án cụ thể được cấp tín dụng xanh, được áp dụng bởi các tổ chức tín dụng.

(ii) Về căn cứ xây dựng, cả hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia của Bộ KH&ĐT và danh mục phân loại xanh của Bộ TN&MT đều được xây dựng dựa trên VSIC và kinh nghiệm quốc tế. Điểm khác biệt cụ thể là: Danh mục phân loại xanh của Bộ TN&MT được xây dựng căn cứ theo LBVMT 2020, trong khi hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia của Bộ KH&ĐT căn cứ theo chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

(iii) Về các lĩnh vực trong các hệ thống danh mục, hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia của Bộ KH&ĐT có phạm vi rộng nhất, tiếp theo là danh mục phân loại xanh của Bộ TN&MT, và sau đó là danh mục các lĩnh vực xanh được ban hành bởi NHNN. Mặc dù danh mục của NHNN bao gồm 12 ngành so với 9 ngành của Bộ TN&MT, các lĩnh vực được mô tả cụ thể và không có các tiểu ngành đi kèm.

4.3 Khung tổ chức thể chế hiện hành về tài chính xanh tại Việt Nam

Hiện tại, chỉ có tín dụng xanh và trái phiếu xanh được quy định trong LBVMT 2020 với vai trò cụ thể của các Bộ, Ngành liên quan như được nêu trong phần khung pháp lý tại mục 1.1, phần này sẽ trình bày khung tổ chức thể chế hiện hành về tài chính xanh tại Việt Nam đối với hai sản phẩm tài chính xanh này, cụ thể là: (i) khung tổ chức thể chế về tín dụng xanh; (ii) khung tổ chức thể chế về trái phiếu xanh.

4.3.1 Khung tổ chức thể chế hiện hành về tín dụng xanh

Vai trò và trách nhiệm của các Bộ, Ngành và các bên liên quan được tóm tắt trong bảng dưới đây.

Bảng 6: Vai trò và trách nhiệm của các Bộ, Ngành và các bên liên quan trong triển khai tín dụng xanh tại Việt Nam

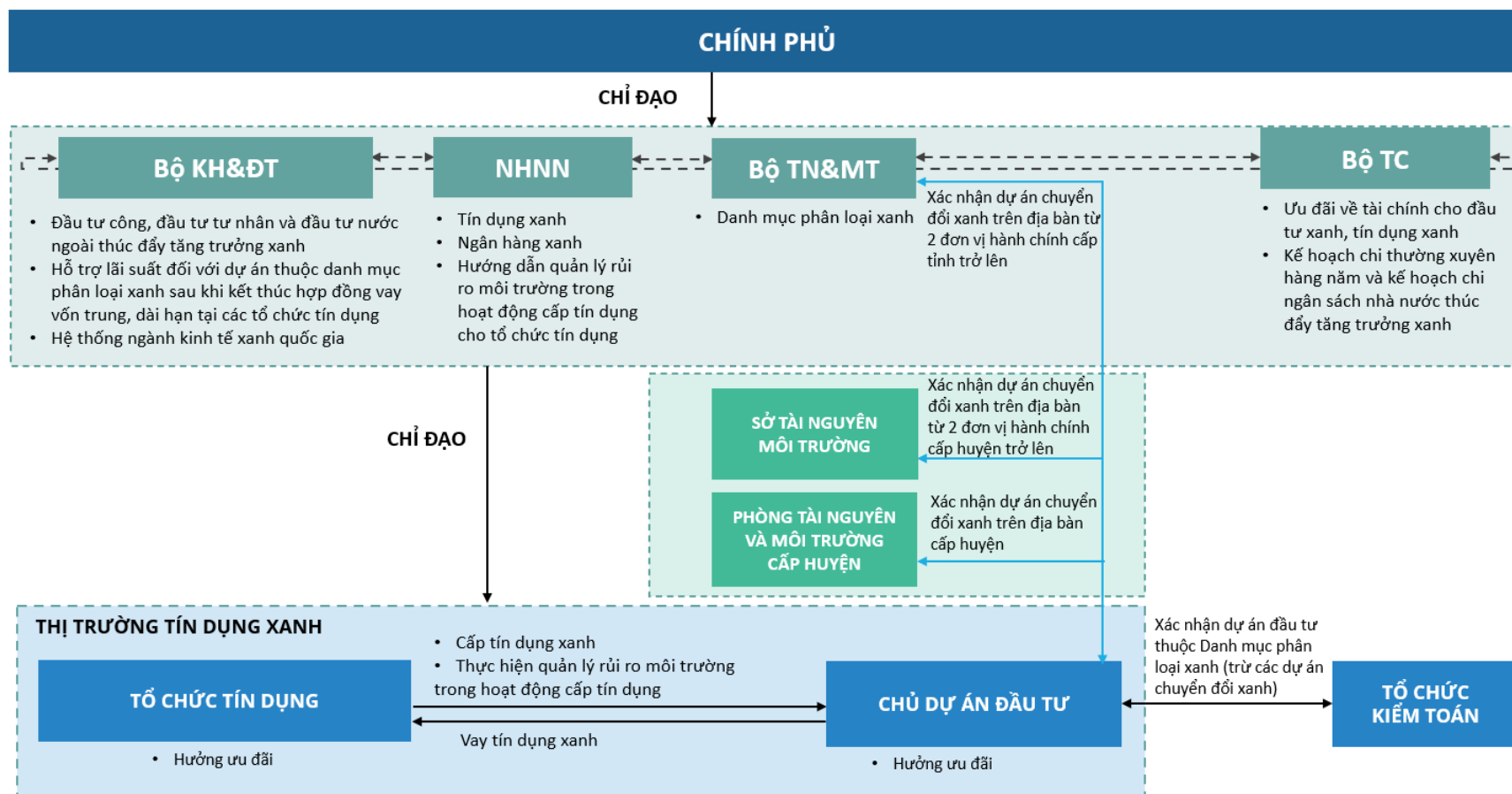
Các bên liên quan	Vai trò và trách nhiệm
--------------------------	-------------------------------

Bộ KH&ĐT	• Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định hỗ trợ lãi suất đối với dự án thuộc danh mục phân loại xanh sau khi kết thúc hợp đồng vay vốn trung, dài hạn tại các tổ chức tín dụng; • Hỗ trợ các tổ chức tín dụng tiếp nhận nguồn vốn viện trợ, cho vay ưu đãi nước ngoài để tài trợ cho dự án thuộc danh mục phân loại xanh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; • Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hiện hành theo hướng thúc đẩy đầu tư xanh; • Xây dựng hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia; • Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án xanh.
Bộ TN&MT	• Xây dựng danh mục phân loại xanh và trình Thủ tướng Chính phủ; • Xác nhận dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh được triển khai từ trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.
Bộ TC	• Hỗ trợ các tổ chức tín dụng tiếp nhận nguồn vốn viện trợ, cho vay ưu đãi nước ngoài để tài trợ cho dự án thuộc danh mục phân loại xanh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; • Xây dựng kế hoạch chi thường xuyên hàng năm theo hướng ưu tiên nguồn lực cho tăng trưởng xanh; • Ban hành chính sách ưu đãi về tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh, tín dụng xanh.
NHNN	• Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho tín dụng xanh và ngân hàng xanh; • Xây dựng các giải pháp ưu tiên phân bổ nguồn lực cho tín dụng xanh; • Tăng cường đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng.
Sở TNMT	• Xác nhận dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên
Phòng TNMT cấp huyện	• Xác nhận dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh trên địa bàn cấp huyện
Tổ chức tín dụng	• Xây dựng khung chiến lược về ngân hàng xanh; • Cho vay ưu đãi cho các dự án xanh; • Xây dựng và thiết lập hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội một cách toàn diện; • Thành lập đơn vị chịu trách nhiệm về việc triển khai quản lý rủi ro môi trường và xã hội;

	• Báo cáo về việc cấp tín dụng cho các lĩnh vực xanh và việc thực hiện đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng cho NHNN; • Được hưởng các cơ chế khuyến khích, bao gồm: ○ Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các đối tác phát triển; ○ Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ đào tạo, tập huấn cấp tín dụng xanh
Tổ chức kiểm toán	• Xác nhận dự án đầu tư (trừ các dự án chuyển đổi xanh) thuộc danh mục phân loại xanh.
Chủ dự án đầu tư triển khai dự án xanh	• Làm thủ tục xác nhận cho dự án xanh và dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh với cơ quan, đơn vị phụ trách.

Nguồn: Nhóm Tư vấn

Hình dưới đây thể hiện khung tổ chức thể chế hiện hành triển khai tín dụng xanh tại Việt Nam.



Hình 6: Khung tổ chức thể chế hiện hành về tín dụng xanh tại Việt Nam

Nguồn: Nhóm Tư vấn

4.3.2 Khung tổ chức thể chế hiện hành về trái phiếu xanh

Vai trò và trách nhiệm của Bộ, Ngành và các bên liên quan trong triển khai trái phiếu xanh được trình bày trong Bảng dưới đây.

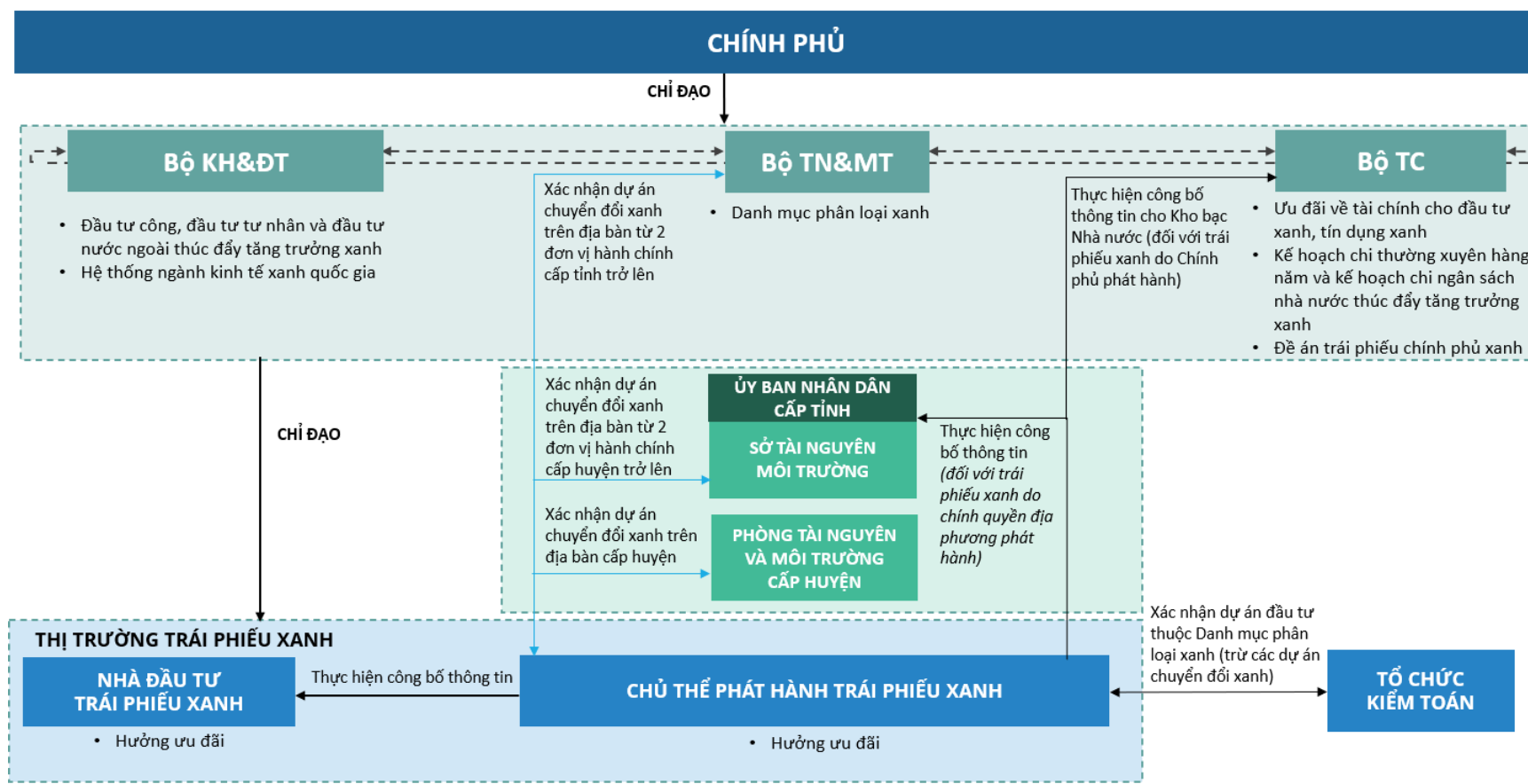
Bảng 7: Vai trò và trách nhiệm của Bộ, Ngành và các bên liên quan trong triển khai trái phiếu xanh tại Việt Nam

Các bên liên quan	Vai trò và trách nhiệm
Bộ TC	• Xây dựng đề án phát hành trái phiếu Chính phủ xanh báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; • Xây dựng kế hoạch chi thường xuyên hàng năm theo hướng ưu tiên nguồn lực cho tăng trưởng xanh; • Ban hành chính sách ưu đãi về tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh
Bộ TN&MT	• Xây dựng danh mục phân loại xanh và trình Thủ tướng Chính phủ;
Bộ KH&ĐT	• Hướng dẫn phân loại dự án thuộc danh mục phân loại xanh để tổng hợp trong danh mục đầu tư công khi xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm làm căn cứ để Chính phủ, chính quyền địa phương lựa chọn khi phát hành trái phiếu xanh; • Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hiện hành theo hướng thúc đẩy đầu tư xanh; • Xây dựng hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia; • Xây dựng nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án xanh.
Sở TNMT	• Xác nhận dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên
Phòng TNMT cấp huyện	• Xác nhận dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh nằm trên địa bàn cấp huyện
Tổ chức kiểm toán	• Xác nhận dự án đầu tư (trừ các dự án chuyển đổi xanh) thuộc danh mục phân loại xanh

Các bên liên quan		Vai trò và trách nhiệm
Chủ thể phát hành	Chủ thể phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh	- Thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán dành cho nhà đầu tư và gửi cho Sàn giao dịch chứng khoán và UBCKNN, Bộ TC; - Thực hiện công bố thông tin định kỳ; - Thực hiện công bố, cung cấp thông tin đánh giá tác động của dự án sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh đến môi trường định kỳ hàng năm khi đến thời gian trái phiếu đáo hạn
	Chủ dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành	- Thực hiện công bố, cung cấp thông tin đánh giá tác động của dự án sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh đến môi trường cho Kho bạc Nhà nước; - Làm thủ tục xác nhận cho dự án xanh và dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh với các cơ quan, đơn vị phụ trách.
	Chủ dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành	- Thực hiện công bố, cung cấp thông tin đánh giá tác động của dự án sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh đến môi trường cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Làm thủ tục xác nhận cho dự án xanh và dự án chuyển đổi xanh thuộc danh mục phân loại xanh với các cơ quan, đơn vị phụ trách.
Nhà đầu tư		Hưởng cơ chế khuyến khích theo quy định

Nguồn: Nhóm Tư vấn

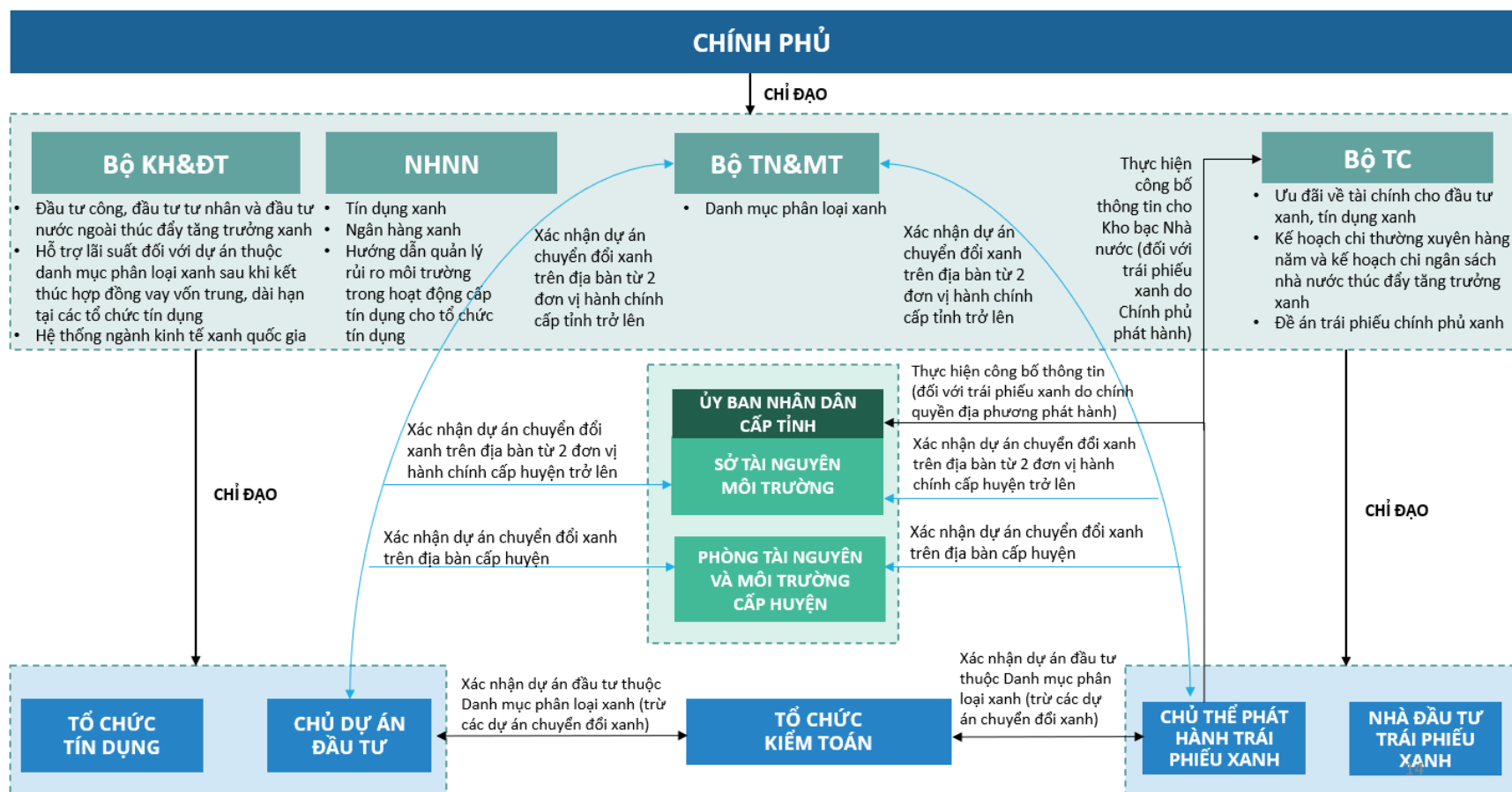
Hình dưới đây thể hiện khung tổ chức thể chế hiện hành triển khai trái phiếu xanh tại Việt Nam.



Hình 7: Khung tổ chức thể chế hiện hành về trái phiếu xanh tại Việt Nam

Nguồn: Nhóm Tư vấn

Nhìn chung, khung tổ chức thể chế về tài chính xanh tại Việt Nam được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 8: Khung tổ chức thể chế về tài chính xanh tại Việt Nam

Nguồn: Nhóm Tư vấn

5 Tổng quan các sản phẩm tài chính xanh tại Việt Nam

Mặc dù khung pháp lý liên quan đến tài chính xanh tại Việt Nam hiện đang tập trung chính vào tín dụng xanh và trái phiếu xanh, một số sản phẩm liên quan như cổ phiếu xanh và bảo hiểm xanh đã xuất hiện dù chưa có quy định rõ ràng. Phần dưới đây sẽ cung cấp tổng quan về các sản phẩm tài chính xanh, bao gồm (i) Tín dụng xanh; (ii) Trái phiếu xanh; (iii) Cổ phiếu xanh; và (iv) Bảo hiểm xanh.

5.1 Tín dụng xanh

Theo LBVMT 2020, tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho các dự án đầu tư sau: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; (ii) Thích ứng với biến đổi khí hậu; (iii) Quản lý chất thải; (iv) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; (v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; (vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (vii) Tạo ra lợi ích khác về môi trường.

Phần dưới đây sẽ tập trung vào hai nguồn cấp tín dụng xanh: Tổ chức tài chính nhà nước và ngân hàng thương mại.

5.1.1 Các tổ chức tài chính nhà nước

5.1.1.1 Quỹ Bảo vệ Môi trường (VEPF)

VEPF được thành lập vào năm 2002, là một tổ chức tài chính nhà nước thuộc sự quản lý của Bộ TN&MT. VEPF nắm giữ tổng vốn điều lệ là khoảng 1,8 nghìn tỷ đồng và sẽ được tăng lên 3 nghìn tỷ đồng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của LBVMT 2020. VEPF có chức năng cho vay với lãi suất ưu đãi, tài trợ, đồng tài trợ, hỗ trợ lãi suất cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu không nằm trong kế hoạch ngân sách trên phạm vi toàn quốc.

VEPF hoạt động như một doanh nghiệp vốn Nhà nước sử dụng vốn điều lệ, vốn vay, vốn ủy thác. Tuy nhiên, VEPF bị hạn chế trong việc huy động vốn hoặc tham gia mua bán trái phiếu. VEPF cũng bị giới hạn chỉ được cho vay theo danh mục quy định tại Phụ lục 30 của Nghị định 08/2022/ND-CP. Việc đánh giá, thẩm định các dự án vốn vay của VEPF, bao gồm cả các dự án liên quan đến tiết kiệm năng lượng, phải tuân thủ các quy định hiện hành trong LBVMT 2020. Chức năng, nhiệm vụ của VEPF do Thủ tướng Chính phủ quy định, bao gồm các quy định về tiêu chí cho vay và hỗ trợ cho vay với lãi suất thấp.

Tính đến năm 2022, VEPF đã cho vay với lãi suất ưu đãi khoảng 400 dự án với tổng vốn hỗ trợ lên đến 3 nghìn tỷ đồng, góp phần tích cực vào giảm phát thải KNK và bảo vệ môi trường. Đồng thời, VEPF cũng hỗ trợ tài chính cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải. VEPF đang phát triển quỹ tái chế, dự kiến sẽ được phân bổ gần 1 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, cơ chế, hướng dẫn quản lý quỹ này vẫn chưa được xác định rõ. Do đó, Nghị định số 08/2022/ND-CP đang được sửa đổi để đưa ra quy định rõ ràng hơn về khung pháp lý liên quan đến việc quản lý quỹ này.

Các phát hiện chính: Thông qua tham vấn, mặc dù nhiều dự án xanh trên toàn quốc đã được triển khai dưới sự hỗ trợ của VEPF, tuy nhiên, nguồn vốn của VEPF chỉ giới hạn ở vốn điều lệ của Nhà nước. Với các nguồn hỗ trợ quốc tế, do VEPF chỉ được tài trợ cho các dự án cụ thể được quy định theo LBVMT 2020, việc tiếp cận và huy động vốn nước ngoài để tài trợ cho các dự án xanh ở Việt Nam của VEPF bị hạn chế bởi Luật Ngân sách Nhà nước. Hơn nữa, việc triển khai các dự án thân thiện với môi trường do VEPF tài trợ đang bị trì hoãn do mâu thuẫn liên quan đến chức năng pháp lý của VEPF quy định trong Luật Đầu tư công 2019 và LBVMT 2020. Sự không rõ ràng về quy định pháp lý này ảnh hưởng đến hoạt động của VEPF và chức năng tài trợ cho các sáng kiến xanh của VEPF.

5.1.1.2 Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)

VDB là tổ chức tín dụng của nhà nước được Thủ tướng Chính phủ thành lập vào ngày 19 tháng 5 năm 2006. Hiện tại, VDB chỉ cung cấp các khoản vay cho tín dụng đầu tư của Nhà nước và cho vay lại vốn vay nước ngoài theo Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA. Theo nội dung tham vấn với VDB, hiện nay VDB chỉ cung cấp các khoản vay cho các dự án thuộc lĩnh vực xanh theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và chưa có chiến lược cụ thể về huy động vốn cho tài chính xanh.

Theo Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, VDB phân loại danh mục đầu tư theo ngành, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến bảo vệ môi trường. Do thiếu chuyên môn về mặt kỹ thuật, VDB phải dựa vào các quy định pháp lý cụ thể của ngành để đánh giá các dự án, tìm kiếm hướng dẫn và tham khảo ý kiến các bộ ngành liên quan khi phát sinh vấn đề trong các danh mục dự án mới. Hiện tại, VDB đang tài trợ cho 367 dự án trong lĩnh vực xanh, với tổng dư nợ khoảng 53,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 24% tổng dư nợ của VDB (Hong Hà, 2023).

Về nguồn vốn tài trợ quốc tế, VDB được Quỹ Khí hậu Xanh (GCF)⁶ chính thức công nhận là Cơ quan Thực hiện Quốc gia (NIE) vào năm 2021. Với tư cách là NIE của GCF, VDB sẽ tìm kiếm, phát triển và gửi đề xuất tài trợ cho các hoạt động, chương trình, dự án giúp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu phù hợp với tiêu chí của GCF. Ngoài ra, VDB cũng sẽ giám sát và quản lý nguồn vốn từ quỹ GCF. VDB đánh giá dự án dựa trên khả năng tài chính, tiêu chí về bình đẳng giới và các yếu tố liên quan đến môi trường-xã hội, sau đó trình Bộ KH&ĐT phê duyệt để đảm bảo các dự án phù hợp với chiến lược phát triển của Việt Nam. GCF sau đó sẽ xem xét và phê duyệt. VDB đóng vai trò là đơn vị đánh giá và chịu trách nhiệm về rủi ro cho các dự án do GCF tài trợ, với nguồn vốn không thông qua chính phủ được phân loại là vốn

⁶ GCF là một trong những Quỹ tài chính khí hậu lớn nhất thế giới, được thành lập vào năm 2010 trong Khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu với mục tiêu tạo lập một quỹ trị giá 100 tỷ USD để hỗ trợ cho những hoạt động giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu.

ngoài ODA. VDB sử dụng hai bộ tiêu chí để lựa chọn dự án đầu tư: dự án phải tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam và phù hợp với tiêu chí của GCF, phân loại dự án theo mức độ rủi ro (A, B, C), trong đó mức A tương ứng với rủi ro cao.

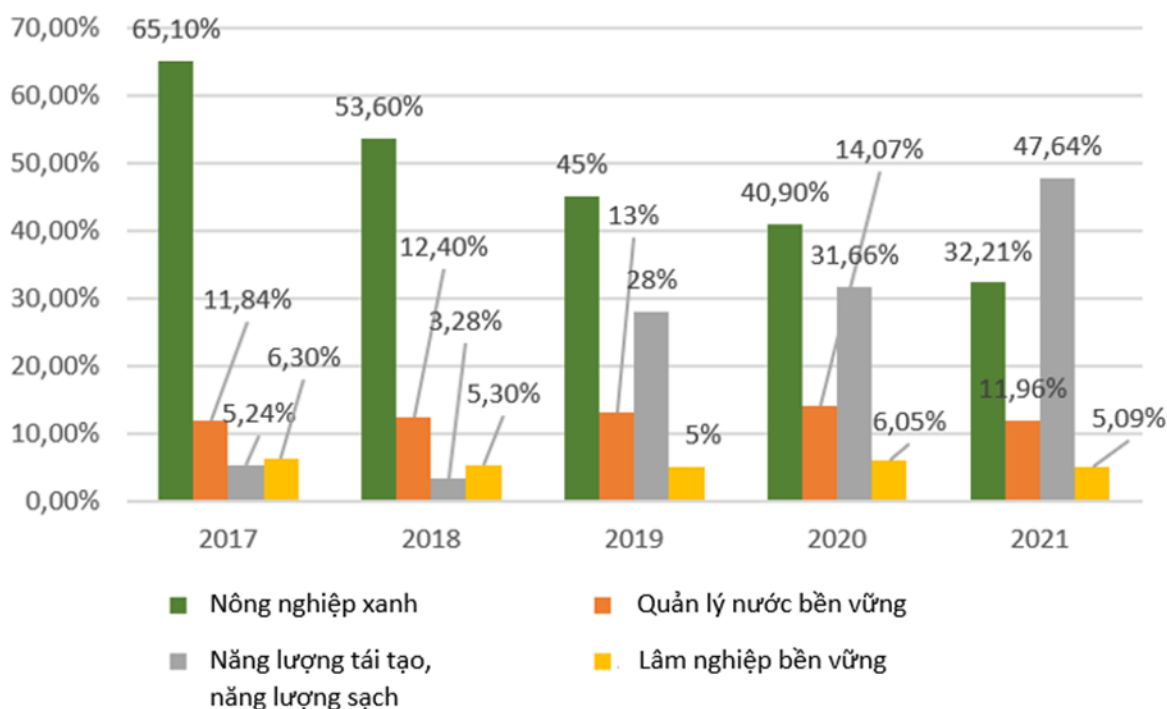
Các phát hiện chính: Nội dung tham vấn với VEPF và VDB trong khuôn khổ dự án này cho thấy mặc dù hai tổ chức tài chính công này đóng vai trò hỗ trợ trong các dự án bảo vệ môi trường nhưng phạm vi hỗ trợ của các tổ chức này còn hạn chế. Các tổ chức này chỉ được cho vay đối với các dự án đã được quy định trước và không có chức năng huy động vốn thuộc tài chính xanh hay phát hành trái phiếu tài trợ cho các dự án ngoài danh mục đã được chỉ định.

5.1.2 Các ngân hàng thương mại

Tín dụng xanh từ các ngân hàng thương mại được coi là một công cụ phổ biến trong số các công cụ nợ nhằm cung cấp nguồn tài chính cho doanh nghiệp thực hiện các dự án xanh (Lưu Ánh Nguyệt, 2020). Phần này sẽ tập trung vào khía cạnh phát triển các sản phẩm tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại, bao gồm (i) dư nợ tín dụng xanh, (ii) huy động vốn và (iii) các sản phẩm tín dụng xanh hiện có.

5.1.2.1 Dư nợ tín dụng xanh

Điều đáng chú ý là hơn 70% tổng dư nợ tín dụng xanh ở Việt Nam hiện đang tập trung vào các dự án liên quan đến năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, và nông nghiệp xanh. Hình dưới đây minh họa tỷ trọng phân bổ tín dụng xanh giữa các lĩnh vực khác nhau ở Việt Nam trong giai đoạn 2017 – 2021.



Hình 9: Phân bổ tín dụng xanh cho các lĩnh vực khác nhau tại Việt Nam trong giai đoạn từ 2017 đến 2021

Nguồn: NHNN, 2022

Nhìn chung, các ngân hàng thương mại tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, thể hiện qua tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh ngày càng tăng so với tổng dư nợ tín dụng. Dựa trên thông tin thu được từ các ngân hàng lớn trong quá trình tham vấn, dư nợ tín dụng xanh của các ngân hàng cụ thể như sau:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank): dư nợ tín dụng xanh của ngân hàng này đã tăng đáng kể từ 2 nghìn tỷ đồng vào năm 2008 lên 13 nghìn tỷ đồng vào năm 2020, đánh dấu mức tăng trưởng đáng kể là 300%.
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV): ngân hàng BIDV đã có sự tăng trưởng đáng kể về dư nợ tín dụng xanh, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt mức 45% từ năm 2019 đến năm 2022. Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2023, dư nợ tín dụng xanh của BIDV đã lên đến 73 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,4% tổng dư nợ tín dụng của ngân hàng. Con số ấn tượng này giúp cho BIDV chiếm 12,5% thị phần trong tổng dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam. Các lĩnh vực cho vay xanh được BIDV hỗ trợ bao gồm năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, giao thông bền vững, quản lý nước đô thị & nông thôn, và công nghiệp xanh.
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank): Trong giai đoạn 2018 - 2021, tổng dư nợ tín dụng của VCB không ngừng tăng lên. Đồng thời, dư

nợ tín dụng xanh cũng đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh từ hơn 7,89 nghìn tỷ đồng vào năm 2018 lên đến gần 18,442 nghìn tỷ đồng vào năm 2021. Ngoài ra, tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trong tổng dư nợ tín dụng trong giai đoạn này không ngừng tăng qua mỗi năm.

5.1.2.2 Huy động vốn

Nhằm tăng cường nguồn tài chính cho tín dụng xanh, các ngân hàng thương mại đang tích cực huy động vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế, cụ thể như sau:

- Agribank hiện huy động vốn vay từ nhiều nguồn khác nhau như Cơ quan Hỗ trợ phát triển Pháp (AFD), Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB), Ngân hàng Thế giới (WB) và Cơ quan Hợp tác phát triển Luxembourg, mỗi nguồn vay đều có các quy định về tiêu chuẩn riêng.
- Vietcombank tích cực huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như WB, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), v.v.
- BIDV cũng đã huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức tài chính quốc tế nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào các dự án xanh. Tính đến cuối năm 2022, ngân hàng đã huy động thành công nguồn vốn hơn 490 triệu USD cho các sáng kiến xanh từ các tổ chức bao gồm WB, AFD và EIB. BIDV cũng hợp tác với các ngân hàng thương mại quốc tế để phân bổ nguồn vốn xanh tại Việt Nam, đảm bảo nguồn hỗ trợ cho nhiều dự án khác nhau, có thể kể đến như khoản hỗ trợ 202 triệu USD của WB cho Dự án Năng lượng tái tạo, khoản phân bổ 100 triệu USD từ AFD cho hạn mức tín dụng xanh sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên năng lượng (SUNREF), khoản tài trợ 100 triệu USD cho Dự án Tiết kiệm năng lượng cho ngành Công nghiệp Việt Nam (VEEIE) của WB, và khoản vay 30 triệu USD từ EIB hỗ trợ các dự án bảo vệ môi trường.
- Dựa trên thông tin thu được từ quá trình tham vấn với Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), tính đến tháng 11 năm 2023, IFC đã cung cấp hơn 300 triệu USD tài chính xanh cho các ngân hàng tại Việt Nam, chiếm khoảng 35% trong tổng số 950 triệu USD nguồn tài trợ dài hạn cho khí hậu mà IFC đã cam kết hỗ trợ cho Việt Nam.

Những phát hiện chính: Theo thông tin tham vấn với Agribank, Vietcombank và BIDV trong khuôn khổ Hỗ trợ Kỹ thuật này, rào cản chính trong việc mở rộng quy mô tài chính xanh là huy động nguồn tài chính xanh với lãi suất thấp để cung cấp các khoản vay xanh với lãi suất và điều kiện ưu đãi. Hiện nay, các ngân hàng đã huy động được nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế; tuy nhiên, các nguồn vốn xanh với lãi suất ưu đãi vẫn còn hạn chế. Chủ yếu, các ngân hàng huy động vốn theo lãi suất thông thường và cung cấp tín dụng xanh cho khách hàng với lãi suất ưu đãi. Tình trạng này sẽ gây ảnh hưởng đến động lực cấp tín dụng xanh của các ngân hàng. Bên cạnh những thách thức này, ngân hàng cũng phụ thuộc rất nhiều vào các nguồn vốn ngắn hạn đến từ nguồn tài chính công. Một thách thức khác là việc thiếu các biện

pháp khuyến khích và hỗ trợ cụ thể và thiếu các chính sách từ Chính phủ nhằm hạn chế rủi ro trong việc mở rộng quy mô và khai thác tiềm năng tín dụng xanh nhằm đáp ứng nhu cầu cao về tài chính trong bối cảnh thực hiện JETP và đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 tại Việt Nam.

Hiện nay, nguồn tín dụng xanh được cung cấp cho các dự án tiết kiệm năng lượng nói chung và các sáng kiến làm mát xanh nói riêng gần như chưa có. Rào cản chính là khó khăn trong việc đánh giá khả năng tài chính của các hoạt động đầu tư vào hiệu quả năng lượng nói chung và làm mát nói riêng. Thông thường, hoạt động đầu tư vào hiệu quả năng lượng không được tính là một dự án độc lập như dự án đầu tư vào năng lượng tái tạo nên hồ sơ do nhà đầu tư chuẩn bị không có quy chuẩn và không đủ thuyết phục. Hơn nữa, các ngân hàng bị hạn chế về mặt năng lực kỹ thuật trong việc đánh giá các khía cạnh kỹ thuật và tài chính do hoạt động đầu tư vào hiệu quả năng lượng và chưa được tiêu chuẩn hóa so với việc đánh giá dự án năng lượng tái tạo. Ngoài ra, lĩnh vực làm mát xanh cũng chưa được quy định cụ thể trong khung pháp lý của Việt Nam; do đó, các ngân hàng thiếu cơ sở trong việc đánh giá cho vay đối với các dự án trong lĩnh vực này. Theo quan điểm của các ngân hàng, các dự án đầu tư vào hiệu quả năng lượng được coi là lĩnh vực có rủi ro cao, tuy nhiên có thể giảm thiểu rủi ro nếu các chính sách cụ thể được đưa ra và các hoạt động thí điểm được tiến hành.

5.1.2.3 Các sản phẩm tín dụng xanh hiện có

Hiện nay, các tổ chức tín dụng ở Việt Nam áp dụng nhiều mức lãi suất khác nhau cho các dự án xanh, thường thấp hơn lãi suất cho vay thông thường. Mức độ chiết khấu tùy thuộc vào mức độ tham gia của khách hàng vào quy trình sản xuất xanh và công nghệ cao. Lãi suất ngắn hạn cho các dự án thuộc lĩnh vực xanh dao động từ 5-8%/năm, trong khi lãi suất dự án trung và dài hạn dao động từ 9-12%/năm (Nam Á Bank, 2022). Một số ngân hàng thương mại đáng chú ý ở Việt Nam có tỷ trọng tín dụng xanh cao, đã đưa ra các gói tín dụng xanh hấp dẫn và xây dựng các quy định nhằm thúc đẩy tài chính xanh.

Trong quá trình tham vấn với Agribank, khi khách hàng tìm kiếm khoản vay, họ sẽ được giới thiệu về tín dụng xanh. Cách tiếp cận này được triển khai nhất quán trên tất cả các chi nhánh của Agribank. Đặc biệt đối với các gói tín dụng xanh dành riêng cho lĩnh vực nông nghiệp sử dụng công nghệ cao, Agribank đưa ra mức chiết khấu từ 0,5% đến 1,5% so với lãi suất tiêu chuẩn áp dụng cho lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (vốn dao động từ 4% đến 5%). Agribank áp dụng nguyên tắc mức chiết khấu lãi suất phụ thuộc vào mức độ tham gia của khách hàng vào quy trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, Agribank còn miễn một số loại phí cho những người tham gia chương trình này, bao gồm các dịch vụ như chuyển tiền và phí bảo lãnh.

Thông tin chi tiết về các sản phẩm tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam được tóm tắt trong Phụ lục 2.

5.2 Trái phiếu xanh

Khung pháp lý cho trái phiếu xanh đã được quy định trong LBVMT 2020 và các quy định liên quan khác. Theo LBVMT 2020, trái phiếu xanh được định nghĩa là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu nhằm huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường và các dự án đầu tư mang lại lợi ích cho môi trường. Khung pháp lý này đã quy định nền tảng cho sự phát triển của thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam. Cùng với sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, thị trường trái phiếu xanh trong nước đang dần phát triển. Việt Nam đã phát hành thành công trái phiếu xanh với tổng giá trị 1,157 tỷ USD từ năm 2019 đến năm 2023, thu hút được sự quan tâm đáng kể từ các bên liên quan.

Cho đến nay các loại trái phiếu xanh đáng chú ý đã được phát hành bao gồm:

- Trái phiếu xanh được phát hành bởi chính quyền địa phương: Đợt phát hành thí điểm trái phiếu xanh đầu tiên của chính quyền địa phương tại Việt Nam diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu vào năm 2016, tập trung vào lĩnh vực quản lý nước bền vững và cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, không có thông tin nào về việc phân bổ và đánh giá trái phiếu xanh sau khi phát hành.
- Trái phiếu xanh doanh nghiệp:
 - Một số tập đoàn, trong đó có BIM Land và VinGroup, đã tham gia phát hành trái phiếu xanh. BIM Land huy động thành công 200 triệu USD thông qua phát hành trái phiếu xanh vào năm 2021 (Hải Yến, 2021), trong khi VinGroup phát hành đợt trái phiếu bền vững trị giá 425 triệu USD (Viet Nam News, 2021);
 - Các tổ chức tín dụng cũng đang tích cực tham gia thị trường trái phiếu xanh. Trong quá trình tham vấn, BIDV cho biết đã phát hành đợt trái phiếu xanh vào tháng 10 năm 2023, tuân thủ Nguyên tắc Trái phiếu xanh của ICMA. Ngoài ra, Agribank cũng có kế hoạch phát hành trái phiếu xanh vào cuối năm 2024 với sự hỗ trợ của WB để đảm bảo nguồn vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi. Vietcombank đang đầu tư vào trái phiếu xanh phát hành bởi các công ty trong lĩnh vực năng lượng mặt trời và năng lượng tái tạo.

Việc phát hành trái phiếu xanh cần có sự tham gia đánh giá của bên thứ ba, thường được gọi là đơn vị xác nhận. Gần đây, CBI đã chính thức chấp thuận FiinRatings là đơn vị được ủy quyền đầu tiên tại Việt Nam xác nhận trái phiếu xanh tuân theo chương trình và tiêu chuẩn của CBI. FiinRatings đang trong quá trình xin phê duyệt nguồn tài trợ từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để hỗ trợ xác nhận trái phiếu xanh. Theo FiinRatings, việc phát hành trái phiếu xanh có thể mang lại lợi thế cạnh tranh và nâng cao danh tiếng của chủ thể phát hành.

Các phát hiện chính: Hiện nay, mặc dù nhận được sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư, thị trường trái phiếu xanh vẫn còn hạn chế. Không có thị trường thứ cấp cho trái phiếu xanh ở Việt Nam, các giao dịch chủ yếu là các giao dịch tư nhân và không được công bố rộng rãi. Các bên liên quan trong quá trình tham vấn và kinh nghiệm quốc tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách nhà nước, đặc biệt là danh mục phân loại xanh trong việc hình thành cơ sở pháp lý và xây dựng thị trường trái phiếu xanh. Ngoài ra, các bên liên quan cũng khẳng định tầm quan trọng của bên thứ ba – đơn vị xác nhận. Các bên liên quan đưa ra đề xuất nên thành lập đơn vị xác nhận độc lập chịu trách nhiệm xác nhận trái phiếu xanh, đồng thời vai trò của đơn vị xác nhận này phải được quy định trong khung pháp lý về trái phiếu xanh. Các bên liên quan kỳ vọng sẽ có những chính sách khuyến khích như giảm thuế nhằm hỗ trợ phát hành trái phiếu xanh. Bên cạnh đó, khuyến nghị về sự minh bạch trong công bố thông tin trái phiếu xanh được phát hành cũng được đưa ra nhằm tăng cường độ tin cậy.

5.3 Cổ phiếu xanh

Tại Việt Nam, cổ phiếu xanh chưa được quy định cụ thể trong khung pháp lý mặc dù danh mục cổ phiếu xanh đã dần hình thành, được thể hiện qua Bộ chỉ số Phát triển bền vững Việt Nam (VNSI). Việc xây dựng chỉ số VNSI được coi là một trong những nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 2183/2015/QĐ-BTC về ban hành Kế hoạch hành động của ngành tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 do Bộ TC ban hành ngày 20 Tháng 10 năm 2015.

Chỉ số VNSI được phát triển thông qua sự hợp tác giữa Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với GIZ và UBCKNN. Bộ chỉ số được ra mắt vào năm 2017 và được tính theo phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng, với tần suất tính toán theo thời gian thực là 5 giây/lần. Bộ chỉ số bao gồm cổ phiếu của các công ty có điểm phát triển bền vững tốt nhất được niêm yết trên HOSE thuộc VN100.

Việc chấm điểm phát triển bền vững được thực hiện độc lập dựa trên thông tin được công bố từ các công ty và Bộ câu hỏi ESG do HOSE soạn thảo dựa trên ba khía cạnh của ESG. Quá trình chấm điểm diễn ra một cách bài bản, bao gồm thu thập dữ liệu, chấm điểm lần 1 và rà soát chéo nội bộ và với bên thứ ba (bao gồm công ty kiểm toán với PwC), nhằm hạn chế tối đa sai sót và đưa ra kết quả cuối cùng đáng tin cậy. 20 công ty có điểm cao nhất sẽ được lựa chọn để đưa vào bộ chỉ số. Danh sách loại trừ các doanh nghiệp thuộc các ngành như vũ khí hoặc đạn dược, đồ uống có cồn (không bao gồm bia hoặc rượu nhẹ), kinh doanh thuốc lá, cờ bạc, văn hóa phẩm đồi trụy, năng lượng nguyên tử và than đá.

Trong quá trình tham vấn, Vietcombank đã khẳng định vị thế là một trong 20 công ty niêm yết có chỉ số VNSI cao nhất trên thị trường chứng khoán. Thành tựu này phản ánh nỗ lực không ngừng của Vietcombank trong các cam kết hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện hóa chiến lược phát triển bền vững, tăng cường trách nhiệm, tính minh bạch, và tạo ra giá trị chung cho cộng đồng.

Hiện nay, các quỹ đầu tư cũng đang quan tâm đến khía cạnh về ESG và đầu tư bền vững. Khi tham vấn với quỹ đầu tư Dragon Capital, họ cho biết rằng Dragon Capital xem xét và sử dụng các yếu tố về ESG như một tiêu chí cơ bản trong việc ra quyết định đầu tư của mình. Dragon Capital hiện quản lý danh mục đầu tư đáng kể trị giá 5 tỷ USD trên thị trường chứng khoán và họ áp dụng phương pháp tiếp cận ba bước để phân tích dự án. Phương pháp bao gồm sàng lọc tiêu cực để loại trừ các ngành như thuốc lá, rượu bia, sử dụng lao động trẻ em và những ngành gây ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học. Các công ty phải trải qua quá trình chấm điểm ESG và những công ty có điểm dưới mức đạt yêu cầu sẽ không được Dragon Capital chọn đầu tư. Ngoài ra, Dragon Capital còn tham gia đối thoại và giám sát doanh nghiệp mà họ đầu tư để giải quyết các thiếu sót về mặt ESG.

Các phát hiện chính: Tính đến nay, cổ phiếu xanh vẫn chưa được quy định cụ thể, sự phát triển của cổ phiếu xanh chủ yếu được thể hiện thông qua chỉ số VNSI sử dụng cơ chế tính điểm dựa trên ESG. Hiện tại có rất ít thông tin về tác động của chỉ số này trong việc thúc đẩy đầu tư xanh. Kể từ khi được triển khai vào năm 2017, chỉ số VNSI chỉ bao gồm 20 mã cổ phiếu và chỉ được niêm yết trên HOSE, chưa thực sự là động lực khuyến khích doanh nghiệp quảng bá và tham gia cổ phiếu xanh.

5.4 Bảo hiểm xanh

Hiện nay, nhiệm vụ xây dựng khung pháp lý về bảo hiểm xanh được quy định trong Quyết định số 882/2022/NĐ-CP. Theo Quyết định này, Bộ TC chịu trách nhiệm cho việc xây dựng khung pháp lý về bảo hiểm xanh, thời gian thực hiện từ năm 2022 đến năm 2025. Trong đó bao gồm việc thiết lập danh mục sản phẩm bảo hiểm xanh như bảo hiểm trách nhiệm môi trường cho các đối tượng, các ngành có rủi ro môi trường cao và các sản phẩm bảo hiểm rủi ro khí hậu. Tuy nhiên, cho đến nay, các văn bản pháp luật quy định cụ thể về bảo hiểm xanh vẫn chưa được ban hành.

Các sản phẩm bảo hiểm xanh theo nghĩa hẹp có thể được định nghĩa là bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường và theo nghĩa rộng hơn là bảo hiểm bao gồm các chương trình liên quan đến quản lý rủi ro môi trường và khả năng phục hồi cũng như các sản phẩm sáng tạo bảo vệ các giải pháp các-bon thấp. Bảo hiểm xanh còn được gọi là bảo hiểm thân thiện với môi trường, về cơ bản đóng vai trò như một động lực kinh tế nhằm khuyến khích thay đổi hành vi. Hiện các công ty bảo hiểm đang tạo ra các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo để khuyến khích các hành vi và công nghệ bền vững. Hiện nay có nhiều sản phẩm bảo hiểm xanh nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững và tăng khả năng chống chịu trước thiên tai cho nhiều đối tượng như xe cơ giới, ô nhiễm môi trường, bất động sản, nông nghiệp, năng lượng tái tạo, v.v.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 82 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, trong đó có 32 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 19 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm, 29 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (Cục quản lý, giám sát bảo hiểm, 2023). Dù đa dạng về loại hình công ty bảo hiểm, phân khúc sản phẩm

bảo hiểm xanh mới ở giai đoạn phát triển ban đầu, chỉ có 4 doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm bảo hiểm xanh. Hơn nữa, những sản phẩm được cung cấp chủ yếu giới hạn ở loại hình bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường, cho thấy phạm vi lựa chọn bảo hiểm xanh trên thị trường còn hạn chế. Bản tóm tắt các sản phẩm bảo hiểm xanh hiện có ở Việt Nam được trình bày tại Phụ lục 3 của Báo cáo này.

Các phát hiện chính: Trong quá trình tham vấn, thư mời tham vấn đã được gửi đến 4 công ty bảo hiểm cung cấp bảo hiểm xanh. Tuy nhiên, không có công ty nào sắp xếp được buổi tham và một số công ty phản hồi rằng phạm vi công việc của họ không liên quan đến tài chính xanh. Điều này cho thấy ngay cả các công ty cung cấp sản phẩm bảo hiểm xanh cũng chưa có nhận thức đầy đủ về bảo hiểm xanh là một sản phẩm tài chính xanh, phản ánh nhận thức cũng như vai trò/vị thế chưa nổi trội của bảo hiểm xanh trên thị trường tài chính xanh.

6 Phân tích khoảng trống và khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính xanh góp phần đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 tại Việt Nam

Dựa trên các phát hiện và kết quả phân tích từ quá trình phân tích tổng quan, rà soát kinh nghiệm quốc tế và tham vấn các bên liên quan, các yếu tố chính thúc đẩy tài chính xanh ở Việt Nam được xác định như sau: (i) Chiến lược và điều phối; (ii) Cơ chế minh bạch; (iii) Kỹ năng & năng lực; và (iv) Các công cụ hỗ trợ và cơ chế khuyến khích.

Việc cải thiện chính sách và các hoạt động giúp thúc đẩy tài chính xanh cần được xem xét một cách tổng thể, không tách rời dựa trên mục đích sử dụng tài chính xanh. Bảng dưới đây tổng hợp phân tích những khoảng trống liên quan đến tài chính xanh của Việt Nam, không chỉ tập trung vào các mục tiêu về biến đổi khí hậu hoặc mục tiêu phát thải ròng bằng 0. Đồng thời, các khuyến nghị phù hợp cũng sẽ được đề xuất nhằm giải quyết những khoảng trống này một cách hiệu quả cũng như thúc đẩy tài chính xanh ở Việt Nam.

Bảng 8: Khoảng trống và khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ VÀ CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI			
Chiến lược tổng thể về tài chính xanh	Hiện tại, Việt Nam thiếu một chiến lược tổng thể về tài chính xanh, các hoạt động liên quan đến tài chính xanh chưa được nhất quán và phân mảnh: - Các quy định liên quan đến các sản phẩm tài chính xanh được nằm rải rác ở LBVMT 2020, Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và nhiều quy định khác. Mặc dù trái phiếu xanh và tín dụng xanh được quy định trong LBVMT 2020, mối quan hệ cụ thể hai sản phẩm này và khái niệm tài chính xanh trong khuôn khổ tăng trưởng xanh quốc gia (Quyết định Số 1658/2021/QĐ-CP) chưa rõ ràng. Hơn nữa, cơ sở để xây dựng Quyết định Số 1658/2021/QĐ-CP không đề cập đến LBVMT 2020, gây ra sự không rõ ràng giữa các quy định này. - Mối quan hệ giữa tài chính xanh và NDC của Việt Nam cũng như các chính sách và cam kết khí hậu khác chưa rõ ràng. - Chưa rõ đơn vị nào đóng vai trò điều phối tài chính xanh. Trong quá trình tham vấn với Bộ KH&ĐT, họ cho biết không có cơ quan điều phối cụ thể nào cho tài chính xanh. Điều này ảnh hưởng đến cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan. - Mục tiêu triển khai tài chính xanh chưa được làm rõ, và không có tiêu chí rõ ràng nào để đánh giá thành công của tài chính xanh.	Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, việc xây dựng một chiến lược tổng thể về tài chính xanh là cần thiết vì đây là yếu tố nền tảng quan trọng để thúc đẩy các sáng kiến tài chính xanh. Do đó, việc xây dựng một chiến lược tổng thể về tài chính xanh cho Việt Nam trở nên quan trọng, kết hợp với một số yếu tố sau: - Đảm bảo tính nhất quán và hài hòa với LBVMT 2020, Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và các chính sách khí hậu khác. - Phù hợp với các mục tiêu về khí hậu và môi trường liên quan, nhấn mạnh mối liên hệ với các chính sách quan trọng như NDC, đồng thời, đóng góp vào các mục tiêu bền vững và khí hậu chung của Việt Nam. - Xác định vai trò của các bên liên quan và thiết lập một cơ quan điều phối quốc gia để giám sát việc thực hiện tài chính xanh. - Đặt ra mục tiêu rõ ràng, thiết lập các tiêu chí nhằm đánh giá thành công trong quá trình triển khai tài chính xanh.	- Bổ nhiệm một cơ quan điều phối quốc gia để giám sát tài chính xanh và thiết lập cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các bộ ngành liên quan. Cơ quan điều phối quốc gia có thể là Bộ KH&ĐT để phù hợp với chức năng của Bộ trong việc điều phối thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh. - Chiến lược tổng thể về tài chính xanh có thể được xây dựng bởi Bộ KH&ĐT và được ban hành bởi Thủ tướng Chính phủ

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
Cải thiện khung pháp lý		- Việc có các quy định bắt buộc hoặc khuyến khích các tổ chức tài chính tích hợp các yếu tố bền vững và xanh vào kế hoạch, chiến lược dài hạn của họ có thể thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm tài chính xanh. Sự minh bạch trong việc báo cáo các chỉ số ESG cũng có thể thúc đẩy tài chính xanh. - Thiết lập các yêu cầu bắt buộc về việc công bố thông tin về các yếu tố ESG hoặc cung cấp cơ chế khuyến khích đặc biệt cho các khoản đầu tư bền vững có thể khuyến khích các ngân hàng phát triển các sản phẩm xanh.	Các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý các sản phẩm tài chính xanh: tín dụng xanh do NHNN quản lý và trái phiếu xanh/bảo hiểm xanh do Bộ TC quản lý.
CƠ CHẾ MINH BẠCH			
Danh mục phân loại xanh	Có một số khoảng trống được xác định trong dự thảo danh mục phân loại xanh như sau: - Mối quan hệ giữa phân loại xanh được phát triển bởi Bộ TN&MT và hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia được xây dựng bởi Bộ KH&ĐT chưa được xác định rõ; - Chưa có cơ chế chứng nhận cho các đơn vị xác nhận độc lập; - Các xu hướng phát triển công nghệ các-bon thấp đang diễn ra nhanh chóng, điều này đòi hỏi việc cập nhật định kỳ cho danh mục phân loại xanh. Tuy nhiên, cơ chế cho việc cập nhật chưa được quy định.	- Thúc đẩy việc ban hành danh mục phân loại xanh và các văn bản hướng dẫn triển khai, tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy tài chính xanh; - Đảm bảo sự nhất quán giữa danh mục phân loại xanh và hệ thống các ngành kinh tế xanh quốc gia cũng như các chính sách khí hậu và môi trường khác; - Xây dựng và công bố quy trình cấp chứng nhận cho các đơn vị xác nhận độc lập; - Xây dựng cơ chế cập nhật danh mục phân loại xanh định kỳ, đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với xu thế phát triển công nghệ các-bon thấp; - Bên cạnh đó, điều chỉnh danh mục phân loại xanh sao cho phù hợp với các phân loại quốc tế của EU, ASEAN, CBI, v.v để tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn từ các nhà đầu tư quốc tế.	- Bộ TN&MT chịu trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai và cập nhật định kỳ cho danh mục phân loại xanh. - Bộ TC và NHNN xây dựng và ban hành chứng chỉ cho các đơn vị xác nhận độc lập cho các sản phẩm tài chính xanh. - Bộ KH&ĐT sẽ đảm bảo sự nhất quán giữa danh mục phân loại xanh và hệ

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
			thống ngành kinh tế xanh quốc gia
Cơ chế công bố thông tin và báo cáo	Mặc dù đã bước đầu thiết lập cơ chế để công bố thông tin và báo cáo cho các sản phẩm tài chính xanh (ví dụ: các tổ chức tín dụng báo cáo về việc triển khai tín dụng xanh cho NHNN trong khuôn khổ chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, hoặc các chủ thể phát hành trái phiếu xanh công bố thông tin cho Kho bạc Nhà nước/Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh), hiện vẫn chưa có nền tảng thống nhất để công bố thông tin về các sản phẩm tài chính xanh. Ngoài ra, theo tham vấn các bên liên quan, thông tin về trái phiếu xanh chưa được công bố rộng rãi, gây ảnh hưởng đến tính minh bạch trên thị trường, và làm chậm quy trình ra quyết định đầu tư, cũng như cung cấp thông tin cho khách hàng và các bên liên quan khác.	Thiết lập một nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia để theo dõi và công bố thông tin về các sản phẩm tài chính xanh, xem xét các khía cạnh sau đây: • Phù hợp với hướng dẫn công bố thông tin của quốc tế, nhằm đảm bảo sự phù hợp về công bố thông tin khí hậu và báo cáo bền vững; • Thực hiện các tiêu chuẩn công bố theo từng giai đoạn, giai đoạn đầu triển khai thu thập thông tin và tăng cường nhận thức về báo cáo khí hậu và bền vững; và giai đoạn cuối cùng thực hiện cơ chế bắt buộc về công bố thông tin và báo cáo; • Huy động các bên liên quan như các cơ quan quản lý thị trường vốn, các cơ quan quản lý tài chính khác, ngân hàng trung ương, cơ quan chính phủ hoặc sàn giao dịch chứng khoán trong việc thiết lập cơ chế công bố thông tin và báo cáo; • Xác định mục đích và phạm vi rõ ràng liên quan đến việc công bố thông tin và báo cáo, từ trọng tâm về khí hậu đến phạm vi rộng hơn về báo cáo xanh hoặc bền vững. • Tạo điều kiện cho sự hợp tác và chia sẻ thông tin giữa các tổ chức tài chính, các cơ quan quản lý và các bên liên quan khác có thể thúc đẩy việc chia sẻ các thực hành tốt, các dữ liệu và kiến thức liên quan. Sự hợp tác này không chỉ tăng cường minh bạch mà còn thúc đẩy phát triển các sản phẩm tài chính sáng tạo, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh và giảm các-bon.	NHNN và Bộ TC sẽ xây dựng các cơ sở dữ liệu về các sản phẩm tài chính xanh trong phạm vi quản lý; kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tăng trưởng xanh dưới sự quản lý của Bộ KH&ĐT.

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
NĂNG LỰC VÀ KỸ NĂNG			
Nhóm chuyên trách về tài chính xanh	Hiện nay, Việt Nam thiếu một nền tảng kết nối các bên liên quan trong tài chính xanh để hỗ trợ việc triển khai tài chính xanh, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật.	Dựa vào kinh nghiệm quốc tế, ví dụ như Singapore – quốc gia tiên phong trong lĩnh vực tài chính xanh - đã thành lập một Nhóm chuyên trách về tài chính xanh, bao gồm các chuyên gia từ các ngân hàng, quỹ quản lý tài sản, các công ty bảo hiểm, các nhà cung cấp dịch vụ bền vững, giới học thuật, các tổ chức phi chính phủ để tận dụng sự hợp tác công tư nhằm hỗ trợ thúc đẩy tài chính xanh. Tham khảo bài học quốc tế, Việt Nam nên xem xét việc thành lập một Nhóm chuyên trách về tài chính xanh quốc gia với các yếu tố sau: • Nhóm chuyên trách về tài chính xanh quốc gia nên bao gồm các đại diện từ các bên liên quan trong các lĩnh vực tài chính xanh, bao gồm Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT, NHNN, Bộ TC, các tổ chức tín dụng, các công ty bảo hiểm, các tổ chức kiểm toán, các tổ chức xác nhận trái phiếu, giới học thuật, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và các chuyên gia quốc tế. Các thành viên này có thể được tổ chức thành các nhóm chuyên môn, bao gồm các nhóm kỹ thuật và nhóm làm việc chung, với sự điều phối từ một ủy ban điều hành. • Xác định rõ ràng và cụ thể các mục tiêu, sản phẩm và một kế hoạch công việc chi tiết cho Nhóm chuyên trách để tạo điều kiện cho việc thực hiện hiệu quả tài chính xanh.	Bộ KH&ĐT thiết lập Nhóm chuyên trách về tài chính xanh trong khuôn khổ chương trình tăng trưởng xanh quốc gia, có thể tích hợp với các nhóm chuyên trách/ban chỉ đạo thực hiện COP26/JETP.
Chương trình nâng cao năng lực	Trong quá trình tham vấn, một trong những khoảng trống về năng lực được nhấn mạnh:	• Xây dựng và đào tạo năng lực: Cung cấp các chương trình đào tạo, hội thảo và hỗ trợ cho các cán bộ trong lĩnh vực tài chính để nâng cao sự hiểu biết của họ về nguyên tắc và thực hành tài chính bền	Các cơ quan liên quan, dưới sự điều phối của cơ quan đầu mối quốc gia

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
	- Cán bộ tại các tổ chức tín dụng thiếu chuyên môn về đánh giá rủi ro môi trường trong cấp tín dụng xanh cho các dự án xanh. - Các nhà đầu tư, chủ dự án thiếu thông tin về các sản phẩm tài chính xanh và lợi ích của chúng so với các sản phẩm thông thường.	vững. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thúc đẩy các sản phẩm tài chính bền vững hiệu quả. Nhận thức và nhu cầu của người tiêu dùng: Các hoạt động nhằm tăng cường nhận thức của công chúng về lợi ích tài chính bền vững có thể thúc đẩy nhu cầu cho các sản phẩm tài chính xanh và tài chính bền vững, thúc đẩy người tiêu dùng tìm kiếm và đầu tư vào các sản phẩm tài chính bền vững hơn, từ đó thúc đẩy các tổ chức tài chính cung cấp nhiều sản phẩm hơn.	
Quản lý rủi ro môi trường	Trong quá trình tham vấn với một số ngân hàng thương mại, họ cho biết mặc dù NHNN đã ban hành Thông tư số 17/2022/NHNN cung cấp hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường trong việc cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng, các bước triển khai và cơ chế triển khai chưa được làm rõ. Theo Agribank, tiêu chí được sử dụng để xác định tác động môi trường chưa được rõ ràng.	Theo kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là kinh nghiệm từ hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường ở Singapore, một số khía cạnh có thể được xem xét: - Xác định một quy trình rõ ràng để đánh giá rủi ro môi trường. Một số tiêu chí có thể được xem xét trong đánh giá rủi ro môi trường, bao gồm: lượng phát thải KNK, khả năng dễ bị tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan, mối quan hệ với các thực hành không bền vững như phá rừng và ô nhiễm, v.v - Xác định một cơ chế quản lý và giám sát rủi ro rõ ràng, bao gồm cơ chế quản lý và giám sát rủi ro cho các dự án có hồ sơ rủi ro môi trường cao, yêu cầu cụ thể về công bố thông tin liên quan đến môi trường cho khách hàng. - Xác định các cơ chế để thường xuyên cập nhật các hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường để phản ánh sự phát triển, cập nhật của các khung pháp lý và tiến bộ trong ngành	NHNN chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
CÔNG CỤ VÀ CÁC CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH			
Cơ chế khuyến khích	Theo tham vấn, hiện thiếu cơ chế khuyến khích để các ngân hàng và các bên liên quan khác tham gia vào thị trường tài chính xanh. Hiện các ngân hàng chủ yếu huy động vốn với lãi suất thông thường và cấp tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi, gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của các ngân hàng, làm giảm động lực tham gia tích cực vào thị trường tài chính xanh.	Phát triển các cơ chế khuyến khích để thúc đẩy các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư và chủ dự án tham gia vào thị trường tài chính xanh, bao gồm: • Cơ chế ưu đãi về thuế: Các tổ chức tài chính cung cấp hoặc đầu tư vào các sản phẩm tài chính xanh có thể được khuyến khích thông qua giảm thuế, miễn thuế. Những động thái này có thể dưới dạng giảm thuế doanh nghiệp, miễn thuế cho các giao dịch cụ thể hoặc các khoản thuế khuyến khích được xây dựng riêng cho các khoản đầu tư xanh. Ví dụ, ở Malaysia, họ đã phát triển "Cơ chế Khuyến khích Công nghệ Xanh", xác định các cơ chế khuyến khích thuế cho các dự án xanh, dịch vụ xanh và tài sản xanh. • Quỹ hoặc trợ cấp từ chính phủ: Xây dựng quỹ hoặc trợ cấp từ chính phủ cho các dự án bền vững và các sáng kiến xanh có tiềm năng thu hút vốn đầu tư tư nhân. Ví dụ, việc cung cấp trợ cấp hoặc cho vay lãi suất thấp đặc biệt cho các dự án năng lượng tái tạo có thể kích thích sự phát triển của các sản phẩm tài chính tương ứng. Trong trường hợp của Trung Quốc, họ đã phát triển "chương trình hỗ trợ phát triển xanh của doanh nghiệp tư nhân" để tạo ra một quỹ phát triển xanh quốc gia và khuyến khích việc thành lập các quỹ phát triển xanh địa phương. Ngoài ra, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã ra mắt một công cụ hỗ trợ giảm lượng các-bon, cung cấp các khoản vay chi phí thấp cho các tổ chức tài chính để cung cấp các khoản vay	Bộ KH&ĐT, Bộ TC, NHNN nghiên cứu và triển khai các cơ chế khuyến khích

NỘI DUNG	KHOẢNG TRỐNG	KHUYẾN NGHỊ	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH
		cho các doanh nghiệp tham gia vào các ngành ưu tiên giảm lượng các-bon. • Cơ chế hỗ trợ tín dụng: Chính phủ hoặc ngân hàng nhà nước có thể xây dựng các chương trình bảo đảm tín dụng cho các sáng kiến tài chính xanh. Những cơ chế này giúp giảm thiểu rủi ro cho các tổ chức tài chính, từ đó khuyến khích họ tham gia cho vay hoặc đầu tư vào các dự án xanh.	
Các sản phẩm tài chính xanh	Hiện nay, thị trường tài chính xanh tại Việt Nam thiếu sự đa dạng, hiện mới chỉ có hai sản phẩm tài chính được luật hóa trong LBVMT 2020: Tín dụng xanh và trái phiếu xanh	Cần nhắc mở rộng sang các sản phẩm khác như cổ phiếu xanh và bảo hiểm xanh, v.v. Tuy nhiên, việc tiến hành các đánh giá cụ thể về tác động của những sản phẩm mới này đối với khí hậu và môi trường là rất quan trọng. Đánh giá này sẽ là nền tảng để phát triển các sản phẩm mới phù hợp với mục tiêu bền vững và yêu cầu của thị trường.	Cơ quan đầu mối chủ trì, hợp tác với các bên liên quan để xây dựng kế hoạch mở rộng các sản phẩm tài chính xanh.

Nguồn: Nhóm Tư vấn

7 Các bước tiếp theo để thúc đẩy nguồn vốn vào các dự án làm mát xanh tại Việt Nam

Nhìn chung, Nhóm Tư vấn đã đưa ra các đề xuất toàn diện trong Phần 6 để thúc đẩy tài chính xanh cho các dự án làm mát xanh và các sáng kiến xanh khác. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Việt Nam, việc thực hiện tất cả các hoạt động đề xuất vào thời điểm hiện tại có thể gặp thách thức do Việt Nam vẫn chưa xác định rõ hướng đi để thúc đẩy tài chính xanh và chưa xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai tài chính xanh. Do đó, cách tiếp cận cho các bước tiếp theo để thúc đẩy tài chính xanh là hỗ trợ các nhiệm vụ cụ thể được giao cho các Bộ, Ngành và các bên liên quan đến tài chính xanh, được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 9: Các bước tiếp theo để thúc đẩy tài chính xanh

STT	HOẠT ĐỘNG	ĐẦU MỐI
I	Danh mục phân loại xanh	Bộ TN&MT
1	Nghiên cứu, đóng góp cho danh mục phân loại xanh, bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực làm mát xanh và phát thải các-bon thấp	Bộ TN&MT (ISPONRE, DCC)
2	Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện các quy định và hướng dẫn triển khai danh mục phân loại xanh: Quy trình chứng nhận cho tổ chức chứng nhận độc lập, cơ chế cập nhật danh mục phân loại xanh định kỳ	Bộ TN&MT (ISPONRE)
II	Nghiên cứu, xây dựng các chương trình về huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh	Bộ KH&ĐT (Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường)
III	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế cho trái phiếu xanh; nghiên cứu các tác động tiềm năng của cổ phiếu xanh và bảo hiểm xanh	Bộ TC
1	Hỗ trợ việc xây dựng Đề án phát hành trái phiếu chính phủ xanh	Bộ TC (Vụ Tài chính Ngân hàng)
2	Hỗ trợ xây dựng cơ chế báo cáo và công bố thông tin cho trái phiếu xanh	Bộ TC (Vụ Tài chính Ngân hàng, UBCKNN, Kho bạc Nhà nước)
3	Tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình thí điểm trái phiếu xanh để rút ra bài học kinh nghiệm cho quá trình phát triển chính thức	Bộ TC (Vụ Tài chính Ngân hàng, UBCKNN)

4	Hỗ trợ triển khai các nghiên cứu tiềm năng về các sản phẩm cổ phiếu xanh và bảo hiểm xanh để xây dựng các chiến lược phát triển phù hợp	Bộ TC (Vụ Tài chính Ngân hàng, UBCKNN)
IV	Xây dựng các cơ chế để thúc đẩy tín dụng xanh	NHNN
1	Phân tích và đánh giá công tác triển khai tín dụng xanh và ngân hàng xanh	NHNN (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)
2	Xây dựng các hướng dẫn cho các tổ chức tín dụng về việc tập trung, bố trí nguồn vốn để cho vay ưu đãi, khuyến khích chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc danh mục phân loại xanh	NHNN (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)

8 Kết luận

Tài chính là nền tảng của các nền kinh tế đang phát triển và tài chính xanh đóng vai trò như một động lực then chốt trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường.

Việt Nam chỉ còn 27 năm để đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tuy nhiên, để giảm lượng phát thải trong 27 năm tới và thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh của quốc gia cũng như đảm bảo an ninh năng lượng, cần có sự thay đổi từng bước về mức đầu tư. Quá trình chuyển đổi toàn cầu sang một nền kinh tế mạnh mẽ, thân thiện với môi trường, có mức phát thải ròng bằng 0 cần hàng nghìn tỷ USD được tái phân bổ và đầu tư vào các công nghệ, dịch vụ và cơ sở hạ tầng mới dưới hình thức tài chính xanh. Rất nhiều cơ hội được mở ra cho ngành tài chính và dịch vụ tại Việt Nam trong quá trình chuyển đổi này. Ở cấp quốc gia, những nỗ lực không ngừng nghỉ nhằm xây dựng tài chính xanh tại Việt Nam đã cho thấy những kết quả tích cực.

Tuy nhiên, tài chính xanh trong nước vẫn chưa thực sự phát huy hết tiềm năng. Để thực hiện các cam kết về khí hậu và đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Việt Nam cần khẩn trương hoàn thiện khung chính sách, tổ chức thể chế và thiết lập một môi trường thuận lợi cho sự phát triển tài chính xanh. Cần phải nhanh chóng ban hành một chiến lược toàn diện, trong đó đưa ra định hướng chiến lược rõ ràng cho sự phát triển của tài chính xanh. Ngoài ra, việc xác định cơ quan đầu mối quốc gia giám sát tài chính xanh và cơ chế điều phối giữa các bộ ngành liên quan, bao gồm NHNN, Bộ TC, Bộ TN&MT, Bộ KH&ĐT và các bên liên quan khác là rất quan trọng. Việc đẩy nhanh công tác ban hành các quy định hướng dẫn và danh mục phân loại xanh cũng là điều cần thiết nhằm thiết lập nền tảng pháp lý quan trọng cho các bên tham gia thị trường. Đồng thời, cần đẩy mạnh việc xây dựng các chính sách khuyến khích, thiết lập cơ chế công bố thông tin và báo cáo, hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường và xem xét mở rộng phạm vi các sản phẩm tài chính xanh phù hợp. Những nỗ lực này sẽ góp phần giúp Việt Nam thực hiện các cam kết khí hậu và môi trường, đồng thời tạo tiền đề cho tài chính xanh phát triển bền vững, phù hợp với các mục tiêu bền vững toàn cầu, đảm bảo môi trường tài chính linh hoạt và có trách nhiệm với môi trường trong tương lai.

i. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BloombergNEF. (2022). *The \$7 Trillion a Year Needed to Hit Net-Zero Goal*.
- Bộ KH&ĐT. (2022). . *Climate public expenditure and investment review of Viet Nam*.
- Bộ TN&MT. (2022). *Báo cáo kỹ thuật xây dựng Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050*.
- BTC. (2022). *Vietnam ranks second in green bond issuance in ASEAN*.
https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/l/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM235542
- CBI. (2020). *China Green Bond Market 2019 Research Report*.
- CBI. (2022). *Green Infrastructure Investment Opportunities: Indonesia—Green Recovery*.
- Department of the Insurance Supervisory Authority. (2023). *Niên giám thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2022*.
- FoSDA. (2021). *Taxomania! An International Overview*.
<https://futureofsustainabledata.com/taxomania-an-international-overview/>
- GFIT. (n.d.). *Green Finance Industry Taskforce (GFIT)*.
<https://www.mas.gov.sg/development/sustainable-finance/green-finance-industry-taskforce>
- GGGI. (2021). *Green Bonds Make More Cents? International Experiences and Policy Implications for Viet Nam*.
- Hải Yến. (2021). *First unlisted Vietnamese enterprise issues green bonds on int'l market*.
<https://hanoitimes.vn/first-unlisted-vietnamese-enterprise-to-issue-green-bonds-on-intl-market-317258.html>
- Hồng Hà. (2023). *Ngân hàng VDB đẩy mạnh tín dụng cho kinh tế xanh tại Việt Nam*.
<https://vietnamnet.vn/ngan-hang-vdb-day-manh-tin-dung-cho-kinh-te-xanh-tai-viet-nam-2136843.html>
- ICMA. (2021). *Overview and Recommendations for Sustainable Finance Taxonomies*.
<https://www.icmagroup.org/assets/documents/Sustainable-finance/ICMA-Overview-and-Recommendations-for-Sustainable-Finance-Taxonomies-May-2021-180521.pdf>
- IEA. (2021). *Net Zero by 2050: A Roadmap for the Global Energy Sector*.
- IMF. (n.d.). *Green finance in Singapore*.
- IRENA. (2021). *World Energy Transitions Outlook: 1.5°C Pathway, International Renewable Energy Agency, Abu Dhabi*.

- LSTA. (2022). *Sustainable lending continues to surge*. <https://www.lsta.org/news-resources/sustainable-lending-continues-to-surge/>
- Lưu Ánh Nguyệt. (2020). *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển tín dụng xanh và hàm ý chính sách cho Việt Nam*. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM236624
- MSFI. (n.d.). *Sustainable Finance: State of Market in Malaysia*.
- Nam Á Bank. (2022). *Ngân hàng xanh – Nền tảng phát triển kinh tế bền vững*. <https://www.namabank.com.vn/ngan-hang-xanh-nen-tang-phat-trien-kinh-te-ben-vung>
- Nguyễn Chí Tín. (2023). *Dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường đã chiếm khoảng 20% tổng dư nợ tín dụng*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/du-no-duoc-danh-gia-rui-ro-moi-truong-da-chiem-khoang-20-tong-du-no-tin-dung-135538.html>
- OECD. (2020). *Developing Sustainable Finance Definitions and Taxonomies*. <https://www.oecd.org/env/developing-sustainable-finance-definitions-and-taxonomies-134a2dbe-en.htm>
- The Economist Intelligence Unit. (2020). *The Power of Efficient Cooling*.
- The Government. (2022). *Nationally Determined Contribution (NDC) (updated in 2022)*. <https://unfccc.int/NDCREG>
- UNEP. (2016). *Inquiry: Design of a Sustainable Financial System: Definition and Concept: Background note*. https://wedocs.unep.org/bitstream/handle/20.500.11822/10603/definitions_concept.pdf
- Ủy ban Châu Âu. (2023). *Joint Statement on the Launch of the Resource Mobilisation Plan for the Just Energy Transition Partnership with Viet Nam*.
- Viet Nam News. (2021). *Vinpearl successfully issues exchangeable sustainable bond*. <https://vietnamnews.vn/economy/1050799/vinpearl-successfully-issues-exchangeable-sustainable-bond.html>
- WANG, C. N., & Ziyang, S. (2023, February 8). *Green Finance trends in China (1): China's Green Finance Policy Landscape – Green Finance & Development Center*. <https://greenfdc.org/green-finance-trends-in-china-1-chinas-green-finance-policy-landscape/>

j. PHỤ LỤC

a. Phụ lục 1: Các văn bản pháp luật chính của Việt Nam liên quan đến tài chính xanh

Bảng 10: Các văn bản pháp luật chính của Việt Nam liên quan đến tài chính xanh

STT.	Các văn bản pháp luật	Mô tả chung
A	LUẬT	
1	Luật số 72/2020/QH14 về Bảo vệ Môi trường ban hành bởi Quốc Hội, ngày 17 tháng 11 2020 (LBVMT 2020)	Điều 149 quy định về tín dụng xanh và Điều 150 quy định về trái phiếu xanh
B	NGHỊ ĐỊNH	
2	Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 06 năm 2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của chính phủ trên thị trường chứng khoán. (Nghị định số 95/2018/NĐ-CP)	- Đưa ra định nghĩa về trái phiếu xanh Chính phủ; - Xác định Bộ TC phối hợp với Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT xây dựng đề án phát hành trái phiếu Chính phủ xanh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.
3	Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP)	- Đưa ra định nghĩa về trái phiếu doanh nghiệp xanh; - Quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng nguồn tiền huy động từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh; - Quy định nguyên tắc công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp xanh.
4	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	- Quy định các dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh; - Quy định cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh; - Quy định lộ trình thực hiện tín dụng xanh;

		Quy định trái phiếu xanh.
5	Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2022 sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định số 65/2022/NĐ-CP)	Sửa đổi một số quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP về công bố thông tin trái phiếu xanh
C	QUYẾT ĐỊNH	
6	Quyết định số 986/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 08 năm 2018 về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. (Quyết định số 986/2018/QĐ-TTg)	Đặt mục tiêu thúc đẩy phát triển tín dụng xanh và ngân hàng xanh nhằm góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh, phát thải các-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2021 – 2025.
7	Quyết định số 1658/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01 tháng 10 năm 2020 phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. (Quyết định số 1658/2020/QĐ-TTg)	- Đưa ra khái niệm về tài chính xanh - Quy định cơ chế để huy động nguồn tài chính cho tăng trưởng xanh
8	Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 07 năm 2022 phê duyệt kế hoạch hành	Nêu rõ vai trò của Bộ TC, Bộ KH&ĐT, NHNN, Bộ TN&MT và các bộ ngành liên quan, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh liên quan đến huy động nguồn tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh

	động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030. (Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg)	
9	Quyết định số 1604/2018/QĐ-NHNN của NHNN ngày 07 tháng 08 năm 2018 về việc phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. (Quyết định số 1604/2018/QĐ-NHNN)	Xây dựng các mục tiêu cụ thể nhằm phát triển ngân hàng xanh và đề xuất các nhóm giải pháp cho NHNN và các tổ chức tín dụng nhằm đạt được những mục tiêu này.
10	Quyết định số 1408/2023/QĐ-NHNN của NHNN ngày 26 tháng 07 năm 2023 về việc ban hành kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Quyết định số 1408/2023/QĐ-NHNN)	Quy định các nhiệm vụ, bao gồm: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh; điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng ngân hàng góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia; chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc NHNN trong hợp tác quốc tế để thúc đẩy việc huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh.
D	THÔNG TƯ	
11	Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ TC ban hành, ngày 16 tháng 11 năm 2020, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	Yêu cầu các công ty đại chúng công bố báo cáo ESG hàng năm, bao gồm thông tin về tác động môi trường, quản lý nguyên liệu thô, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ LBVMT, chính sách nhân viên, trách nhiệm với cộng đồng địa phương và các hoạt động thị trường vốn xanh.

12	Thông tư số 17/2022/TT-NHNN của NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2022 hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 17/2022/TT-NHNN)	Hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó nêu rõ đối tượng áp dụng, dự án đầu tư, nguyên tắc, thành phần thông tin và yêu cầu tối thiểu về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động tín dụng.
13	Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT do Bộ KH&ĐT ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2023 quy định về Bộ chỉ tiêu thống kê cho tăng trưởng xanh (Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT)	Quy định bộ tiêu chí thống kê tăng trưởng xanh, bao gồm các chỉ tiêu cho lĩnh vực vốn đầu tư, trái phiếu, tín dụng.
E	CÔNG VĂN	
14	Công văn số 9050/2017/NHNN-TD do NHNN ban hành, ngày 03 tháng 11 năm 2017 về báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.	Tập trung vào các yêu cầu báo cáo liên quan đến cấp tín dụng trong lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong cấp tín dụng.

Nguồn: Nhóm Tư vấn tổng hợp

b. Phụ lục 2: Các sản phẩm tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam

Bảng 11: Các sản phẩm tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam

Các tổ chức tín dụng	Các sản phẩm tín dụng xanh	Mô tả
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Tín dụng xanh cho các doanh nghiệp dệt may	Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may trong quá trình chuyển đổi xanh theo hướng phát triển bền vững, BIDV đã triển khai gói tín dụng xanh 4,2 nghìn tỷ đồng với các ưu đãi hấp dẫn về lãi suất, chính sách tài sản đảm bảo và tỷ giá. Theo đó, khoản vay xanh ngắn hạn là khoản vay dành cho các doanh nghiệp dệt may có phương án sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt may đạt tiêu chuẩn, được chứng nhận hoặc được dán nhãn bền vững (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu – GRS; nhãn cotton bền vững – BCI; chứng nhận sản phẩm bền vững C2; tiêu chuẩn không xả thải hóa chất nguy hại – ZDHC, v.v). Khoản vay xanh trung dài hạn là khoản vay nhằm tài trợ các dự án xây dựng/cải tạo công trình xanh, thay thế cải tạo máy móc thiết bị hướng tới sử dụng năng lượng hiệu quả như hệ thống nhiệt điện, hệ thống thu hồi và sử dụng phụ phẩm, hệ thống xử lý chất thải, v.v.
	Khoản vay ưu đãi cho doanh nghiệp xanh	Đối với khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực xanh, BIDV cung cấp gói vay ưu đãi với lãi suất thấp nhất là 6.5% mỗi năm để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đáp ứng một trong các điều kiện sau: (i) Có chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tốt trong nước hoặc quốc tế (VIETGAHP, VIETGAP, GLOBALGAP, BAP); (ii) Có chứng chỉ tiêu chuẩn chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn

		trong nước hoặc quốc tế (VIETGAP, GLOBALGAP, ISO 22000, HACCP, GMP, SQF); (iii) Có chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành chế biến sản phẩm thủy sản tốt trong nước hoặc quốc tế (VIETGAP, GLOBALGAP, SQF, ASC, HACCP, GMP, ISO 22000); (iv) Tiêu chuẩn quốc gia về trồng trọt và chăn nuôi hữu cơ (TCVN 11041:2017); (v) Tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống quản lý môi trường 14001; (vi) Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc Nhãn môi trường theo TCVN ISO/TS 14027. Các chứng chỉ/nhãn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam. Tham gia gói vay này, khách hàng sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi bắt đầu từ 6.5% mỗi năm cho các khoản vay có thời hạn dưới 6 tháng; hoặc từ 7.5% mỗi năm cho các khoản vay từ 6 tháng đến 12 tháng, và từ 8.2% mỗi năm cho các khoản vay với thời hạn vượt quá 12 tháng.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Chương trình tín dụng xanh cho lâm nghiệp, năng lượng tái tạo và nông nghiệp xanh	Việc phân bổ dư nợ tín dụng xanh như sau: • Lâm nghiệp bền vững chiếm 55% (tập trung vào khách hàng cá nhân nhỏ). • Năng lượng tái tạo chiếm 22% (tập trung vào các doanh nghiệp lớn, các dự án đáng chú ý như dự án điện gió của Công ty Điện gió Phương Mai tại Bình Định, gần 1.000 nghìn tỷ đồng; dự án điện mặt trời Thuận Nam tại Ninh Thuận, gần 1.000 nghìn tỷ đồng, với khoảng 700 nghìn tỷ đã giải ngân). • Nông nghiệp xanh chiếm 16%.
	Khoản vay cho nông nghiệp bền vững	Theo dự án “Phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chất lượng cao, ít phát thải gắn với tăng trưởng xanh ở Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”: Trong cho vay nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, Agribank chiếm thị phần lớn nhất

	Cơ chế khuyến khích cho các chương trình nông nghiệp công nghệ cao	Chiết khấu 0,5-1,5% so với lãi suất thông thường dành cho lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn (4-5%), tùy theo sự tham gia của khách hàng vào quy trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, Agribank còn miễn phí cho khách hàng tham gia chương trình này (dịch vụ chuyển tiền, phí bảo lãnh).
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Các sản phẩm tín dụng dành cho các dự án năng lượng tái tạo	Sản phẩm tín dụng cho các dự án xanh từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế của Nhật Bản (JBIC), được thiết kế để tài trợ các dự án nhằm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, và hỗ trợ các dự án năng lượng xanh.
	Các sản phẩm tín dụng cho các dự án tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam	Dự án được triển khai bởi Bộ Công Thương (MOIT) phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới (WB) với tổng giá trị 158 triệu USD, nhằm mục tiêu cải thiện và nâng cao việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp.
Tập đoàn Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC)	Chương trình tín dụng xanh cho năng lượng sạch	Các khách hàng hiện tại của HSBC Việt Nam lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà có thể được cung cấp gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi ít nhất 50% với mục đích vay phù hợp với tiêu chí tài chính hiệu quả năng lượng của HSBC, thay vì 100% như trước đây. Đối tượng vay: Khách hàng hiện tại của HSBC lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái của Công ty Cổ phần GIC tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Khung tín dụng xanh	Khung tín dụng xanh xác định danh sách các danh mục dự án đủ điều kiện để nhận được tín dụng xanh. Khung tín dụng xanh cũng xác định các tài sản xanh được tài trợ, quá trình đánh giá, lựa chọn dự án và quản lý việc sử dụng khoản vay.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công	Chương trình Tài trợ Dự án Tiết	Đây là chương trình phối hợp giữa Quỹ hợp tác khí hậu toàn cầu (Global Climate

thương Việt Nam (Vietinbank)	kiệm Năng lượng (GCPF - Chương trình Tín dụng Quốc tế)	Partnership Fund-GCPF) và VietinBank để tài trợ cho các dự án tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Các điều kiện vay theo chương trình này bao gồm: (i) Đáp ứng các điều kiện tín dụng, bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của VietinBank; (ii) Dự án vay vốn phải tiết kiệm được tối thiểu 20% năng lượng hoặc giảm tối thiểu 20% khí phát thải CO ₂ ; (iii) cam kết sử dụng vốn vay theo mục đích của chương trình và hợp đồng tín dụng; (iv) Tổng vốn đầu tư tối đa là 7 triệu USD.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (Ngân hàng Nam Á)	Chương trình tín dụng xanh	Chương trình cung cấp nguồn tài trợ cho các dự án sản xuất, kinh doanh, và tiêu dùng thân thiện với môi trường, tập trung vào việc bảo vệ môi trường, cải thiện phúc lợi xã hội, sức khỏe con người, và thúc đẩy phát triển bền vững. Đơn vị tiền tệ cho vay là đồng Việt Nam, theo đó, ngân hàng cung cấp gói lãi suất ưu đãi Premium từ 7% mỗi năm. Đối với các dự án ngắn hạn, gói lãi suất ưu đãi tín dụng xanh là 8.8% mỗi năm; đối với các dự án trung và dài hạn, lãi suất ưu đãi là 8.8% mỗi năm trong 24 tháng đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo các lãi suất ưu đãi hiện tại của Ngân hàng Nam Á sau 24 tháng đầu.
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB)	Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành Công nghiệp Việt Nam - Dự án VSUEE	GCF cấp vốn thông qua WB với sự quản lý của MOIT. SHB có vai trò là đơn vị phát hành bảo lãnh cho các ngân hàng tham gia cấp tín dụng cho các dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng trong ngành công nghiệp Việt Nam. Sáng kiến này hỗ trợ việc tiếp cận Quỹ Chia sẻ Rủi ro (RSF) trị giá 75 triệu USD, được hỗ trợ bởi GCF và WB, cho các dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng.
	Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP)	Dự án được tài trợ bởi WB, với tổng vốn 318 triệu USD, dành cho các nhà đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo có công

		suất lắp đặt nhỏ hơn hoặc bằng 30 MW sử dụng năng lượng từ các nguồn như gió, mặt trời, thủy điện, sinh khối và khí sinh học để cung cấp điện thương mại vào lưới điện quốc gia từ các nguồn năng lượng tái tạo một cách bền vững về môi trường và xã hội.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Chương trình khuyến khích cho các dự án tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường	Ngân hàng cung cấp gói tín dụng 8,5 nghìn tỷ đồng cho vay, với lãi suất từ 6% mỗi năm, cho các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn sản xuất kinh doanh nhưng không gây ảnh hưởng hoặc có khả năng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Đối với cá nhân và hộ gia đình, Sacombank cung cấp gói tín dụng 500 tỷ đồng cho nhu cầu vay mua thiết bị năng lượng mặt trời, với lãi suất ưu đãi và đi kèm với sản phẩm bảo hiểm để khuyến khích khách hàng sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên thay vì sử dụng điện.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	Sáng kiến hỗ trợ các nhóm doanh nghiệp tham gia kiểm toán năng lượng	Các doanh nghiệp có cơ hội nhận gói hỗ trợ đặc biệt từ Quỹ Môi trường Xanh (GCTF) do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ với hỗ trợ tài chính không hoàn lại và bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) để tiến hành đầu tư mới hoặc thay thế, hoặc cải thiện các dây chuyền công nghệ mới. Gói tín dụng với lãi suất ưu đãi, thời hạn vay lên đến 24 tháng, các phương thức thanh toán gốc và tài sản đảm bảo linh hoạt, cùng với các thủ tục nhanh chóng.
	Các dự án xanh khác	Techcombank đã hợp tác với WB trong Chương trình Tiết kiệm Năng lượng Thương mại thí điểm (CEEP), Dự án Phát triển Năng lượng Tái Tạo (REDP), Dự án Tiết kiệm năng lượng cho ngành Công nghiệp Việt Nam (VEEIES); hợp tác với Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) trong khoản vay trung và dài hạn trị giá 25 triệu USD để hỗ trợ SMEs đầu tư vào các dự án tiết kiệm năng lượng và

		nhận hỗ trợ trị giá hơn 745,430 USD; hợp tác với SECO trong các dự án tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch để hỗ trợ SMEs đầu tư vào các dự án sản xuất sạch; thiết kế gói tín dụng với nhiều ưu đãi dành riêng cho các doanh nghiệp tham gia kiểm toán năng lượng.
VinaCapital	Chuyển đổi 1/3 số vốn đầu tư sang vốn đầu tư xanh	1/3 các khoản đầu tư thông thường đã được chuyển đổi sang các khoản đầu tư phát triển xanh trong các doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG).
	Quỹ đầu tư tác động VinaCarbon	Quỹ VinaCarbon sẽ đầu tư vào các công ty và dự án có thể tạo ra tín chỉ các-bon.
	Dự án đầu tư năng lượng tái tạo	VinaCapital đang hợp tác với Tập đoàn Năng lượng GS của Hàn Quốc để xây dựng Nhà máy điện dùng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) Long An, với mục tiêu cung cấp điện cho toàn bộ khu vực Nam Bộ. Ngoài ra, VinaCapital đã đầu tư đáng kể vào năng lượng mặt trời thông qua việc hợp tác với EDF Renewables - công ty năng lượng tái tạo - để thành lập công ty SkyX. Hiện tại, SkyX đang phát triển và vận hành hơn 100 MW năng lượng sạch tại hơn 40 nhà máy và khu công nghiệp trên khắp Việt Nam, giúp giảm lượng khí thải các-bon hơn 90,000 tấn mỗi năm.

Nguồn: Nhóm Tư vấn tổng hợp

c. Phụ lục 3: Các sản phẩm bảo hiểm xanh tại Việt Nam

Bảng 12: Các sản phẩm bảo hiểm xanh tại Việt Nam

STT	Tên công ty	Sản phẩm	Mô tả
1	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	Bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường	• Các khiếu nại của bên thứ ba đối với Thương tật thân thể và/hoặc Thiệt hại tài sản phát sinh từ sự cố ô nhiễm; • Thiệt hại về môi trường & các chi phí dọn dẹp/xử lý; • Các chi phí đối phó khẩn cấp; • Các chi phí biện hộ.
2	Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (AIG)	Bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường dành cho nhà thầu	Mang lại sự bảo vệ toàn diện đối với các sự cố ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cho nhà thầu, chủ dự án và các nhà đầu tư, cho dù là ô nhiễm ngẫu nhiên bất ngờ hay ô nhiễm từ từ, gây ra do tình trạng ô nhiễm mới hoặc phát triển từ tình trạng sẵn có.
		Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý ô nhiễm môi trường	Bảo hiểm cho những tổn thất phát sinh do tình trạng ô nhiễm từ những địa điểm mà người được bảo hiểm sở hữu hay hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, đơn bảo hiểm còn là một công cụ linh hoạt, mang tính chiến lược nhằm hỗ trợ các công ty quản lý rủi ro về môi trường.
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb (Chubb)	Bảo hiểm trách nhiệm gây ô nhiễm của nhà thầu	• Trách nhiệm đối với thương tích bên thứ ba, thiệt hại tài sản, xâm nhập, tác động hoặc cản trở; • Bồi thường chi phí làm sạch phát sinh của người được bảo hiểm liên quan đến yêu cầu bồi thường của bên thứ ba; • Các chi phí và phí tổn bao gồm cho tất cả mọi yêu cầu bồi thường trong hạn mức hợp đồng bảo hiểm.
		Bảo hiểm trách nhiệm gây ô nhiễm cơ sở	• Chi phí làm sạch theo yêu cầu của cơ quan quản lý, bao gồm làm sạch sở sở của chính mình và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất hoặc nguồn nước bên ngoài; • Bảo hiểm bên thứ ba đối với thương tật, tổn thất tài sản, chi phí làm sạch và thiệt hại;

			• Bồi thường cho bên thứ ba do ô nhiễm phát sinh từ việc vận chuyển sản phẩm hoặc phế thải; • Giảm đoạn kinh doanh của bên thứ nhất do ô nhiễm; • Bảo hiểm trách nhiệm môi trường đối với thiệt hại tới đa dạng sinh học, bao gồm chi phí khắc phục bổ sung và đền bù.
4	Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) (Fubon)	Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý về ô nhiễm môi trường	• Chi phí xử lý ô nhiễm tại địa điểm bảo hiểm đối với tình trạng ô nhiễm sẵn có; • Chi phí xử lý ô nhiễm tại địa điểm bảo hiểm đối với tình trạng ô nhiễm mới; • Các khiếu nại của bên thứ ba đối với tổn thương thân thể và thiệt hại tài sản tại địa điểm; • Các khiếu nại của bên thứ ba đối với chi phí xử lý ô nhiễm ngoài địa điểm bảo hiểm phát sinh từ tình trạng ô nhiễm sẵn có; • Các khiếu nại của bên thứ ba đối với chi phí xử lý ô nhiễm ngoài địa điểm bảo hiểm phát sinh từ tình trạng ô nhiễm mới; • Các khiếu nại của bên thứ ba đối với tổn thương thân thể và thiệt hại tài sản ngoài địa điểm bảo hiểm; • Các khiếu nại của bên thứ ba đối với tổn thương thân thể và thiệt hại tài sản hoặc chi phí xử lý ô nhiễm tại địa điểm không thuộc sở hữu của người được bảo hiểm; • Các khiếu nại của bên thứ ba đối với tổn thương thân thể và thiệt hại tài sản hoặc chi phí xử lý ô nhiễm ngoài địa điểm không thuộc sở hữu của người được bảo hiểm; • Các tình trạng ô nhiễm phát sinh từ hàng hóa vận chuyển; • Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh – tổn thất thực tế hoặc tổn thất giá trị thuê mướn (chỉ áp dụng khi đã tham gia bảo hiểm tại phạm vi bảo hiểm 1,2 hoặc cả hai phạm vi bảo hiểm này).

Nguồn: Nguyễn Đoàn Châu Trinh, 2022

d.